

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ THÙY LIÊN

VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ
NGƯỜI NGHÈO TẠI XÃ TỀ LỖ, HUYỆN YÊN LẠC,
TỈNH VĨNH PHÚC

LUẬN VĂN THẠC SỸ CÔNG TÁC XÃ HỘI

HÀ NỘI - 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ THÙY LIÊN

**VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ
NGƯỜI NGHÈO TẠI XÃ TÈ LỖ, HUYỆN YÊN LẠC,
TỈNH VĨNH PHÚC**

Chuyên ngành: Công tác xã hội

Mã ngành: 8760101

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. NGUYỄN THỊ THÁI LAN

HÀ NỘI - 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân tôi, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, nội dung được trình bày trong luận văn này là hoàn toàn hợp lệ và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về đề tài nghiên cứu của mình.

Tác giả

Nguyễn Thị Thùy Liên

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên xin cho phép tôi bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến tập thể giảng viên Trường Đại học Lao động – Xã hội đã tận tình dạy dỗ và truyền đạt cho tôi những kiến thức, kỹ năng cũng như lòng yêu mến, tâm huyết với nghề.

Qua đây tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc tới cô giáo: PGS.TS. Nguyễn Thị Thái Lan người đã hướng dẫn trực tiếp, tận tâm chỉ bảo nhiệt tình, đóng góp những ý kiến quý báu và sửa chữa những thiếu sót trong suốt thời gian tôi thực hiện công việc nghiên cứu đề tài.

Xin chân thành cảm ơn UBND xã Tề Lỗ, đã tạo điều kiện thuận lợi để tôi có thể hoàn thành bài luận văn của mình. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến những người nghèo địa bàn nghiên cứu xã Tề Lỗ đã giúp đỡ, hợp tác tích cực trong suốt quá trình nghiên cứu đề tài của mình.

Trong quá trình nghiên cứu, do hạn chế về vốn kiến thức, điều kiện về thời gian có hạn nên luận văn của tôi không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến, sự cảm thông của quý thầy cô giáo để bài khóa luận của tôi được hoàn thiện và đạt kết quả cao.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, 15 tháng 12 năm 2020

Người thực hiện

Nguyễn Thị Thùy Liên

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	III
LỜI CẢM ƠN	IV
MỤC LỤC	I
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	V
DANH MỤC BẢNG	VI
DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....	VI
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	4
3. Mục đích nghiên cứu.....	11
4. Nhiệm vụ nghiên cứu	11
5. Đối tượng nghiên cứu.....	12
6. Khách thể nghiên cứu.....	12
7. Phạm vi nghiên cứu.....	12
8. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của đề tài.....	13
9. Phương pháp nghiên cứu.....	13
10. Kết cấu.....	16
PHẦN NỘI DUNG	18
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC	18
XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO.....	18
1.1.Cơ sở lý luận về nghèo	18
1.1.1. Khái niệm nghèo	18
1.1.2. Khái niệm về người nghèo và đặc trưng của người nghèo	19
1.1.3. Chuẩn nghèo và căn cứ xác định chuẩn nghèo	21
1.1.4. Nguyên nhân của nghèo	27
1.1.5. Khái niệm về giảm nghèo, giảm nghèo bền vững	28

1.2. Các khái niệm công cụ	29
1.2.1. Khái niệm công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội.....	29
1.2.2. Khái niệm vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo	32
1.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo.....	35
1.3.1. Yếu tố năng lực, nhận thức của cán bộ chính sách tại địa phương.....	35
1.3.2. Yếu tố chính sách và pháp luật	38
1.3.3. Yếu tố nhận thức của người nghèo	38
1.3.4. Yếu tố nhận thức của cộng đồng về vấn đề nghèo	40
1.4.Cơ sở pháp lý, chính sách về hoạt động hỗ trợ người nghèo:.....	41
Tiểu kết Chương 1.....	45
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO TẠI XÃ TÈ LỖ, HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC	46
2.1. Đặc điểm địa bàn và khách thể nghiên cứu.....	46
2.1.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu.....	46
2.1.2. Đặc điểm khách thể nghiên cứu.....	48
2.1.3. Nhu cầu hỗ trợ của người nghèo xã Tè Lỗ	52
2.1.4.Những khó khăn mà người nghèo gặp phải khi tham gia các hoạt động giảm nghèo	56
2.1.4.1. Những khó khăn trong đào tạo nghề và giới thiệu việc làm.....	56
2.1.4.2. Những khó khăn trong hoạt động hỗ trợ về tài chính:	58
2.2. Đánh giá việc thực hiện vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo tại xã Tè Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.....	60
2.2.1. Thực trạng vai trò kết nối trong việc hỗ trợ người nghèo.....	60

III

2.2.1.1.Vai trò kết nối trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm cho người nghèo.....	61
2.2.1.2.Vai trò kết nối trong hoạt động hỗ trợ tài chính cho người nghèo	65
2.2.2. Thực trạng vai trò tuyên truyền trong hỗ trợ người nghèo	69
2.2.2.1. Vai trò tuyên truyền các chính sách, dịch vụ xã hội cho người nghèo	69
2.2.2.2.Vai trò tuyên truyền thay đổi nhận thức, nâng cao dân trí cho người nghèo	78
2.2.3.Vai trò giáo dục trong hỗ trợ người nghèo.....	80
2.2.3.1. Vai trò giáo dục trong hoạt động giáo dục bình đẳng giới	80
2.2.3.2.Vai trò giáo dục trong chăm sóc sức khỏe cho người nghèo.....	82
2.2.4.Thực trạng vai trò biện hộ trong việc hỗ trợ người nghèo.....	85
2.2.5.Thực trạng vai trò vận động nguồn lực trong hỗ trợ nhà ở cho người nghèo	87
2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo.....	89
2.3.1. Yếu tố năng lực, nhận thức của cán bộ chính sách tại địa phương.....	89
2.3.2. Yếu tố chính sách và pháp luật	92
2.3.3. Yếu tố nhận thức của người nghèo tại xã Tề Lỗ.....	93
2.3.4.Yếu tố nhận thức của cộng đồng xã Tề Lỗ	95
Tiểu kết Chương 2.....	97
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO TẠI.....	98
XÃ TỀ LỖ,HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC	98
3.1. Giải pháp tăng cường hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về giảm nghèo	98

3.2. Giải pháp nâng cao vai trò kết nối trong dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo.....	99
3.3. Giải pháp nâng cao vai trò giáo dục trong hỗ trợ người nghèo về chăm sóc sức khỏe, bình đẳng giới	100
3.3.1. Giải pháp trong hỗ trợ chăm sóc sức khỏe:.....	100
3.3.2. Giải pháp hỗ trợ trong lĩnh vực bình đẳng giới và kế hoạch hóa gia đình	101
3.4. Giải pháp nâng cao vai trò vận động nguồn lực trong hỗ trợ người nghèo.....	102
3.5. Giải pháp nâng cao vai trò của người nghèo trong hoạt động tham gia kinh tế vươn lên thoát nghèo.....	103
3.6. Nâng cao năng lực, nhận thức cho cán bộ chính quyền tại địa phương	104
Tiểu kết Chương 3.....	107
KẾT LUẬN	108
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	110
PHỤ LỤC	114

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nội dung đầy đủ
1	UBND	Ủy ban nhân dân
2	LĐ – TB & XH	Lao động – Thương binh và xã hội
3	CTXH	Công tác xã hội
4	XĐGN	Xóa đói giảm nghèo
5	CSXH	Chính sách xã hội
6	LTTP	Lương thực thực phẩm
7	BHYT	Bảo hiểm y tế
8	KHHGD	Kế hoạch hóa gia đình

VI

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản	25
Bảng 2.1: Đặc điểm khách thể nghiên cứu.....	49
Bảng 2.2: Hoàn cảnh hộ nghèo xã Tề Lỗ	51

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1: Khảo sát nhu cầu của người nghèo tại xã Tề Lỗ	53
Biểu đồ 2.2: Khó khăn của người nghèo trong quá trình học nghề và	56
kết nối việc làm	56
Biểu đồ 2.3: Đánh giá của người nghèo về khó khăn trong hoạt động hỗ trợ tài chính.....	59
Biểu đồ 2.4: Số lượng người nghèo được đào tạo nghề và kết nối việc làm	61
Biểu đồ 2.5. Đánh giá chất lượng vai trò kết nối của cán bộ làm CTXH trong hoạt động đào tạo nghề và kết nối việc làm.....	63
Biểu đồ 2.6. Số lượng người nghèo được hỗ trợ về tài chính	65
Biểu đồ 2.7: Đánh giá hiệu quả của hoạt động hỗ trợ tài chính	67
Biểu đồ 2.8: Tỷ lệ hộ nghèo được truyền thông về chính sách giảm nghèo	70
Biểu đồ 2.9: Đánh giá hiệu quả hoạt động truyền thông chính sách giảm nghèo.....	72
Biểu đồ 2.10: Khó khăn của hoạt động truyền thông chính sách.....	74
giảm nghèo	74
Biểu đồ 2.11. Đánh giá chất lượng vai trò tuyên truyền chính sách, dịch vụ cho người nghèo	76
Biểu đồ 2.12: Đánh giá của người nghèo về hiệu quả của các hoạt động trong vai trò giáo dục.....	84

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

“Nghèo đói được coi là một vấn nạn xã hội vì đó là vết thương ăn sâu vào mọi phương diện của đời sống văn hóa và xã hội. Đó là bao gồm sự nghèo nàn của các thành viên trong cộng đồng. Nó bao gồm sự thiếu thốn các dịch vụ như giáo dục, y tế, thị trường; cơ sở vật chất cộng đồng như nước, vệ sinh, đường, giao thông, và thông tin liên lạc. Hơn nữa, đó còn là sự nghèo nàn về tinh thần làm cho người ta càng lún sâu vào tuyệt vọng, bất lực, thờ ơ và nhút nhát”[29]. Sự nghèo đói nhất là các nhân tố cấu thành nó và giải pháp vượt qua nó đều mang tính xã hội. Có thể nói nghèo đói cản trở sự phát triển mọi mặt của một quốc gia, người dân không được đảm bảo về thức ăn, nước uống và sức khỏe điều đó khiến cho quốc gia trở nên yếu kém không phát triển, vì vậy giải quyết vấn đề nghèo đói là nhiệm vụ trọng tâm và hàng đầu của tất cả các quốc gia.

Từ nạn đói năm 1945 đã cướp đi sinh mạng của hơn 2 triệu người dân Việt Nam và khiến cho nền kinh tế đất nước trở nên kiệt quệ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã coi nghèo đói là một trong ba thứ giặc đó là giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm và cùng lúc phải diệt ba thứ giặc đó, tuy nhiên phải gấp rút xóa bỏ giặc đói để cho ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Từ đó cho đến nay đất nước ta luôn coi trọng giải quyết vấn đề nghèo đói đó cũng là nhiệm vụ hàng đầu của dân tộc, Việt Nam luôn có những bước đổi mới rõ rệt. *“Xóa đói, giảm nghèo, hạn chế phân hóa giàu nghèo là nội dung được đề cập nhiều trong các văn kiện của Đảng. Chủ trương “khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, không để diễn ra chênh lệch quá đáng về mức sống và trình độ phát triển giữa các vùng, các tầng lớp dân cư được cụ thể hóa thành các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công bằng, bình đẳng, tiến bộ xã hội” [7].*

Khi Việt Nam bước vào thời kỳ đổi mới thì sự phân hóa giàu nghèo diễn ra rất nhanh nếu không tích cực xoá đói giảm nghèo và giải quyết tốt các vấn đề xã hội khác thì khó có thể đạt được mục tiêu xây dựng một cuộc sống ấm no về vật chất, tốt đẹp về tinh thần, vừa phát huy được truyền thống tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu được yếu tố lành mạnh và tiến bộ của thời đại. Do đó trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 1996-2000 nhà nước đã xây dựng được các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có chương trình xoá đói giảm nghèo quốc gia.

Những năm qua, việc tập trung thực hiện thành công Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình giảm nghèo đã tạo điều kiện để người nghèo tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản; cơ sở hạ tầng của các huyện, xã nghèo được tăng cường; đời sống người nghèo được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo cả nước đã giảm “hết năm 2017, tỷ lệ hộ nghèo cả nước còn 6,7% (giảm 1,53% so với cuối năm 2016); đến cuối năm 2018 còn 6% (giảm khoảng 1,0 – 1,3% so với năm 2017); đến cuối năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo bình quân cả nước giảm còn dưới 4% (giảm còn 1,3% so với năm 2018), bình quân tỷ lệ hộ nghèo các huyện nghèo giảm xuống dưới 29% ” [26]. Thành tựu giảm nghèo của nước ta thời gian qua được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao.

Tuy nhiên, kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, số hộ đã thoát nghèo nhưng mức thu nhập nằm sát chuẩn nghèo còn lớn, tỷ lệ hộ tái nghèo hàng năm còn cao; chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư vẫn còn khá lớn, đời sống người nghèo nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là ở khu vực miền núi, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. "Trong tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2016 của dân tộc Kinh là 6,4% thì ở một số nhóm dân tộc thiểu số cao hơn nhiều, ví dụ tỷ lệ của dân tộc H'Mong là 76,2%, Dao 37,5% và Khmer 23,7%" [25]. Tháng 3/2018, tuy đã có 8/64 huyện 30a được công

nhận thoát nghèo; 14/30 huyện hưởng cơ chế 30a thoát khỏi tình trạng khó khăn nhưng lại có thêm 29 huyện thuộc 18 tỉnh được xét bổ sung vào danh sách huyện nghèo giai đoạn 2018 – 2020. Tốc độ giảm nghèo không đồng đều giữa các vùng, miền; khu vực các huyện nghèo nhiều nơi tỷ lệ hộ nghèo vẫn trên 50%, một số nơi trên 60%; xu hướng gia tăng khoảng cách giàu nghèo ngày càng rõ rệt” [1]. Để tạo sự chuyển biến mới trong công tác giảm nghèo thời gian tới, Chính phủ quyết nghị về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020. Giảm nghèo bền vững ở Việt Nam vẫn còn gặp những thách thức khác nhau do các tỉnh, các vùng có điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội khác nhau.

Có thể thấy công tác giảm nghèo đã được Đảng và Nhà nước ta chú trọng, quan tâm và được đặt làm mục tiêu chiến lược hàng đầu trong sự nghiệp phát triển đất nước. Tuy nhiên, mức độ giảm nghèo giữa các vùng, miền, dân tộc thiểu số vẫn có sự chênh lệch đáng kể. Vì vậy, chính quyền địa phương các cán bộ cơ sở cần tăng cường hơn nữa trong việc hỗ trợ người nghèo, cán bộ cơ sở đóng vai trò chủ yếu trong việc đưa các chính sách của Nhà nước tới người nghèo.

Tê Lỗ là một xã thuộc huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xã Tê Lỗ trước kia thuộc xã nghèo của tỉnh Vĩnh Phúc với 100% dân số đều làm nông nghiệp, đến năm 2004 xã thay đổi mô hình sản xuất kinh doanh sang chế biến sắt tái chế ô tô, máy xúc, máy ủi giúp cho kinh tế của xã phát triển rõ rệt đến năm 2019 thu nhập bình quân đầu người đạt 61 triệu đồng/người/năm, đời sống người dân đã được cải thiện đáng kể. Để đạt được sự thay đổi về kinh tế như vậy đó cũng là do sự lãnh đạo, chỉ đạo các chương trình chính sách giảm nghèo của HĐND - UBND của xã Tê Lỗ, cùng với đó là sự nỗ lực vươn lên thoát nghèo của người dân. Nhân viên công tác xã hội trong chức danh cán bộ ban Lao động Thương binh xã hội là người trực tiếp thi hành nhiệm vụ trong

các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo bền vững, cùng với đó là phải thực hiện các hoạt động giúp cho người dân dễ tiếp cận các chính sách đó, cán bộ xã đã trợ giúp người nghèo tiếp cận với chính sách giảm nghèo, hỗ trợ người nghèo các mô hình làm ăn kinh tế mới, đã có những thành công đáng kể trong công tác giảm nghèo. Do vậy trong đề tài đi sâu nghiên cứu về vai trò của nhân viên công tác xã hội trong các hoạt động hỗ trợ người nghèo để thấy được nhân viên CTXH của xã Tề Lỗ đã làm những gì trong hỗ trợ người nghèo, và vai trò của CTXH trong công tác giảm nghèo.

Với những lý do trên đây, tôi đã lựa chọn đề tài "*Vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo tại xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc*" nhằm chỉ ra được những đóng góp của công tác xã hội đối với việc hỗ trợ người nghèo. Trên cơ sở đó, đưa ra được những hạn chế, giải pháp khắc phục và đồng thời phát huy những mặt tích cực để nâng cao vai trò của công tác xã hội trong hoạt động giảm nghèo tại địa phương.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Để giải quyết vấn đề giảm nghèo bền vững hiện nay, đã đặt ra những thách thức mới cho Đảng và Nhà nước cần có những nghiên cứu đánh giá nhà hoạt động thực tiễn thuộc các cơ quan, đơn vị ở nhiều cấp, ngành và địa phương khác nhau đã có nhiều nghiên cứu về xoá đói, giảm nghèo ở các góc độ khác nhau. Sau đây là các nghiên cứu khoa học liên quan đến vấn đề nghèo:

Tình hình nghiên cứu trên thế giới:

World Bank (WB) (2006) đã thực hiện nghiên cứu và xuất bản cuốn sách: "*Beyond the number: Understanding the institution for monitoring poverty reduction strategies*" (*Đằng sau những con số: Điều tra phân tích để giám sát chiến lược xoá đói giảm nghèo*), (Washington, DC) bởi tập thể tác giả: Tara Bedi, Aline Coundouel, Marcus Cox, Markus Goldstein, Nigel

Thornton. Nghiên cứu đã chỉ ra nền tảng của mối quan hệ trong việc tăng cường hệ thống hướng dẫn chi tiết chiến lược giảm nghèo, qua đó xây dựng chính sách và đánh giá tác động của chính sách đối với các nước nghèo. Phân tích thực tiễn chính sách và kết quả thu được ở một số nước Anbani, Bolivia, Guyana, Honduras.

Bài viết “*Gender earnings and poverty reduction: post - communistUzbekistan*” của tác giả Bhat B.A (2011) đề cập đến vấn đề thu nhập theo giới và xóa đói giảm nghèo. Trong bài viết này, tác giả chỉ ra rằng ở Uzbekistan, phụ nữ có ít của cải, địa vị xã hội, quyền lực và cơ hội để tự khẳng định mình so với đàn ông có cùng vị trí xã hội. Quá trình nữ hóa nghèo đói ở Trung Á và Uzbekistan liên quan mật thiết với những hạn chế về văn hóa và thể chất. Chính điều này tạo ra bức trần cản trở sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động kinh tế.

Tình hình nghiên cứu tại Việt Nam:

Nghiên cứu của Ngân hàng thế giới (WB) “*Đánh giá nghèo đói và chiến lược*” (năm 2010) nghiên cứu này đã đánh giá thực trạng đói nghèo của Việt Nam, bước đầu đưa ra các giải pháp và các chính sách trực tiếp tác động tới giảm nghèo ở Việt Nam. Nghiên cứu khẳng định để tiến hành xóa đói giảm nghèo có hiệu quả không chỉ thực hiện bởi các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà phải có các chính sách tác động trực tiếp đến người nghèo trong đó bao gồm các chính sách về đất đai, cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục...

Công trình nghiên cứu “*Giảm nghèo ở Việt Nam: thành tựu và thách thức*” của Viện khoa học Xã hội Việt Nam (2011): đã đánh giá những thành tựu trong công cuộc giảm nghèo của Việt Nam trong hai thập kỷ qua (cụ thể là từ năm 1993 đến nay); phân tích công tác giảm nghèo đặt trong bối cảnh sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), trong đó đặc biệt chú ý đến cách ứng phó với các rủi ro mang tính hệ thống ở cấp độ

nền kinh tế, cũng như với các rủi ro ở cấp độ hộ gia đình hoặc cấp cá nhân và cách tạo ra nhiều cơ hội hơn cho người nghèo và người thu nhập thấp trong bối cảnh kinh tế mới[18].

“*Báo cáo tổng quan các nghiên cứu về giảm nghèo ở Việt Nam*” được thực hiện do nhóm chuyên gia Viện Nghiên cứu và Tư vấn phát triển (RCD) do Bộ Lao động Thương binh xã hội chủ trì (2015): đã nghiên cứu tổng quan khoảng 70 nghiên cứu khác nhau về giảm nghèo, đánh giá những thành tựu đạt được cũng như những hạn chế, bất cập từ khâu xây dựng chính sách cho đến khi tổ chức thực hiện, trên cơ sở đó nêu ra khuyến nghị mang tầm vĩ mô phục vụ cho hoạt động giám sát của Quốc hội, từ đó có biện pháp điều chỉnh chính sách giảm nghèo cho phù hợp với điều kiện thực tiễn [10].

Trong sách chuyên khảo “*Chính sách xóa đói giảm nghèo - Thực trạng và giải pháp*” của tác giả Lê Quốc Lý chủ biên (2012): đã nêu một số lý luận về xóa đói giảm nghèo; những chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về xóa đói, giảm nghèo; thực trạng đói nghèo ở Việt Nam; chính sách xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010; một số chương trình giảm nghèo điển hình của Việt Nam thời gian qua; đánh giá tổng quát thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010; định hướng và mục tiêu giảm nghèo ở Việt Nam trong thời gian tới; một số cơ chế nhằm thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo ở Việt Nam, giải pháp giảm nghèo ở Việt Nam trong thời gian tới [15].

Luận án “*Giải pháp xóa đói giảm nghèo nhằm phát triển kinh tế xã hội ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*” của Nguyễn Thị Nhung (2012) có đề cập đến các vấn đề như thực tiễn xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam, thực trạng về tình hình nghèo đói ở các tỉnh Tây Bắc. Tác giả nêu lên những đặc điểm về nghèo đói, khó khăn, hạn chế, nguyên nhân trong việc nâng cao vai trò của công tác xóa đói giảm nghèo đối với phát triển kinh tế xã hội. Đưa ra quan

điểm phương hướng và một số giải pháp cơ bản để thực hiện xóa đói giảm nghèo nhằm phát triển kinh tế xã hội ở các tỉnh Tây Bắc [17].

Oxfam: “*Mô hình giảm nghèo tại một số cộng đồng điển hình ở Việt Nam*”, Hà Nội - 2013: nghiên cứu đã chỉ ra một số mô hình sinh kế cho người nghèo ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn gắn với các nét văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc, đồng thời chỉ ra các yếu tố xã hội và chiến lược sinh kế đối với mô hình giảm nghèo thành công tại các cộng đồng ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nghiên cứu cũng đưa ra những luận điểm nhằm củng cố phương pháp cùng tham gia theo dõi giảm nghèo và các yếu tố tiên phong, gắn kết cộng đồng, tận dụng lợi thế, thích ứng với điều kiện mới, đa dạng hóa sinh kế, phòng chống rủi ro và quản trị địa phương ở mỗi mô hình khác nhau [28].

Luận án “*Tài chính vi mô hỗ trợ xóa đói giảm nghèo tại tỉnh Đồng Nai đến năm 2020*” của tác giả Lê Kiên Cường (2013). Tác giả cho rằng: tài chính vi mô là một hướng quan trọng trong công cuộc XDGN của Tỉnh; Phát triển tài chính vi mô hỗ trợ XDGN là trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể và toàn dân tỉnh Đồng Nai; Phát triển tài chính vi mô cần phải có trọng điểm, phát triển dần từ nhỏ đến lớn, phù hợp với điều kiện mỗi vùng; Phát triển tài chính vi mô tập trung trước tiên tại những cộng đồng còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế. Phát triển tài chính vi mô hỗ trợ XDGN hướng tới mục tiêu kinh tế và xã hội; Góp phần vào tăng trưởng kinh tế; Tạo thêm công ăn việc làm; Nâng cao thu nhập của người nghèo; Đảm bảo an sinh xã hội, trợ giúp người nghèo có thể vươn lên bằng chính sức lực của mình. Tác giả đưa ra một số giải pháp thực hiện: Xây dựng các tổ chức tài chính vi mô bán chính thức; Khuyến khích sự mở rộng các chi nhánh tài chính vi mô của tỉnh bạn; Phát triển tổ chức tài chính vi mô chính thức: Liên doanh với một số ngân hàng Tài chính vi mô quốc tế. Nghiên cứu gợi mở cho đề tài luận văn về vai

trò của tài chính vi mô trong việc giảm nghèo cũng như cách thức trợ giúp các hộ nghèo tại khu tái định cư tiếp cận với các nguồn tài chính vi mô hiện nay[3].

Luận án “*Phát triển kinh tế cửa khẩu với xóa đói giảm nghèo ở tỉnh Lào Cai*” của Giảng Thị Dung (Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Hà Nội, 2014) nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển kinh tế cửa khẩu với giảm nghèo của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc để từ đó rút ra các bài học cho phát triển kinh tế cửa khẩu Lào Cai. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng mối quan hệ giữa phát triển kinh tế cửa khẩu với giảm nghèo và dự báo những thuận lợi và nguy cơ tác động đến phát triển khu kinh tế cửa khẩu của tỉnh đến năm 2020, tác giả đề xuất quan điểm, định hướng và một số giải pháp chủ yếu phát triển khu kinh tế cửa khẩu gắn với giảm nghèo ở Lào Cai đến năm 2020 [5].

Luận văn “*Công tác xã hội đối với người nghèo từ thực tiễn tỉnh Hà Tĩnh*” của Lê Thị Hà (Học viện khoa học xã hội, Hà Nội, 2016): luận văn nghiên cứu lý luận và thực tiễn công tác xã hội với người nghèo, cộng đồng nghèo qua các hoạt động: tuyên truyền; đào tạo, giới thiệu việc làm; hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ và chính sách xã hội; hoạt động kết nối vận động nguồn lực. Từ đó tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác xã hội đối với người nghèo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh [9].

Luận văn “*Công tác xã hội đối với người nghèo trong giảm nghèo bền vững từ thực tiễn tỉnh Hà Giang*” của Nguyễn Hữu Điệp (Học viện khoa học xã hội, Hà Nội, 2016): Luận văn nghiên cứu về lý luận, thực tiễn công tác xã hội với người nghèo trong giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Luận văn nêu lên thực trạng hoạt động công tác xã hội giảm nghèo bền vững, các yếu tố ảnh hưởng đến công tác xã hội trong giảm nghèo bền vững tại Hà Giang. Tác giả cũng đề xuất các giải pháp, phương án nhằm tăng cường, phát

triển công tác xã hội đối với người nghèo trong giảm nghèo bền vững tại địa bàn nghiên cứu[8].

Luận văn *“Vai trò của công tác xã hội trong xóa đói, giảm nghèo”* (Nghiên cứu trường hợp tại xã Hải Phong, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định) của Bùi Văn Dương (Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội, 2014). Luận văn nghiên cứu vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hoạt động hỗ trợ người nghèo tại địa phương. Qua nghiên cứu thấy được tình hình, số liệu cụ thể về giảm nghèo của địa phương, phản ánh được những thay đổi mang tính tích cực khi có được sự can thiệp của công tác xã hội vào việc triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo và tác giả cũng chỉ ra những yếu tố tác động làm cho nhân viên xã hội không phát huy hết được năng lực và tính chuyên nghiệp của mình [6].

Luận văn *“Vai trò của nhân viên công tác xã hội đối với lồng ghép giới trong dự án xóa đói giảm nghèo”* (Nghiên cứu trường hợp tại 3 xã vãi ngang, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình) của Lê Thị Thu Hằng (Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội, 2014). Luận văn chỉ ra thực trạng nhận thức về bình đẳng giới và hoạt động lồng ghép giới trong dự án giảm nghèo trên địa bàn nghiên cứu, tác giả chỉ ra vai trò của nhân viên công tác xã hội đối với việc nâng cao khả năng thực hiện chính sách của nữ giới, bình đẳng giới trong hoạt động giảm nghèo. Nghiên cứu đã nêu lên những hạn chế khi triển khai những chính sách lồng ghép giới. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế [11].

Luận văn *“Công tác xã hội cá nhân với phụ nữ nghèo tại xã Quảng Phong, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh”* của Phan Thanh Tùng (Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, Hà Nội, 2018). Luận văn nêu lên cơ sở lý luận về CTXH cá nhân với phụ nữ nghèo. Luận văn nghiên cứu về triển khai mô hình CTXH cá nhân với phụ nữ nghèo, chỉ ra thực trạng đời sống phụ nữ

nghèo tại địa bàn nghiên cứu, có được đánh giá về nhân viên CTXH trong quá trình trợ giúp đối tượng, đánh giá vấn đề của thân chủ trước và sau khi thực hiện quá trình can thiệp, qua nghiên cứu tác giả rút ra được bài học kinh nghiệm về CTXH cá nhân với phụ nữ nghèo[21].

Luận văn “ *Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình*” của Nguyễn Thị Ánh Hoàn (Trường Đại học Lao động – Xã hội, Hà Nội, 2019). Luận văn nêu ra những vấn đề lý luận về vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân, tác giả chỉ ra thực trạng vai trò của nhân viên CTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân và các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của nhân viên CTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Qua nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò của nhân viên CTXH trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại địa bàn nghiên cứu [12].

Luận văn “*Dịch vụ công tác xã hội với người nghèo trên địa bàn Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội*” của Đỗ Thị Tuyền (Trường Đại học Lao động – Xã hội, Hà Nội, 2019). Luận văn nghiên cứu cơ sở lý luận về dịch vụ CTXH với người nghèo. Luận văn nêu lên thực trạng dịch vụ CTXH đối với người nghèo, và tác giả chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến dịch vụ CTXH đối với người nghèo trên địa bàn nghiên cứu. Từ đó, đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả dịch vụ CTXH đối với người nghèo trên địa bàn nghiên cứu[22]

Luận văn “*Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trợ giúp người nghèo trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội*” của Cao Thị Minh Hương (Trường Đại học Lao động – Xã hội, Hà Nội, 2018). Luận văn đưa ra cơ sở lý luận về vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trợ giúp người nghèo, nghiên cứu thực trạng vai trò của nhân viên CTXH trong trợ giúp

người nghèo trên địa bàn nghiên cứu. Qua nghiên cứu tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao vai trò của nhân viên CTXH trong việc trợ giúp người nghèo từ thực tế địa bàn quận Long Biên. [13]

Theo tác giả, muốn xem xét tình trạng đói nghèo như thế nào thì trước hết phải dựa vào từng thời kỳ lịch sử, từng vùng, từng quốc gia, khi trình độ kinh tế - xã hội phát triển cao hơn thì càng phải áp dụng tổng hợp các tiêu chí đánh giá để nhanh chóng giảm tỷ lệ đói nghèo tại vùng hoặc quốc gia đó.

Tóm lại, các công trình nghiên cứu và bài viết trong nước được nêu ở trên đã đề cập đến xóa đói giảm nghèo dưới nhiều góc độ và khía cạnh khác nhau cả về lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu ít đề cập đến vai trò của công tác xã hội trong xóa đói giảm nghèo, đây là một vấn đề mới, một khía cạnh mới cần nghiên cứu để đáp ứng yêu cầu của chương trình xóa đói giảm nghèo hiện nay. Chính vì vậy tác giả đã sâu nghiên cứu một trường hợp cụ thể tại xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Mục đích nghiên cứu

Đề tài nhằm đánh giá thực trạng vai trò công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo, phân tích vai trò của công tác xã hội và các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo trên địa bàn xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò của CTXH trong hỗ trợ người nghèo trên địa bàn xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu và xây dựng cơ sở lý luận về nghèo, công tác xã hội, công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo.

- Nghiên cứu thực trạng về vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo;

- Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo.

5. Đối tượng nghiên cứu

Vai trò của công tác xã hội trong hoạt động hỗ trợ người nghèo

6. Khách thể nghiên cứu

- 90 người nghèo sống trên địa bàn xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- 09 cán bộ chính quyền xã bao gồm: 02 cán bộ ban Lao động – Thương binh & xã hội, 01 chủ tịch Hội phụ nữ, 06 cán bộ nhân viên của xã đã được đào tạo tập huấn về công tác xã hội

- 05 trưởng thôn.

- 20 người đại diện hộ nghèo tham gia phỏng vấn sâu.

7. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung

Đề tài tập trung năm vai trò chính của công tác xã hội bao gồm: vai trò kết nối, vai trò huy động nguồn lực, vai trò tuyên truyền, vai trò giáo dục, vai trò biện hộ.

Phạm vi về không gian

Đề tài nghiên cứu trên 5 thôn của xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc: Thôn Giã Bàng, thôn Nhân Lý, thôn Nhân Trai, thôn Trung Hậu, thôn Phú Thọ.

Phạm vi về thời gian

Phạm vi nghiên cứu thu thập thông tin từ năm 2017 - 2019

8. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của đề tài

Ý nghĩa lý luận

Dưới góc độ tiếp cận của CTXH, kết quả nghiên cứu này sẽ góp phần làm sáng tỏ hệ thống lý thuyết của CTXH và một số ngành khoa học liên quan như Xã hội học, Tâm lý học... Nghiên cứu cho chúng ta hiểu rõ hơn về việc áp dụng các lý thuyết, phương pháp của ngành CTXH vào thực hành như thế nào và hiệu quả của những lý thuyết đó.

Kết quả nghiên cứu của đề tài này sẽ làm phong phú thêm lý luận công tác xã hội, lý luận về vai trò của công tác xã hội trong các hoạt động hỗ trợ người nghèo, một số yếu tố ảnh hưởng đến với trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo.

Ý nghĩa thực tiễn

Thông qua việc nghiên cứu vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo tại xã Tề Lỗ đã đánh giá được thực trạng vai trò CTXH trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ người nghèo hiện nay, đề tài đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của CTXH trong hỗ trợ người nghèo.

Qua đề tài nghiên cứu để thấy được tầm quan trọng của các hoạt động thực hành CTXH trong công tác trợ giúp người nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững, đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế xã hội cho xã Tề Lỗ.

9. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Phương pháp nghiên cứu tài liệu là phương pháp khá phổ biến và được sử dụng trong suốt quá trình nghiên cứu đề tài. Trong đề tài này, người nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu có chọn lọc để thu thập thông tin, số liệu phục vụ cho đề tài nghiên cứu thông qua các tài liệu văn bản cần thiết từ các ban ngành, đoàn thể có liên quan, các tài liệu trên sách, báo, internet,.. và các nguồn tin cậy khác. Sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu giúp cho người nghiên cứu có cái nhìn tổng quan về vấn đề nghiên cứu. Qua đó, người nghiên cứu có cách nhìn, cách hiểu mới và có cách tiếp cận hợp lý đối với vấn đề nghiên cứu của mình.

Trong nghiên cứu này, người nghiên cứu tìm hiểu và nghiên cứu các tài liệu liên quan tới người nghèo, cụ thể đó là các chương trình quản lý, các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước, các chương trình nghiên cứu, báo cáo về thực trạng người nghèo và những vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo tại xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Phương pháp điều tra bảng hỏi

Đây là phương pháp thu thập thông tin bằng hệ thống các câu hỏi được sắp xếp theo nguyên tắc logic và theo nội dung nhất định nhằm tạo điều kiện cho người được hỏi thể hiện được những hiểu biết cũng như sự quan tâm của mình với những vấn đề được hỏi. Người nghiên cứu chuẩn bị bảng hỏi phù hợp với trình độ của người được hỏi và có thể khai thác tối đa các thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu nhằm đáp ứng được yêu cầu, mục tiêu đề ra.

Bảng hỏi được sử dụng trong quá trình thu thập thông tin bao gồm các câu hỏi về thông tin cá nhân, trình độ học vấn, nghề nghiệp, thực trạng đời sống, khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội, nhu cầu và mong muốn của người nghèo trên địa bàn xã Tề Lỗ. Khảo sát 90 người nghèo phân bố tại 5 thôn của toàn xã: thôn Giã Bàng 25 người nghèo, thôn Nhân Lý 20 người nghèo, thôn Nhân Trai 15 người nghèo, thôn Trung Hậu 15 người nghèo, thôn Phú

Thọ 15 người nghèo; 90 người nghèo trên tổng số 210 người nghèo được lựa chọn là những người trên 18 tuổi, có khả năng hành vi dân sự, biết chữ, thuộc các hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ nghèo có người khuyết tật, hộ nghèo có phụ nữ đơn thân nuôi con nhỏ. Đồng thời tìm hiểu về sự hiểu biết của họ về các chương trình, chính sách mà họ đang được hưởng.

Phương pháp quan sát

Để thu thập được những thông tin cần thiết đáp ứng yêu cầu của đề tài thì phương pháp quan sát là một phương pháp thu thập thông tin quan trọng. Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt quá trình nghiên cứu để có thể thu thập và đánh giá thông tin một cách khách quan và chính xác.

Quan sát trong nghiên cứu được hiểu là quá trình tri giác và ghi chép các yếu tố liên quan đến vấn đề nghiên cứu và phù hợp với mục tiêu của đề tài. Đây cũng là một phương pháp để kiểm tra tính chính xác của thông tin đã thu thập được từ những phương pháp khác nhau. Người nghiên cứu có thể sử dụng phương pháp này một cách ngẫu nhiên trong buổi gặp gỡ với đối tượng tại nhà của họ hay tại các nơi diễn ra cuộc phỏng vấn, giao tiếp khác.

Mục đích của việc quan sát nhằm giúp người quan sát thu thập được các thông tin về thực trạng cuộc sống của người nghèo và những rào cản, khó khăn của họ cũng như các yếu tố tác động đến các hoạt động hỗ trợ họ. Ngoài ra, phương pháp quan sát còn giúp tăng tính xác thực, độ tin cậy của đề tài nghiên cứu.

Phương pháp phỏng vấn sâu

Phương pháp phỏng vấn sâu được sử dụng kết hợp với các phương pháp khác như quan sát, nghiên cứu tài liệu,... để thu thập thông tin một cách tối đa. Đây là một phương pháp thu thập thông tin dựa trên cơ sở quá trình

giao tiếp bằng lời nói với những câu hỏi được chuẩn bị trước nhằm hướng đến việc thu thập các thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp này được sử dụng để thu thập thông tin về tiểu sử của người nghèo, nhu cầu mong muốn của họ hay những khó khăn mà họ đang gặp phải. Đồng thời quá trình phỏng vấn sâu còn giúp người nghiên cứu hiểu được bản chất của vấn đề, đưa ra các giải pháp tối ưu đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của người nghèo và phù hợp với khả năng của bản thân.

Trong quá trình phỏng vấn, người nghiên cứu có thể kết hợp sử dụng các kỹ năng lắng nghe tích cực, kỹ năng quan sát, kỹ năng thấu hiểu, kỹ năng phản hồi, kỹ năng khuyến khích làm rõ ý đối với đối tượng được phỏng vấn để có thể hiểu được suy nghĩ, nhu cầu và mong muốn của đối tượng, đồng thời thấy rõ được thực tế cuộc sống của họ, những khó khăn mà họ đang gặp phải, những rào cản về khả năng tiếp cận với các dịch vụ xã hội của họ.

Đề tài tiến hành phỏng vấn sâu người nghèo và đại diện chính quyền địa phương. Phỏng vấn 10 cán bộ chính quyền xã bao gồm: 02 cán bộ ban Lao động - Thương binh & xã hội, 01 chủ tịch hội phụ nữ, 06 cán bộ nhân viên của xã đã được đào tạo tập huấn về công tác xã hội; 05 trưởng thôn và 20 người đại diện hộ nghèo đặc biệt khó khăn. Những buổi phỏng vấn sẽ được sắp xếp lịch và có hẹn trước. Địa điểm phỏng vấn tùy thuộc vào hoàn cảnh giao tiếp, có thể là tại nhà đối tượng khi gặp người nghèo hay tại nơi làm việc đối với chính quyền địa phương.

Phương pháp xử lý số liệu

Đây là một phương pháp thống kê toán học dùng để tiến hành thống kê, phân tích, so sánh các số liệu nghiên cứu đã thu thập được thông qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và các phương pháp khác nhằm mục đích phục vụ hiệu quả quá trình nghiên cứu và đảm bảo tính khoa học của đề tài.

10. Kết cấu

Ngoài phần mở đầu; phần kết luận; tài liệu tham khảo; phụ lục ... khóa luận gồm các nội dung chính sau:

Chương 1: Cơ sở lí luận về vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo

Chương 2: Thực trạng vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo tại xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

Chương 3: Giải pháp nhằm nâng cao vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo tại xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC

XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO

1.1. Cơ sở lý luận về nghèo

1.1.1. Khái niệm nghèo

Quan niệm về nghèo của quốc tế:

- Quan niệm nghèo của Ủy ban kinh tế - xã hội khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (ESCAP) năm 1993:

Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu này được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục, tập quán của từng địa phương.

Ủy ban cũng đưa ra hai khái niệm nghèo tuyệt đối và nghèo tương đối:

+ Nghèo tuyệt đối là tình trạng một bộ phận dân cư không có khả năng thỏa mãn các nhu cầu cơ bản ở mức tối thiểu nhằm duy trì cuộc sống. Quan niệm này mang ý nghĩa người dân bị bần cùng hóa, bị tước bỏ các cơ hội và khả năng của mình cho việc thỏa mãn nhu cầu cơ bản, tối thiểu chỉ nhằm duy trì cuộc sống của cơ thể.

Việt Nam quan niệm về nghèo tương đối không mang bản chất bần cùng hóa con người, mà nó được giải thích dưới góc độ nhân văn nhiều hơn, nghèo đói là do bất trắc và do khả năng thỏa mãn nhu cầu quá thấp của nền kinh tế nói chung.

+ Nghèo tương đối là tình trạng một bộ phận dân cư có mức sống dưới mức trung bình của cộng đồng.

- Theo Liên hợp quốc (UN): “Nghèo là thiếu năng lực tối thiểu để tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Nghèo có nghĩa là không có đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được đi khám, không có đất đai để trồng trọt

hoặc không có nghề nghiệp để nuôi bản thân, không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa là không an toàn, không có quyền và bị loại trừ của các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng. Nghèo có nghĩa là dễ bị bạo hành, phải sống ngoài lề xã hội hoặc trong các điều kiện rủi ro, không được tiếp cận nước sạch và công trình vệ sinh an toàn” (*Tuyên bố Liên hợp quốc, 6/2008 được lãnh đạo tất cả các tổ chức UN thông qua*)[31]

Quan niệm nghèo ở Việt Nam: “Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư chỉ có khả năng thỏa mãn một phần cơ bản của con người và có mức sống ngang bằng với mức sống tối thiểu của cộng đồng xét trên mọi phương diện” [20].

Như vậy, từ những quan điểm trên, tác giả rút ra được khái niệm nghèo cho nghiên cứu như sau: Nghèo là tình trạng người dân có mức sống thấp hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư, không được thụ hưởng những nhu cầu cơ bản ở mức tối thiểu dành cho con người; thiếu cơ hội lựa chọn, quyết định và tham gia vào quá trình phát triển của cộng đồng.

1.1.2. Khái niệm về người nghèo và đặc trưng của người nghèo

“Người nghèo là những người có cuộc sống bấp bênh vì không tiếp cận các điều kiện vật chất và dịch vụ để cuộc sống ấm no. Họ thiếu các điều kiện đảm bảo các nhu cầu tối thiểu của con người về ăn, mặc, ở, đi lại, học hành và chăm sóc sức khỏe; tiếp cận với các kết cấu hạ tầng và các nguồn lực xã hội kém; thiếu tự tin và dễ tổn thương; ít có điều kiện tham gia vào các hoạt động của địa phương và tăng trưởng phát triển kinh tế - xã hội. Để xác định người nghèo cần căn cứ vào sổ chứng nhận hộ nghèo. Người nghèo là người có tên trong sổ chứng nhận hộ nghèo/sổ theo dõi quản lý hộ nghèo” [19].

- Đặc trưng của người nghèo:

Trong những nghiên cứu về người nghèo lâu nay trên thế giới cũng như tại Việt Nam, việc xác định đối tượng nghèo thường dựa trên các yếu tố định

lượng dựa vào thu nhập để xác định “ngưỡng nghèo khổ”. Cách tiếp cận định lượng như vậy sẽ dẫn đến một khó khăn là không thể xác định được chân dung chung của người nghèo, không thể so sánh người nghèo tại các khu vực, các quốc gia có trình độ, nền văn hóa khác nhau.

Vì vậy, đã xuất hiện những nghiên cứu định tính nhằm xác định những đặc trưng của người nghèo dựa trên toàn bộ lối sống, quan niệm, lối ứng xử thường ngày của họ... Công trình nghiên cứu định tính về người nghèo đô thị tại Mexico và Puerto Rico của nhà xã hội học – nhân học người Mỹ - Oscar Lewis đã mô tả một bức tranh đời sống của người nghèo mà theo đó, nhóm người nghèo thường có những đặc trưng sau:

- Luôn sống trong tâm trạng bị gạt ra bên lề và không thuộc về xã hội.
- Luôn cảm thấy xa lạ ngay trên chính quê hương mình và thường tin rằng các thiết chế xã hội hiện hữu không thỏa mãn những mong đợi và nhu cầu của họ.
- Luôn cảm thấy không được trợ giúp, giúp đỡ đủ; tình trạng thất nghiệp cao, lương thấp.
- Luôn nghĩ rằng mình ở vị trí thấp kém trong thang bậc xã hội, cảm thấy rằng không có quyền lực hay tiếng nói gì trong xã hội và chẳng xứng đáng với xã hội.
- Không có cái nhìn dài hạn mà luôn chọn thái độ sống vì cái hiện tại, cái trước mắt.
- Tin tưởng mạnh mẽ vào định mệnh.
- Về đời sống gia đình, nét nổi bật là tỷ lệ ly hôn cao, trẻ em và phụ nữ bị bỏ rơi, do đó gia đình thường trở thành kiểu gia đình “mẫu hệ”.
- Có xu hướng kết hôn rất sớm, làm cha mẹ ở độ tuổi thanh niên; hôn nhân chủ yếu là “cặp đôi tự do”, có khi là cùng huyết thống.
- Nhiều thế hệ sống chung nên qui mô gia đình thường lớn.

- Cha mẹ thường lạm dụng quyền lực trong quá trình nuôi dạy con cái, rất ít khi có sự truyền thông với con cái, con cái thường bị đánh đập.
- Trẻ em gần như không biết đến giai đoạn tuổi thơ do phải tham gia lao động rất sớm và thường có kinh nghiệm tình dục rất sớm.
- Thường không quan tâm đến nền giáo dục chính thức, vì vậy con cái họ ít được trang bị những kỹ năng để thành công trong xã hội.
- Có rất ít ý thức về lịch sử, thường chỉ biết đến những vấn đề của mình, hàng xóm của mình, lối sống của mình.
- Không hề có ý thức giai cấp.
- Quan niệm thành công là nhờ cơ may chứ không do nỗ lực bản thân.
- Ít có thói quen tiết kiệm.
- Thường không có thói quen tích lũy lương thực, thường có thói quen mua thực phẩm với số lượng ít và mua nhiều lần trong ngày.
- Việc thế chấp tài sản cá nhân rất phổ biến, thường thiết kế hệ thống tín dụng tự phát để vay mượn khi có nhu cầu.
- Về các đặc điểm khác có thể liệt kê như nạn nghiện rượu, thường sống ở nơi có mật độ dân số cao, thường dùng đến bạo lực để giải quyết các xung đột, bạo hành đối với nữ giới, có tư tưởng tập quyền, tin tưởng vào sự thống trị của nam giới, trong cộng đồng thì các gia đình có gốc gác lâu đời thường chiếm ưu thế.

Oscar Lewis cho rằng những đặc trưng trên gần như đúng với mọi cộng đồng nghèo ở các nước đang phát triển.[27]

1.1.3. Chuẩn nghèo và căn cứ xác định chuẩn nghèo

Chuẩn nghèo:

“ Chuẩn nghèo (còn gọi là ngưỡng nghèo) là tổng hợp các giá trị tối thiểu mà cá nhân hay hộ gia đình ở dưới mức đó được coi là nghèo (nhu cầu ăn, mặc, ở, đi lại, giao tiếp, giáo dục, y tế, văn hóa). Như vậy, khái niệm

chuẩn nghèo đi liền với việc người nghèo được đáp ứng ở mức nào về nhu cầu cơ bản. Theo khái niệm chuẩn nghèo thì người nghèo không được đảm bảo nhu cầu cơ bản - đó là nhu cầu vật chất và phi vật chất” [14].

Từ khái niệm này chuẩn nghèo được hiểu là một tiêu thức nhằm xác định một cá nhân hay một hộ gia đình nào đó có mức sống dưới mức tối thiểu về các nhu cầu vật chất và tinh thần (nhu cầu lương thực, thực phẩm và phi lương thực, thực phẩm).

Hay chuẩn nghèo (ngưỡng nghèo) là ngưỡng nhu cầu tối thiểu được dùng làm ranh giới để xác định nghèo đói hay không nghèo đói.

Trên thực tế, hầu hết các cách tính chuẩn nghèo hiện nay đều dựa vào cách xác định chi phí để mua được một lượng calo nhất định (thường là 2100 kcalo/người/ngày) cộng với một khoản chi phí cho các nhu cầu phi lương thực, thực phẩm như: chi cho y tế, giáo dục, thưởng thức văn hóa, nghệ thuật...

Về mặt lý thuyết, chuẩn nghèo là nhằm xác định một người nghèo hay hộ nghèo dựa trên các tiêu chuẩn về mặt sinh hóa như lượng protein cần thiết và lượng các vi chất khác cộng với các chỉ tiêu cần thiết tối thiểu về y tế, giáo dục, vui chơi giải trí... để một người có thể đạt được sự phát triển về thể chất và tâm lý một cách bình thường.

Về mặt thực tiễn, việc lượng hóa các nhu cầu này khó có thể thực hiện được do có nhiều khó khăn trong việc tính toán vì cần có phương tiện kỹ thuật để đo đếm, vì giá cả và các dịch vụ tại các vùng khác nhau, nhu cầu của mọi người cũng có sự khác nhau do tuổi tác, giới tính, ngành nghề... Chuẩn nghèo là một khái niệm động, nó biến đổi theo không gian và thời gian.

Các loại chuẩn nghèo:

- Chuẩn nghèo tuyệt đối: “Là chuẩn nghèo được xác định ở mức cố định, chẳng hạn ngưỡng nghèo của Quốc tế là 1 USD hoặc 2 USD/người/ngày, tùy theo khu vực” [4].

Mức 1 USD hoặc 2 USD này không hiểu theo nghĩa giá trị tiền mặt, mà được hiểu theo nghĩa hàng hóa tiêu dùng tính theo mức mua tương đương. Số tiền này được dùng cho các chi phí LTTP và phi LTTP cần thiết.

- Chuẩn nghèo tương đối: “Là chuẩn nghèo đề cập đến sự thiếu hụt của cá nhân hay hộ gia đình so với mức trung bình đạt được của xã hội, nên chuẩn tương đối được tính toán khá đơn giản dựa trên cơ sở một tỷ lệ nào đó so với mức thu nhập bình quân của dân cư” [4].

Thông thường ở các quốc gia phát triển thì tỷ lệ này được xác định dựa trên 1/2 thu nhập trung bình, còn các quốc gia kém phát triển thì tỷ lệ này được xác định là 1/3.

Việt Nam sử dụng cách tính 5/12; do vậy, cá nhân hay hộ gia đình có mức thu nhập dưới mức 5/12 mức thu nhập trung bình thì sẽ rơi vào tình trạng nghèo tương đối.

- Chuẩn nghèo lương thực, thực phẩm: “Là số tiền cần thiết để mua một lượng LTTP đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng với 2.100kcalo/người/ngày” [20].

- Chuẩn nghèo chung:

Là tổng chi phí cho LTTP và phi LTTP.

Chuẩn nghèo chung = Chi (LTTP + phi LTTP)

Căn cứ xác định chuẩn nghèo:

Theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020, đưa ra:

“Điều 1. Các tiêu chí tiếp cận đo lường nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020

1. Các tiêu chí về thu nhập

a) Chuẩn nghèo: 700.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 900.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị.

b) Chuẩn cận nghèo: 1.000.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 1.300.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị.

2. Tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản

a) Các dịch vụ xã hội cơ bản (05 dịch vụ): y tế; giáo dục; nhà ở; nước sạch và vệ sinh; thông tin;

b) Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (10 chỉ số): tiếp cận các dịch vụ y tế; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

Điều 2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình áp dụng cho giai đoạn 2016-2020

1. Hộ nghèo

a) Khu vực nông thôn: là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống;

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Khu vực thành thị: là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 900.000 đồng trở xuống;

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

2. Hộ cận nghèo

a) Khu vực nông thôn: là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Khu vực thành thị: là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Tuy nhiên để xác định chuẩn nghèo không chỉ dựa trên mức độ thu nhập của người dân mà còn phụ thuộc vào các tiêu chí thiếu hụt về dịch vụ xã hội cơ bản của con người như sau:

-Các dịch vụ xã hội cơ bản (5 dịch vụ): y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin.

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (10 chỉ số): tiếp cận các dịch vụ y tế, bảo hiểm y tế, trình độ giáo dục của người lớn, tình trạng đi học của trẻ em, chất lượng nhà ở, diện tích nhà ở bình quân đầu người, nguồn nước sinh hoạt, hố xí/ nhà tiêu hợp vệ sinh, sử dụng dịch vụ viễn thông, tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

Bảng 1. Chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

Chiều nghèo	Chỉ số đo lường	Ngưỡng thiếu hụt
1. Giáo dục	Trình độ giáo dục của người lớn	Hộ gia đình có ít nhất 01 thành viên đủ 15 tuổi sinh từ năm 1986 trở lại không tốt nghiệp Trung học cơ sở và hiện không đi học

	Tình trạng đi học của trẻ em	Hộ gia đình có ít nhất 01 trẻ em trong độ tuổi đi học (5 – dưới 15 tuổi) hiện không đi học
2. Y tế	Tiếp cận các dịch vụ y tế	Hộ gia đình có người bị ốm đau nhưng không đi khám chữa bệnh (ốm đau được xác định là bị bệnh/ chấn thương nặng đến mức phải nằm một chỗ và phải có người chăm sóc tại giường hoặc nghỉ việc/ học không tham gia được các hoạt động bình thường)
	Bảo hiểm y tế	Hộ gia đình có ít nhất 01 thành viên từ 6 tuổi trở lên hiện tại không có bảo hiểm y tế
3. Nhà ở	Chất lượng nhà ở	Hộ gia đình đang ở trong nhà thiếu kiên cố hoặc nhà đơn sơ (Nhà ở chia thành 4 cấp độ: nhà kiên cố, bán kiên cố, nhà thiếu kiên cố, nhà đơn sơ)
	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	Diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ gia đình nhỏ hơn 8m ²
4. Điều kiện sống	Nguồn nước sinh hoạt	Hộ gia đình không được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh
	Hố xí/ nhà tiêu	Hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh
5. Tiếp cận thông tin	Sử dụng dịch vụ viễn thông	Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet
	Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin	Hộ gia đình không có tài sản nào trong số các tài sản: ti vi, radio, máy tính; và không nghe được hệ thống loa đài truyền thanh xã/thôn

(Nguồn: Bảng chỉ số ngưỡng thiếu hụt – Theo Đề án Nghèo đa chiều của Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội, 2015)

1.1.4. Nguyên nhân của nghèo

Nguyên nhân đói nghèo rất đa dạng, có những nguyên nhân đơn lẻ, nhưng cũng có những nguyên nhân đan xen, quan hệ nhân quả với nhau. Ở nước ta, nghèo đói do các nguyên nhân chủ yếu sau:

Nhóm nguyên nhân do điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội

Việt Nam ở vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, tiếp giáp biển Đông, là quốc gia gồm 1 trong 5 ổ bão trên thế giới, cho nên hàng năm có hàng chục cơn bão trong đó có 2 – 3 cơn bão mạnh, lũ lụt, hạn hán, thời tiết thay đổi ... gây thiệt hại nặng nề về người, tài sản, hoa màu, cơ sở hạ tầng. Mặt khác, Việt Nam có $\frac{3}{4}$ diện tích là đồi núi, đất đai cằn cỗi diện tích canh tác thấp; địa dư rộng, địa hình phức tạp, xa xôi hẻo lánh, giao thông đi lại không thuận tiện, quan hệ thị trường chưa phát triển, cơ sở hạ tầng yếu kém, thời tiết khí hậu khắc nghiệt thường bị thiên tai bão lụt, sâu bệnh, hạn hán mất mùa...

Trình độ dân trí thấp, phong tục tập quán lạc hậu, tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp, tỉ lệ tăng dân số còn cao; do sự cách biệt, cô lập với tình hình phát triển chung như đường giao thông, phương tiện thông tin, tiến bộ khoa học kỹ thuật, phúc lợi xã hội, không nói được ngôn ngữ chung của đất nước...

Nhóm nguyên nhân do cơ chế chính sách

Trải qua thời gian dài trong cơ chế bao cấp đã kìm hãm sự phát triển kinh tế; vì vậy, việc xóa bỏ cơ chế bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường là đúng đắn, kịp thời. Song cơ chế mới, nhiều chính sách về kinh tế xã hội còn thiếu, chưa đồng bộ, trong đó chính sách đầu tư phát triển đặc biệt là đầu tư phát triển nông nghiệp – nông thôn; các chính sách ưu đãi, khuyến khích, sản xuất, tạo viễ làm, y tế, văn hóa, giáo dục; chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng chưa thỏa đáng, nhất là ở các vùng núi, vùng cao, vùng sâu,...

Nguyên nhân do bản thân người nghèo

Ngoài những tác động trên, vấn đề nghèo đói còn do yếu tố chủ quan của người nghèo như:

Thiếu vốn, thiếu kiến thức, thiếu thông tin về thị trường; thiếu đất; đông con, thiếu lao động, thất nghiệp, rủi ro, ốm đau, tai nạn; vướng vào các tệ nạn xã hội.

Một bộ phận không nhỏ người nghèo, xã nghèo, vẫn còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa chủ động vươn lên thoát nghèo.[19]

1.1.5. Khái niệm về giảm nghèo, giảm nghèo bền vững

Khái niệm giảm nghèo: Đến nay vẫn chưa có một khái niệm nào cụ thể rõ ràng về giảm nghèo mà đó là mục đích chiến lược cho sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.

Có thể hiểu giảm nghèo như sau: “Giảm nghèo là cách thức vận dụng các nguồn lực, vật lực của Nhà nước, của xã hội để triển khai thực hiện các chương trình, dự án nhằm tác động tới các đối tượng cụ thể như người nghèo, hộ nghèo hay xã nghèo với mục đích giúp họ nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện khó khăn, tạo cơ hội cho họ về thu nhập, tiếp cận các dịch vụ xã hội, đảm bảo các nhu cầu cơ bản của con người”. [1]

Khái niệm giảm nghèo bền vững:

Giảm nghèo bền vững chưa có một khái niệm về giảm nghèo bền vững hay giảm nghèo theo hướng bền vững là gì. Tuy nhiên để thực hiện tốt việc giảm nghèo thì cần chú trọng cả về mặt số lượng và chất lượng. Số lượng giảm nghèo sẽ là số tuyệt đối hộ nghèo giảm được trong một thời gian (thường được xem xét trong 1 năm, 5 năm), cần phân biệt giữa số hộ nghèo giảm với số hộ thoát nghèo, hai khái niệm này sẽ chỉ đồng nhất với nhau khi không có các yếu tố khác tác động đến như di chuyển dân cư, tái nghèo...; Chất lượng giảm nghèo là khái niệm để chỉ thực chất của kết quả giảm nghèo, mà vấn đề

cần đạt được là đời sống người nghèo được nâng lên sau khi có tác động hỗ trợ, khoảng cách thu nhập với các nhóm dân cư khác được rút ngắn về mặt tốc độ, khi gặp rủi ro hay bất trắc sẽ không bị rơi lại vào tình trạng nghèo đói, hay nói cách khác, chất lượng giảm nghèo suy cho cùng là phản ánh tính bền vững của quá trình giảm nghèo.

Từ thực tiễn cho thấy, về mặt số lượng thì tỷ lệ hộ nghèo liên tục giảm qua các năm, nhưng về mặt chất lượng về đời sống nhân dân, thu nhập của người dân ở nông thôn, dân tộc thiểu số, vùng núi vùng sâu vùng xa vẫn còn thấp và chưa được đảm bảo, trang thiết bị vật tư cho sản xuất sinh hoạt còn yếu kém; dịch bệnh, thiên tai, lũ lụt xảy ra với quy mô, tần suất lớn, tập trung ở những khu vực người dân nghèo, thiệt hại về sản xuất, tài sản là rất lớn khiến cho đời sống người dân gặp không ít những khó khăn. Đồng thời khả năng tự phục hồi sau những thiên tai, dịch bệnh của người dân vô cùng hạn chế, trong khi đó chúng ta chưa có cơ chế, phương thức hỗ trợ tại chỗ của cộng đồng. Mặt khác, tốc độ giảm nghèo còn chưa đồng đều giữa các khu vực, những vùng nghèo chưa có đủ khả năng để có những bước đột phá trong hoạt động giảm nghèo.

Để thực hiện việc giảm nghèo bền vững thì các nhà nghiên cứu, các chuyên gia kinh tế - xã hội cho rằng cần hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ tạo việc làm cũng như các điều kiện tiếp cận cơ hội phát triển kinh tế dựa vào cộng đồng để người nghèo có thể tự vươn lên thoát nghèo và làm giàu bằng chính khả năng của mình.

1.2. Các khái niệm công cụ

1.2.1. Khái niệm công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội

Khái niệm Công tác xã hội:

Có nhiều khái niệm về công tác xã hội được đưa ra ở các góc độ khác nhau. Theo từ điển Bách khoa ngành Công tác xã hội (1995) có ghi "Công tác

xã hội là một khoa học ứng dụng nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của con người, tạo ra những chuyển biến xã hội và đem lại nền an sinh cho người dân trong xã hội".

Hiệp hội các nhân viên xã hội chuyên nghiệp của Mỹ cho rằng: "Công tác xã hội là một hoạt động chuyên nghiệp nhằm giúp đỡ các cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng phục hồi hay tăng cường năng lực và chức năng xã hội để tạo ra những điều kiện xã hội cần thiết, giúp họ đạt được mục tiêu. Công tác xã hội thực hành (trong tiếng Anh được gọi là Social work Practice) bao gồm sự ứng dụng các giá trị, nguyên tắc, kỹ thuật của công tác xã hội nhằm giúp con người (cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng) tiếp cận và được sử dụng những dịch vụ trợ giúp, tham vấn và trị liệu tâm lý. Nhân viên xã hội cung cấp dịch vụ xã hội, các dịch vụ sức khỏe và tham gia vào các tiến trình trợ giúp pháp lý cần thiết. Để có thể thực hiện các hoạt động CTXH trong thực tiễn người nhân viên xã hội đòi hỏi phải có kiến thức về hành vi con người, về sự phát triển của con người, về các vấn đề xã hội, về kinh tế và văn hóa và sự tương tác của chúng với nhau" [31].

Theo Liên đoàn Chuyên nghiệp Xã hội Quốc tế (IFSW) tại Hội nghị Quốc tế Montreal, Canada, vào tháng 7 năm 2000: "Công tác xã hội chuyên nghiệp thúc đẩy sự thay đổi xã hội, tiến trình giải quyết vấn đề trong mối quan hệ con người, sự tăng quyền lực và giải phóng cho con người, nhằm giúp cho cuộc sống của họ ngày càng thoải mái và dễ chịu. Vận dụng các lý thuyết về hành vi con người và các hệ thống xã hội. Công tác xã hội can thiệp ở những điểm tương tác giữa con người và môi trường của họ".

Tác giả Nguyễn Thị Oanh lại cho rằng: "Công tác xã hội là hoạt động thực tiễn, mang tính tổng hợp được thực hiện và chi phối bởi các nguyên tắc, phương pháp hỗ trợ cá nhân, nhóm, cộng đồng giải quyết vấn đề. Công tác xã

hội theo đuổi mục tiêu vì phúc lợi, hạnh phúc con người và tiến bộ xã hội." [16]

Theo tác giả Bùi Thị Xuân Mai định nghĩa : "*Công tác xã hội* là một nghề, một hoạt động chuyên nghiệp nhằm trợ giúp các cá nhân, gia đình, cộng đồng nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu và tăng cường chức năng xã hội đồng thời thúc đẩy môi trường xã hội về chính sách, nguồn lực và dịch vụ nhằm giúp cá nhân, gia đình, cộng đồng giải quyết và phòng ngừa các vấn đề xã hội góp phần đảm bảo an sinh xã hội" [16]. Trong đề tài luận văn này, tôi căn cứ định nghĩa công tác xã hội theo như định nghĩa của tác giả Bùi Thị Xuân Mai.

Khái niệm Nhân viên công tác xã hội:

Theo Hiệp hội các nhà công tác xã hội chuyên nghiệp Quốc tế - IASW định nghĩa nhân viên công tác xã hội như sau: "*Nhân viên công tác xã hội là người được đào tạo và trang bị các kiến thức và kỹ năng trong công tác xã hội, họ có nhiệm vụ: Trợ giúp các đối tượng nâng cao khả năng giải quyết và đối phó các vấn đề trong cuộc sống; tạo cơ hội để các đối tượng tiếp cận được nguồn lực cần thiết; thúc đẩy sự tương tác giữa các cá nhân, giữa cá nhân với môi trường tạo ảnh hưởng tới chính sách xã hội, các cơ quan, tổ chức vì lợi ích của cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng thông qua hoạt động nghiên cứu và hoạt động thực tiễn*". [16]

Khái niệm Công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội trong giảm nghèo:

Từ những khái niệm về công tác xã hội, về nhân viên công tác xã hội, về giảm nghèo thấy được khái niệm về công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội trong giảm nghèo như sau:

"Công tác xã hội với người nghèo là hoạt động trợ giúp chuyên nghiệp của nhân viên CTXH với các hoạt động nhằm nâng cao năng lực, chức năng

xã hội của người nghèo; thực thi, thúc đẩy các chính sách giảm nghèo; huy động các nguồn lực, dịch vụ nhằm giúp cá nhân, gia đình và cộng đồng nghèo thoát nghèo bền vững, hướng tới bảo đảm an sinh xã hội” [19].

“Nhân viên công tác xã hội trong giảm nghèo là những người được đào tạo và trang bị kiến thức pháp luật về chính sách giảm nghèo và kỹ năng công tác xã hội nhằm giúp đỡ cá nhân, gia đình và cộng đồng nghèo nâng cao năng lực để thoát nghèo bền vững, giúp họ đổi mới, vượt qua những rủi ro trong cuộc sống, đồng thời giúp cá nhân, gia đình nghèo tiếp cận với các chính sách, nguồn lực xã hội, đáp ứng nhu cầu cơ bản nhằm hướng tới bảo đảm an sinh xã hội.” [14]

1.2.2. Khái niệm vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo

Khái niệm vai trò:

“Theo Robertsons vai trò là một tập hợp các chuẩn mực, hành vi, quyền lợi và nghĩa vụ được gắn liền với một vị thế xã hội nhất định... Vai trò xã hội của một người có nghĩa là người đó phải đảm nhận hay thể hiện đầy đủ các hành vi, nghĩa vụ, hệ thống chuẩn mực trên cơ sở vị thế của người đó. Đồng thời họ cũng nhận được những quyền lợi xã hội tương ứng với việc thực hiện vai trò của họ.” [22]

“Mỗi cá nhân có vô vàn vai trò, có bao nhiêu mối quan hệ xã hội thì có bấy nhiêu vai trò xã hội. Vị thế và vai trò của cá nhân trong xã hội bắt nguồn từ vị trí kinh tế, chính trị, xã hội của họ, từ địa vị của các cá nhân thuộc các giai cấp và các nhóm xã hội khác mà quy định nên. Mỗi cá nhân có nhiều vị thế và vai trò khác nhau ở gia đình, ngoài xã hội... và tùy theo vai trò của mình mà cá nhân sẽ có cách ứng xử, hành vi, tác phong, hành động tương ứng với vai trò mà cá nhân đảm trách”. [22]

Như vậy, vai trò là tập hợp các chuẩn mực, hành vi, nghĩa vụ và quyền lợi gắn liền với vị thế nhất định.

Khái niệm vai trò công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo:

Từ khái niệm về người nghèo, về công tác xã hội, về vai trò tác giả rút ra được khái niệm về vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo đó là:

“Vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo là việc nhân viên CTXH hay những người chuyên trách về CTXH ở địa phương thực hiện những chức năng, nhiệm vụ riêng biệt của công tác xã hội để bảo vệ quyền lợi, nhân phẩm, giá trị con người, công bằng và bình đẳng xã hội cho đối tượng là người nghèo.

Vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo còn là việc nhân viên CTXH sử dụng những kiến thức kỹ năng chuyên môn để áp dụng vào tiến trình trợ giúp người nghèo, nhằm hỗ trợ cá nhân, gia đình, cộng đồng nghèo nâng cao năng lực thoát nghèo bền vững, giúp họ có khả năng tự giải quyết được những vấn đề khó khăn trong cuộc sống”.

Theo quan điểm của Feyerico năm 1973 “Công tác xã hội có những vai trò như: vai trò vận động nguồn lực, vai trò kết nối, vai trò biện hộ, vai trò giáo dục, vai trò tuyên truyền, vai trò tạo sự thay đổi, vai trò tư vấn, vai trò tham vấn, vai trò trợ giúp xây dựng và thực hiện kế hoạch cộng đồng, vai trò chăm sóc, vai trò xử lý dữ liệu, vai trò quản lý hành chính, vai trò người tìm hiểu khám phá cộng đồng”. [19]

Tuy nhiên, trong đề tài nghiên cứu này tác giả đi sâu nghiên cứu về 5 vai trò chủ yếu đó là: vai trò kết nối, vai trò tuyên truyền, vai trò giáo dục, vai trò biện hộ, vai trò vận động nguồn lực.

- Vai trò kết nối: còn gọi là trung gian, nhân viên công tác xã hội là người phối hợp với tổ chức của mình, quan hệ với các nguồn hỗ trợ khác nhau để huy động nguồn lực, kết nối thực hiện các chính sách phúc lợi xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu của người nghèo, hộ nghèo, giải quyết vấn đề của đối tượng.

Để thực hiện tốt vai trò kết nối nhân viên CTXH cần có hiểu biết rộng về chính sách, về chương trình dịch vụ của các cấp nhà nước hay các doanh nghiệp để kịp thời kết nối người nghèo với chính sách, dịch vụ, việc làm.

- Vai trò tuyên truyền: CTXH tuyên truyền tác động đến cá nhân, cộng đồng hay toàn xã hội nhằm tăng cường những hành vi tích cực để đạt được các mục tiêu đề ra và tạo môi trường ủng hộ để mọi người có đủ năng lực thực hiện và duy trì bền vững các hành vi có lợi.

Vai trò tuyên truyền thường được thực hiện qua các hoạt động trợ giúp người nghèo tiếp nhận thông tin chính sách, nguồn lực và dịch vụ xã hội. Vì người nghèo thường hạn chế trong tiếp nhận thông tin nên CTXH cần thực hiện vai trò tuyên truyền để người nghèo nắm được những thông tin liên quan.

- Vai trò giáo dục: Xây dựng niềm tin trong cuộc sống, nhân viên xã hội trực tiếp làm công tác giáo dục cho người nghèo gặp các vấn đề về tệ nạn xã hội, hoặc có thái độ chấp nhận số phận, mất niềm tin, thiếu ý chí vượt qua khó khăn. Nâng cao năng lực cho cán bộ liên quan ở cộng đồng, thành viên các gia đình nghèo để họ tự giải quyết các vấn đề phát sinh, vượt qua hoàn cảnh khó khăn thông qua các hoạt động truyền thông tại các nhóm gia đình và cộng đồng nghèo.

Vai trò giáo dục được thể hiện qua các hoạt động giáo dục cách thức làm ăn kinh tế, giáo dục chăm sóc nuôi dạy con cái, giáo dục về giới và động đồng, kiến thức khoa học kỹ thuật, công nghệ.

- Vai trò biện hộ: Công tác xã hội với người nghèo phải am hiểu và cập nhật kịp thời những chính sách, luật pháp trong lĩnh vực giảm nghèo để cùng người nghèo, đại diện cho người nghèo, hộ nghèo yêu cầu các tổ chức đơn vị thực hiện đầy đủ các quyền lợi cho đối tượng.

- Vai trò vận động nguồn lực: Nhân viên xã hội là người hỗ trợ người nghèo tìm kiếm nguồn lực (nội lực, ngoại lực) để giải quyết vấn đề. Ở những

cộng đồng nghèo sẽ có những dạng nguồn lực đang được sử dụng, cả nguồn lực ở dạng tiềm năng có thể khai thác thì nhân viên xã hội sẽ là người thấy được những tiềm năng đó và hỗ trợ cộng đồng phát huy được những tiềm năng vốn có. Nhân viên xã hội sử dụng kiến thức và kỹ năng phát triển cộng đồng để giúp cộng đồng huy động tiềm năng trong chính họ như nhân lực, đồng thời giúp họ tiếp cận các nguồn lực về tài chính và kỹ thuật từ bên ngoài cộng đồng nhằm giúp giải quyết vấn đề nghèo đói.

Vận động nguồn lực là phải phát huy được nội lực và ngoại lực. Phát huy nội lực cộng đồng nghèo nhấn mạnh đến việc tăng năng lực cho cộng đồng bằng cách trang bị kiến thức kỹ năng làm việc để người nghèo có thể tự khai thác tiềm năng của mình có phương pháp phù hợp vươn lên thoát nghèo. Phát huy ngoại lực: để hỗ trợ người nghèo giảm nghèo bền vững ngoài sự nỗ lực của người nghèo thì cũng rất cần đến sự chung tay góp sức từ phía cộng đồng, từ các cơ quan nhà nước, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp tạo nên một mạng lưới trợ giúp người nghèo để người nghèo không bị bỏ lại phía sau.

Tác giả nghiên cứu phân tích 5 vai trò công tác xã hội trên vì công tác xã hội là một ngành nghề mới trên địa bàn đây là 5 vai trò công tác xã hội được cán bộ địa phương áp dụng rộng rãi trong các hoạt động hỗ trợ người nghèo.

1.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo

1.3.1. Yếu tố năng lực, nhận thức của cán bộ chính sách tại địa phương

- Yếu tố kiến thức, kỹ năng chuyên môn của cán bộ nhân viên CTXH:

Theo Cục Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội): công tác xã hội có vai trò trong giảm nghèo bền vững, đóng góp đáng kể cho sự

phát triển xã hội; đặc biệt, với những người nghèo đã và đang phải đối mặt với nhiều rủi ro trong cuộc sống.

Mục đích của công tác xã hội với người nghèo nhằm giúp đỡ cá nhân, gia đình và cộng đồng nghèo nâng cao năng lực để thoát nghèo bền vững, giúp họ đối mặt, vượt qua những rủi ro như thất học, thiếu việc làm, thiếu vốn... Bên cạnh đó, còn thúc đẩy các điều kiện xã hội để cá nhân, gia đình nghèo tiếp cận được các chính sách, nguồn lực xã hội, đáp ứng nhu cầu cơ bản.

Để thực hiện hiệu quả các hoạt động hỗ trợ người nghèo vượt qua khó khăn vươn lên thoát nghèo thì người nhân viên công tác xã hội phải nắm vững các kiến thức, kỹ năng, phương pháp tiếp cận với cá nhân, gia đình và cộng đồng nghèo. Cán bộ chính sách giảm nghèo cũng cần được trang bị lý thuyết của công tác xã hội để có thể vận dụng công tác xã hội vào hoạt động giảm nghèo hiệu quả vì trên thực tế người nghèo có những nguyên nhân nghèo khác nhau và các nhu cầu khác nhau vì vậy cần quan tâm người nghèo để thấy được họ cần gì từ đó đưa ra được biện pháp cụ thể với từng trường hợp.

Từ các kiến thức, kỹ năng chuyên môn mà người làm CTXH đã được học, tập huấn, vận dụng vào những hoạt động hỗ trợ người nghèo với những phương pháp khoa học sáng tạo phù hợp hơn. Có thể thấy kiến thức kỹ năng của NVXH có ảnh hưởng lớn đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo như là từ kiến thức, kỹ năng của NVXH mà xác định được nguyên nhân của từng đối tượng nghèo cụ thể và thấy được người nghèo có nhu cầu gì để từ đó có được giải pháp giải quyết vấn đề cho các đối tượng nghèo.

Sự tâm huyết, nhiệt tình với nghề: có thể có những cán bộ CTXH chưa được đào tạo qua kiến thức, kỹ năng CTXH tuy nhiên do thâm niên nghề lâu năm nên có được kinh nghiệm làm việc với người nghèo, có sự nhiệt tình, tâm

huyết trong hỗ trợ người nghèo. Những cán bộ CTXH đã qua đào tạo nghề cần hơn hết là lòng yêu nghề, tận tình hỗ trợ những nhóm người yếu thế. Có thể thấy yếu tố là sự tận tâm huyết của mỗi nhân viên CTXH là điều vô cùng quan trọng để thực hiện các hoạt động hỗ trợ đối tượng.

- Yếu tố năng lực của cán bộ làm công tác giảm nghèo tại địa phương:

Trước khi CTXH được áp dụng rộng rãi trên các địa bàn ở nước ta thì người thực hiện công tác giảm nghèo chính là cán bộ làm về lĩnh vực chính sách tại địa phương. Các cán bộ này nắm rất chắc về các chính sách, dịch vụ của nhà nước về người nghèo, họ có nhiều kinh nghiệm trong làm việc với người nghèo, họ còn trở nên thân thuộc với các đối tượng là người nghèo, vì vậy mà họ dễ dàng giao tiếp, thu thập thông tin về người nghèo, những cán bộ này có thể biết rõ về hoàn cảnh của từng đối tượng nghèo.

Tuy nhiên những cán bộ chính sách này lại không được đào tạo chuyên sâu về CTXH nên hoạt động trợ giúp người nghèo chỉ dựa trên thực hiện chính sách giảm nghèo chứ chưa có được hoạt động trợ giúp chuyên nghiệp, chưa quan tâm được đến từng người nghèo, hộ nghèo. Cùng với đó các cán bộ chính sách này phải thực hiện nhiều công việc, nhiều chức trách nhiệm vụ khác nhau, mà lực lượng lại mỏng nên với lượng công việc quá dày họ chỉ có thể thực hiện các hình thức hỗ trợ còn đơn thuần chưa chú trọng đến hiệu quả khi thực hiện các hỗ trợ cho người nghèo.

Hơn ai hết những cán bộ làm công tác giảm nghèo rất rõ về tình hình nghèo của địa phương mình, và họ là người trực tiếp triển khai các chính sách của nhà nước tới người nghèo nhưng họ chưa có năng lực chuyên môn về CTXH nên việc thực hiện hỗ trợ người nghèo vẫn còn sơ sài. Vì vậy, năng lực của cán bộ làm công tác giảm nghèo tại địa phương có ảnh hưởng lớn đến việc hỗ trợ người nghèo, cán bộ này cần nâng cao năng lực chuyên môn về CTXH để việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ người nghèo đạt hiệu quả cao.

1.3.2. Yếu tố chính sách và pháp luật

Mỗi chính sách XDGN đều nhằm cụ thể những mục tiêu riêng, hỗ trợ một khu vực riêng, một đối tượng hay nhóm nhỏ đối tượng nào đó, tuy nhiên, đều có những điểm chung là giải quyết nguyên nhân dẫn đến gia tăng đói nghèo, cải thiện môi trường, trợ giúp dân thoát nghèo, từ đó giảm tỷ lệ nghèo đói.

Chính sách pháp luật về giảm của nước ta nhìn chung đã bao trùm lên mọi mặt đời sống của người nghèo như chính sách miễn giảm học phí cho con em người nghèo, chính sách hỗ trợ nhà ở xóa nhà tạm nhà dột nát cho người nghèo, chính sách vay vốn với lãi suất thấp, chính sách hỗ trợ tiền điện cho người nghèo, hay chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo (cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho người nghèo)...

Chính sách pháp luật của Nhà nước là hành lang pháp lý tốt nhất để bảo vệ người nghèo cũng như trao quyền lợi cho người nghèo tạo cơ hội cho người nghèo vươn lên thoát nghèo vì thế mà chính sách pháp luật của Nhà nước có ảnh hưởng rất lớn đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo. Đó là nguồn lực chính để nhân viên công tác xã hội hỗ trợ người nghèo thực hiện các quyền lợi mà họ được hưởng, chính sách pháp luật của Nhà nước góp phần thúc đẩy tăng cường năng lực cho người nghèo thực hiện các hoạt động nhằm vươn lên, phát triển kinh tế thoát khỏi cảnh nghèo khó.

1.3.3. Yếu tố nhận thức của người nghèo

Khó khăn về kinh tế kéo theo mọi thứ nghèo khác: nghèo về tri thức, nghèo về sức khỏe, nghèo về các mối quan hệ. Không có tiền để đầu tư vào giáo dục, về y tế, người nghèo thường hạn chế hiểu biết về nhiều mặt: sức khỏe sa sút do không được chăm sóc kịp thời hoặc chăm sóc đúng cách, thiếu trình độ học thức dẫn đến thất nghiệp, không cải tiến được cách thức làm ăn dẫn đến càng nghèo hơn. Nghèo đói ngăn cản các cơ hội giao lưu, được đàm

đạo và tham gia các chương trình... Dẫn tới thiếu cập nhật thông tin, tụt hậu so với xu thế chung của cộng đồng, xã hội và trở thành con người lạc hậu với thời đại.

Trong một bộ phận người nghèo có suy nghĩ ỷ lại vào các chính sách của nhà nước. Tình trạng một bộ phận người dân được xét hộ nghèo không chịu làm ăn mà trông chờ, ỷ lại vào các chính sách về người nghèo của nhà nước như không có nhà thì được nhà nước xây; thiếu lương thực thì được cấp, khám chữa bệnh không mất tiền, hỗ trợ tiền điện... do đó, người dân không chịu làm ăn để phát triển kinh tế, làm giàu cho gia đình mà cứ muốn tiếp tục nghèo để nhà nước hỗ trợ. Đây là một thực trạng có thật đã xuất hiện ở một số địa phương, đặc biệt là một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại miền núi, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

Nếu tình trạng này kéo dài thì tỷ lệ hộ nghèo năm sau sẽ cao hơn năm trước, gây gánh nặng cho nguồn ngân sách hoặc có thể xảy ra tình trạng tiêu cực, tranh chấp, khiếu kiện trong việc bình xét hộ nghèo ở các địa phương, đồng thời đời sống, kinh tế của một bộ phận hộ nghèo sẽ sa sút, ảnh hưởng đến quá trình phát triển địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

Vì vậy, yếu tố nhận thức của người nghèo có ảnh hưởng đặc biệt đến việc giảm nghèo. Thay đổi, nâng cao nhận thức của người dân nghèo để họ có hiểu biết về chính sách, chương trình, dịch vụ mà họ được hưởng để từ đó vươn lên thoát nghèo mà người nghèo phải thực sự phấn đấu muốn thoát nghèo thì việc hỗ trợ người nghèo mới đạt được hiệu quả.

-Yếu tố hoàn cảnh gia đình của người nghèo

Đa phần hộ nghèo của xã Tề Lỗ có hoàn cảnh rất khó khăn do có thành viên trong gia đình bị mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn lao động, rủi ro về thiên tai, dịch bệnh, tệ nạn xã hội, có người khuyết tật... thiếu đi người làm ăn kinh tế hơn nữa kinh tế của gia đình càng trở nên kiệt quệ, người nghèo chịu áp lực

về kinh tế là rất lớn, họ đối mặt với thất nghiệp, sự phân hóa giới trong lao động. Họ có được sự trợ giúp từ phía cộng đồng những do hoàn cảnh quá khó khăn kéo họ không thể vực dậy.

Có những hộ nghèo có truyền thống nghèo từ đời cha ông, do hoàn cảnh quá khó khăn không có tài sản cũng không có kiến thức để tiếp cận với các phương thức làm ăn kinh tế mang lợi nhuận cao, mà chỉ sản xuất manh mún như làm đậu phụ thủ công, nấu rượu, cày thuê cuốc mướn nguồn kinh phí không đủ cho sinh hoạt hàng ngày. Kiến thức bị bó hẹp, chỉ loanh quanh trong làng, cùng với tâm lý tự ti, ngại giao tiếp khiến cho người nghèo không được tiếp cận với những cái mới, những tiến bộ của khoa học kỹ thuật khiến nghèo vẫn hoàn nghèo.

1.3.4. Yếu tố nhận thức của cộng đồng về vấn đề nghèo

Nhận thức là hệ quả của sự nuôi dưỡng bao đời trong một gia đình, một địa bàn dân cư và một cộng đồng xã hội mà con người ta được sinh ra, nuôi dưỡng trưởng thành. Những cộng đồng dân cư có nhiều người nghèo thường là những cộng đồng dân cư có lối suy nghĩ lạc hậu đó là những rào cản đối với sự phát triển của cộng đồng và khiến gia tăng thêm nhiều nhóm nghèo khó hơn nữa ở trong cộng đồng. Không thích/sợ tham gia các hoạt động tập thể, chỗ đông người, không cập nhật thông tin, khoa học, dẫn đến không biết cách chăm sóc sức khỏe, không biết cách nuôi dạy con cái một cách khoa học, dẫn đến một loạt các vấn đề về sức khỏe, về làm ăn thua kém, về hạn chế các tương tác... dẫn đến khủng hoảng tâm lý ...vv và họ lại trở nên nghèo hơn. Vòng luẩn quẩn của nghèo đói này khiến người nghèo càng trở nên nghèo.

Yếu tố nhận thức của cộng đồng có ảnh hưởng đến vai trò hỗ trợ của công tác xã hội với người nghèo, dựa vào nhận thức của cộng đồng mà tìm ra những biện pháp hỗ trợ phù hợp. Ở cộng đồng có dân trí thấp, công tác xã hội sẽ hỗ trợ nâng cao dân trí, thay đổi nhận thức, cung cấp những kiến thức về

giống cây trồng, vật nuôi để người nghèo có được những hiểu biết làm ăn kinh tế.

Để hỗ trợ người nghèo cũng cần đến sự chia sẻ của những cộng đồng phát triển hơn. Vì giảm nghèo là một hoạt động lâu dài và cần sự chung tay giúp đỡ của toàn dân, toàn quốc. Với truyền thống tinh thần "tương thân tương ái" vốn có của người Việt Nam thì ở những cộng đồng phát triển hơn, có điều kiện phát triển kinh tế hơn cũng có những hoạt động ủng hộ, giúp đỡ những người nghèo cộng đồng khó khăn.

1.4.Cơ sở pháp lý, chính sách về hoạt động hỗ trợ người nghèo:

Những văn bản, chính sách của Nhà nước liên quan đến vai trò của công tác xã hội trong hoạt động giảm nghèo:

Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020.

Nghị quyết số 15 – NQ/TW Hội nghị TƯ lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về chính sách xã hội giai đoạn 20112 – 2020.

Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 phê duyệt Đề án phát triển nghề Công tác xã hội giai đoạn 2010 – 2020

Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 - 2020

Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020.

Thông tư 07/2013/TT-BLĐTBXH ngày 24/5/2013 hướng dẫn tiêu chuẩn công tác viên CTXH cấp xã.

Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT/BLĐTBXH-BNV ngày 19/8/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành CTXH.

Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về khám chữa bệnh cho người nghèo.

Nghị quyết 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020.

Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ, phát triển sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ sửa chữa cải tạo nhà ở, công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, hỗ trợ chủ yếu đổi nghề do bị thu hồi đất sản xuất, xuất khẩu lao động.. trong đó, tập trung cho vay vốn đối với nhóm hộ nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình.

Thông tư 14/2018/TT-BLĐTBXH sửa đổi thông tư 17/2016/TT-BLĐTBXH hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016 – 2020

Những văn bản, chương trình của tỉnh Vĩnh Phúc trong công tác giảm nghèo

Nghị quyết số 16/2007/NQ-HĐND ngày 04/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm giai đoạn 2007 – 2010

Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND ngày 19/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về một số chính sách hỗ trợ dạy nghề, giải quyết việc làm và giảm nghèo giai đoạn 2012 - 2015

Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 23/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành quy định tạm thời hỗ trợ một phần chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Quyết định này quy định rõ đối tượng áp dụng, nguyên tắc hỗ trợ, mức hỗ trợ, thủ tục hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cho người nghèo của tỉnh Vĩnh Phúc.

Quyết định số 2075/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành chương trình xúc tiến vận động, viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016 – 2020

Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh

Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 27/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc thành lập đoàn giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Tỉnh Vĩnh Phúc nhận định rằng “thực tế hiện nay cho thấy, cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng. Đặc biệt là tại các cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn) hiện chưa có cán bộ chuyên trách làm công tác giảm nghèo mà đều là kiêm nhiệm. Cán bộ cơ sở chưa được đào tạo bài bản chuyên sâu về công tác giảm nghèo lại thường xuyên luân chuyển khiến cho công tác triển khai, thực thi chính sách giảm nghèo đến với các đối tượng còn chậm và khó khăn. Nhiều cán bộ giảm nghèo mới chỉ chú ý thực hiện các chính sách mà chưa quan tâm tuyên truyền nâng cao nhận thức tự vươn lên của người nghèo, gây ra tâm lý trông chờ vào chính sách hỗ trợ của một bộ phận không nhỏ đối tượng thụ hưởng” [25].

Tỉnh Vĩnh Phúc đã và đang nỗ lực trong công tác thực hiện mục tiêu quốc gia là giảm nghèo bền vững. Tỉnh Vĩnh Phúc xác định giảm nghèo là một hoạt động mang tính toàn diện, không chỉ phát triển kinh tế mà còn tạo sự ổn định về mặt xã hội. “Để xóa đói, giảm nghèo và không tái nghèo đòi hỏi phải quyết liệt triển khai thực hiện trong thời gian lâu dài, do vậy việc tiếp tục thực

hiện công tác giảm nghèo bền vững đòi hỏi rất nhiều nỗ lực. Bằng những bước đi phù hợp, chương trình giảm nghèo của tỉnh đã và đang nhận được sự quan tâm của hệ thống chính trị, cùng sự đồng thuận cao của nhân dân góp phần khơi dậy nhiều cách làm hay, sáng tạo, từng bước tạo nên sự chuyển biến từ nhận thức đến vấn đề giải quyết công ăn việc làm và thu nhập của người nghèo, làm thay đổi bức tranh chung về an sinh xã hội tỉnh”[24].

Tiểu kết Chương 1

Trong chương 1, đề tài đã tập trung đề cập đến hệ thống cơ sở lý luận liên quan đến người nghèo, công tác xã hội. Đề tài đã đưa ra khái niệm về công tác xã hội, khái niệm người nghèo và các khái niệm có liên quan. Nêu đặc điểm của người nghèo, nguyên nhân dẫn đến nghèo và các mức độ tham gia các hoạt động xã hội của người nghèo.

Chương 1 cũng đã đề cập đến vai trò của công tác xã hội và vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo và các vấn đề có liên quan. Tìm hiểu quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về hoạt động hỗ trợ cho người nghèo. Từ đó nhận thấy rằng người nghèo và các vấn đề của họ đang dành được nhiều sự quan tâm. Tuy nhiên việc thực hiện các hoạt động cũng như các chính sách dành cho họ vẫn chưa thực sự hiệu quả và chưa thực sự đi sâu vào thực tế cuộc sống của họ.

Như vậy, với việc phân tích cơ sở lý luận về người nghèo, những vấn đề có liên quan đến nhóm đối tượng này chúng ta sẽ có cơ sở để tiến hành điều tra, phân tích và đánh giá vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo trên địa bàn nghiên cứu là các thôn của xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO TẠI XÃ TÈ LỖ, HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

2.1. Đặc điểm địa bàn và khách thể nghiên cứu

2.1.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu

Tề Lỗ nằm ở phía Tây Bắc của huyện Yên Lạc, phía Đông giáp xã Trung Nguyên, phía Tây Nam giáp xã Vân Xuân (huyện Vĩnh Tường), phía Nam giáp xã Yên Đồng, phía Bắc giáp xã Đồng Văn. Tề Lỗ có 5 làng truyền thống: Giã Bàng, Nhân Lý, Trung Hậu, Phúc Thọ, Nhân Trai, và 7 thôn dân cư. Tổng diện tích tự nhiên là 403,82ha, trong đó có 281,93 ha đất canh tác còn gọi là đất thổ cư và các loại đất chuyên dùng khác. Tính đến ngày 31/12/2015 dân số xã Tề Lỗ có 8571 người.

-**Kinh tế:** Xã Tề Lỗ có nền kinh tế phát triển mạnh, với mục tiêu phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng phát triển văn hóa nền tảng tinh thần, Đảng bộ chính quyền xã đã bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ mục tiêu đề ra và đã đạt kết quả cao trên các lĩnh vực. Tổng giá trị sản xuất năm 2017 đạt 432,34 tỷ đồng, tăng bình quân 26,79%, vượt 0,23% (mục tiêu 26,56%). Giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt 51,95 triệu đồng/năm, vượt 0,47 triệu đồng (mục tiêu 51,48 triệu đồng). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, giảm tỷ trọng nông nghiệp, trong đó: nông nghiệp chiếm 6,01%, giảm 6,69%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng chiếm 44,19%, tăng 0,09% (mục tiêu là 44,10%); thương mại, dịch vụ chiếm 49,80%, tăng 9,6% (mục tiêu là 44,20%).

-**Giáo dục:** Chất lượng giáo dục toàn diện, đại trà có nhiều tiến bộ, số học sinh giỏi các bậc học ngày càng tăng; năm học 2009-2010 số học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp huyện là 38 em đến năm học 2013-2014 có 65 em. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng, 100% giáo viên của 3 bậc học đạt chuẩn trong đó trên chuẩn là 75%.

- Cơ sở vật chất: Tập trung nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng theo chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới như nhà văn hóa thôn trụ sở làm việc của xã, xây mới nhà lớp học 6 phòng trường mầm non làm mới một số hạng mục Trường tiểu học, cải tạo xây dựng khuôn viên trụ sở làm việc xã và một số công trình phụ trợ, xây mới Trung tâm văn hóa thể thao, trạm y tế, nhà văn hóa thôn, Chợ Lác; xây mới đường giao thông, làm nắp đậy bê tông rãnh thoát nước các thôn và kè kênh 10A với tổng số tiền là hơn 100 tỷ đồng.

- Chính sách xã hội, giảm nghèo: Thực hiện chính sách xã hội, giảm nghèo, giải quyết việc làm đã có chuyển biến tích cực, cấp ủy, chính quyền thường xuyên quan tâm. Toàn xã có 307 đối tượng chính sách (162 đối tượng hưởng trợ cấp Bảo hiểm xã hội), việc tổ chức thăm hỏi động viên đối tượng chính sách, người có công được thực hiện thường xuyên, kịp thời. Năm 2014 xã làm hồ sơ đề nghị nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho 06 mẹ; quản lý sử dụng quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" đúng mục đích hiệu quả. Trong 5 năm ủng hộ quỹ vì người nghèo được 31.578.000 đồng, xây dựng được 10 nhà đại đoàn kết trị giá 792.050.000 đồng. Số hộ nghèo theo tiêu chí mới còn 59 hộ chiếm 2,6%. Tạo điều kiện và khuyến khích các thành phần kinh tế mở rộng quy mô sản xuất, dịch vụ tạo nhiều việc làm mới cho người lao động tại chỗ, tư vấn giúp đỡ người xuất khẩu lao động, những người đi làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo.

- An ninh trật tự:

Công tác quân sự địa phương được củng cố, an ninh chính trị trên địa bàn được giữ vững, công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đã có chuyển biến tích cực.[2]

Tình hình hộ nghèo và cận nghèo của xã Tề Lỗ cụ thể như sau:

Theo báo cáo kết quả điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2018 của UBND xã Tề Lỗ ta có:

- Tổng số hộ dân toàn xã/thị trấn: 2.515 hộ;
- Hộ nghèo cuối năm 2018
- Tổng số hộ nghèo mới: 15 hộ;
- Tổng số hộ nghèo mới thuộc đối tượng BTXH: 1 hộ;
- Tỷ lệ hộ nghèo: 2,7%;
- Tỷ lệ hộ nghèo mới trừ số hộ nghèo thuộc đối tượng BTXH: 0.5%
- Tổng số hộ thoát nghèo: 35 hộ
- Hộ cận nghèo cuối năm 2017:
- Tổng số hộ cận nghèo mới: 19 hộ;
- Tỷ lệ hộ cận nghèo mới: 0,7%;
- Hộ thoát cận nghèo cuối năm 2018: 114 hộ

2.1.2. Đặc điểm khách thể nghiên cứu

Căn cứ kế hoạch của UBND xã về việc điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019 theo chuẩn tiếp cận đa chiều trên địa bàn huyện Yên Lạc. Xã Tề Lỗ có 2384 hộ, 8564 khẩu. Tại xã Tề Lỗ năm 2019 có 68 hộ nghèo và 75 hộ cận nghèo. Đối tượng là hộ nghèo của xã được phân bố như sau:

Bảng 2.1: Đặc điểm khách thể nghiên cứu*(Đơn vị: người)*

STT	Đặc điểm		Số lượng
1	Tuổi	Từ 25 - 40 tuổi	20
		Từ 40 - 60 tuổi	32
		Trên 60 tuổi	38
2	Giới	Nam	42
		Nữ	48
3	Trình độ học vấn	Không đi học	0
		Tiểu học	59
		THCS	21
		THPT	8
		Đại học	2
		Trên Đại học	0
4	Tình trạng hôn nhân	Độc thân	21
		Kết hôn	44
		Ly hôn	10
		Khác	15

(Nguồn: Khảo sát người nghèo tại xã Tề Lỗ, năm 2019)

Xã Tề Lỗ có số lượng người nghèo tuy không cao nhưng tình hình nghèo ở xã phức tạp, sự phân biệt giàu nghèo, người giàu thì rất giàu còn người nghèo thì lại rất khó khăn. Về mặt bằng chung do toàn xã Tề Lỗ là xã công nghiệp mới nên xã Tề Lỗ đang có mức tiên đáng kể về kinh tế, người nghèo của xã Tề Lỗ chủ yếu là những người cao tuổi không có con cái hoặc con cái làm ăn xa không phụng dưỡng được cha mẹ.

Trình độ học vấn của người nghèo trên địa bàn xã Tề Lỗ đa số là học hết bậc tiểu học, chỉ có số ít người được học Trung cấp cao đẳng là con của hộ nghèo. Con của các hộ nghèo tại xã phần lớn bỏ học sau khi học xong bậc

Trung học để phụ giúp gia đình làm nông... Khách thể nghiên cứu trong đề tài này thường là độ tuổi trung niên nên học vấn đa số là bậc tiểu học.

Để tìm hiểu thực trạng nghèo trên địa bàn xã Tề Lỗ, tôi đã tiến hành khảo sát trên 90 người nghèo thuộc các đối tượng trên 18 tuổi của các hộ nghèo để trao đổi và sử dụng phiếu hỏi nhằm thu thập thông tin về các tình hình nghèo trên địa bàn. Qua điều tra khảo sát có đến 50% người nghèo trên địa bàn làm nghề nông có hoàn cảnh khó khăn, 30% người nghèo làm thuê làm mướn, 20% không có nghề nghiệp ổn định hoặc là không có việc làm.

- Nguyên nhân hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, rơi vào nghèo và cận nghèo.

Hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo

Nhìn chung, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo do các nguyên nhân sau:

Có thành viên trong gia đình tìm được việc làm có thu nhập thường xuyên ổn định nên đã cải thiện gánh nặng kinh tế cho gia đình.

Được vay vốn sản xuất với lãi suất thấp từ các chính sách hỗ trợ cho người nghèo. Con cái hộ nghèo đi học được hỗ trợ chi phí học tập từ đó gia đình hộ nghèo tích lũy được thu nhập để tái sản xuất dần thoát nghèo một cách bền vững.

Có bảo hiểm y tế cho thành viên trong gia đình hộ nghèo nên hộ nghèo đã giảm bớt được một phần chi phí trong việc khám chữa bệnh, họ đã thoát khỏi nghèo do ốm đau, bệnh tật.

Hộ rơi vào nghèo, cận nghèo

Đông thành viên trong gia đình: Một số hộ gia đình trẻ do thiếu kiến thức về sinh sản đã sinh nhiều con nên đã rơi vào diện hộ nghèo, vì thu nhập bình quân trong gia đình thấp.

Bệnh tật hiểm nghèo: Một số hộ gia đình không may có thành viên là lao động chính trong hộ mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn dẫn đến giảm thu nhập trong gia đình.

Một số hộ thiếu kiến thức làm ăn, thiếu thông tin về chính sách, thị trường nên không tạo ra được thu nhập.

Những hộ nghèo của xã Tê Lỗ có những hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, công tác hỗ trợ cũng cần chú ý ưu tiên những hộ đó. Tùy thuộc vào hoàn cảnh, nhu cầu cụ thể của từng hộ nghèo mà việc trợ giúp của cán bộ chính quyền xã có những hình thức hỗ trợ khác nhau:

Bảng 2.2: Hoàn cảnh hộ nghèo xã Tê Lỗ

Đơn vị: người

Hoàn cảnh	Hộ nghèo
Hộ gia đình có người khuyết tật	5
Phụ nữ đơn thân nuôi con	17
Người cao tuổi neo đơn (không vợ chồng, con cháu)	7
Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên trên 6 tuổi không có thẻ BHYT	12
Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 5 dưới 25 tuổi không đi học hoặc không có bằng tốt nghiệp THCS	14
Hộ gia đình đang ở trong nhà thiếu kiên cố, đơn sơ	25
Hộ gia đình có người bị ốm đau nhưng không đi khám bệnh trong vòng 12 tháng	15

(Nguồn: Ban Lao động - Thương binh & Xã hội UBND xã Tê Lỗ)

- Những ưu điểm và hạn chế trong thực hiện giảm nghèo tại xã:

+Ưu điểm:

Tổ chức điều tra, rà soát đánh giá thực trạng hộ nghèo một cách chính xác, khách quan, có khoa học, không chạy theo thành tích làm ảnh hưởng đến chất lượng giảm nghèo.

Được sự quan tâm lãnh chỉ đạo của Đảng ủy, UBND, các ban ngành đoàn thể đã góp phần vào công tác xóa đói giảm nghèo trên địa bàn xã

Đội ngũ làm công tác xóa đói giảm nghèo ngày càng hoàn thiện cả về chuyên môn và số lượng, bám sát tình hình, tâm tư, nguyện vọng của dân, kịp thời đề xuất nhiều giải pháp hoạt động phù hợp, cụ thể.

+ Hạn chế:

Một số chính sách hỗ trợ chưa phù hợp với đối tượng thụ hưởng; công tác bình xét hộ nghèo vẫn bộc lộ những bất cập do tâm lý cục bộ dòng họ ở một số thôn trên địa bàn xã; một số chế độ, chính sách triển khai cho người nghèo còn chậm; nguồn vốn vay hỗ trợ người nghèo còn hạn chế, đặc biệt là vốn hỗ trợ.

Chương trình giải quyết việc làm; chưa tạo ra những mô hình giảm nghèo thật sự nổi bật; một bộ phận hộ nghèo vẫn còn tâm lý ỷ lại chưa nỗ lực phấn đấu thoát nghèo.

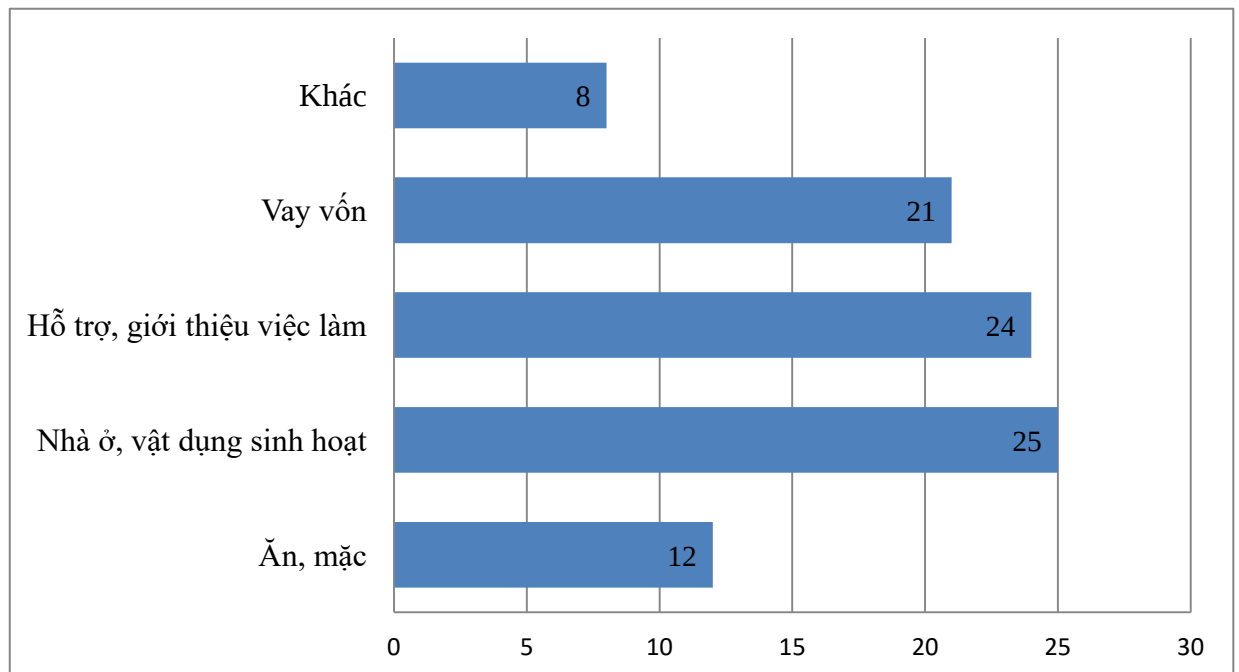
2.1.3. Nhu cầu hỗ trợ của người nghèo xã Tề Lỗ

Người nghèo xã Tề Lỗ với những đặc điểm tâm lý cũng giống như đặc điểm tâm lý của người nghèo nói chung, họ tự ti vì mình nghèo, họ không nói lên ý kiến suy nghĩ của riêng mình trong các cuộc họp của thôn của xã vì họ cho rằng mình nghèo thấp cổ bé họng nói sẽ bị mọi người phản bác nên người nghèo sống thu mình. Những điều này đã khiến người nghèo ngày càng có khoảng cách xa dần với những người xung quanh, và đôi khi họ dễ vụt mất những cơ hội giúp họ thoát nghèo. Cũng có một bộ phận sống ỷ lại trông chờ

vào sự giúp đỡ của Nhà nước mà không chịu cố gắng làm kinh tế để thoát nghèo. Tuy nhiên, có những người lại luôn cố gắng nỗ lực hết mình lao động, chăm chỉ làm việc để thoát khỏi cái nghèo.

Để giúp người nghèo xóa bỏ đi mặc cảm, có ý trí phấn đấu vươn lên thoát nghèo bền vững thì cần khai thác được điểm mạnh của người nghèo giúp họ tự tin hơn mà tiếp cận với dịch vụ, với kỹ thuật khoa học công nghệ mới. Người nghèo cần được phân tích tìm ra nguyên nhân vấn đề của mình, thực sự hiểu được nhu cầu mong muốn của bản thân người nghèo, từ đó có được hướng giải quyết vấn đề.

Thực hiện các vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo, thì như đã nói ở trên cần quan tâm đến nhu cầu của người tại xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Qua điều tra khảo sát thấy được nhu cầu của người nghèo xã Tề Lỗ như sau:



Đơn vị: người

Biểu đồ 2.1: Khảo sát nhu cầu của người nghèo tại xã Tề Lỗ

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu, 2020)

Có thể thấy rằng nhu cầu về nhà ở và các vật dụng sinh hoạt trong gia đình là nhu cầu mong muốn nhiều nhất với 25 người nghèo lựa chọn. Các hộ gia đình nghèo có thu nhập thấp, không ổn định, do đó với số thu nhập ít ỏi đó (<700.000đ/ người / tháng) thì họ chỉ đủ trang trải những nhu cầu ban đầu, thiết yếu nhất mà không đủ để chi phí cho việc sửa chữa các vật dụng trong gia đình. Nhà ở của người nghèo mang tính chất tạm bợ che chắn mưa nắng, với mức thu nhập thấp nên người nghèo không thể tích lũy để xây dựng cho mình một căn nhà khang trang nên vì vậy đó là nhu cầu mong muốn thiết yếu của người nghèo.

Ông N.K.H (60 tuổi) – người nghèo tại thôn Giã Bàng chia sẻ: *“Tôi năm nay đã 60 tuổi, mong muốn cả đời chỉ muốn có được một căn nhà khang trang, chứ nhà tôi đã ọp ẹp quá rồi, không có tiền xây sửa thì phải chấp nhận ở dột thôi.”*

Bà H.T.M (65 tuổi) – người nghèo tại thôn Nhân Trai chia sẻ: *“Tôi sống một mình không có chồng con, tôi cũng không anh em ruột thịt gì được bố mẹ cho lại căn nhà này từ khi ông bà còn sống đến nay đã gần 70 năm, thỉnh thoảng mái bị vỡ ngói thì nhờ bác hàng xóm sang sửa lại chứ mình tôi thì cũng không sửa được, tôi cũng rất mong chính quyền địa phương hỗ trợ tôi sửa lại cái nhà cho tôi là tôi mãn nguyện lắm rồi.”*

Nhu cầu được người nghèo lựa chọn cao thứ 2 là nhu cầu được hỗ trợ về việc làm với 24 lựa chọn. Cũng chính vì thu nhập không ổn định và thấp nên người nghèo mong muốn có được một việc làm mà nguồn thu nhập ổn định theo hàng tháng, như vậy thấy được rằng người nghèo đã nhận thức được là có việc làm thì kinh tế gia đình cũng sẽ ổn định hơn là ngồi trông chờ vào các khoản phụ cấp.

Bà N.T.H (37 tuổi) – người nghèo thôn Nhân Lý có chia sẻ: *“Chồng chị và chị đều làm thuê quốc mướn cho người ta nên thu nhập không ổn định vì*

lúc có việc thì người ta gọi còn không có việc thì chơi, chị thực sự mong muốn có được một công việc ổn định để trang trải kinh phí sinh hoạt và cho các con chị yên tâm đi học, công việc vất vả đến đâu cũng được.”

Nhu cầu được hỗ trợ vay vốn cũng được người nghèo lựa chọn nhiều với 21 lựa chọn, thấy được rằng người nghèo đã có hướng đầu tư kinh doanh cho hoạt động kinh tế của mình. Tuy nhiên người nghèo cũng cần được tư vấn để sử dụng số vốn hiệu quả, đúng mục đích, và có thể sinh lời và hoàn trả lại được số vốn vay, tạo ra nguồn thu nhập cho gia đình, tạo điều kiện nâng cao đời sống.

Ông P.V.N (38 tuổi) – người nghèo tại thôn Trung Hậu chia sẻ: *“Nhà anh Thắng gần nhà tôi trước cũng là hộ nghèo nhưng sau 5 năm vay vốn đầu tư mở trang trại vịt giò đã thoát nghèo, đang kinh doanh bán gia súc gia cầm cùng với các loại trứng gà trứng vịt. Tôi cũng học hỏi được chút ít kinh nghiệm từ nhà anh Thắng, nhưng hiện nay vẫn chưa xoay được vốn, nếu như được chính quyền hỗ trợ tôi vay vốn với lãi suất thấp thì tốt quá.”*

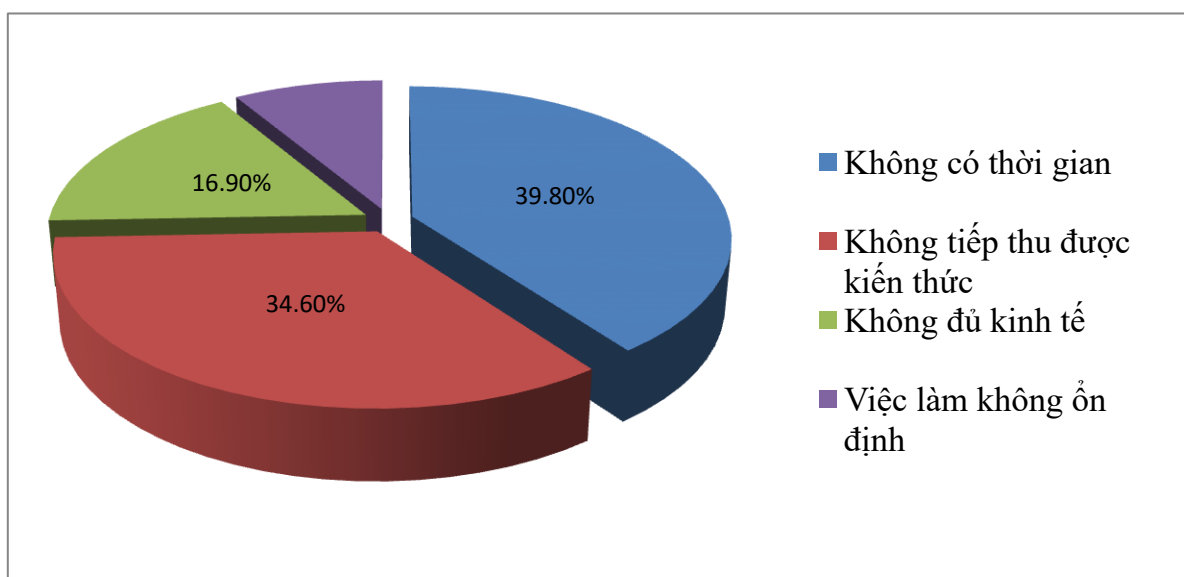
Vẫn còn một số người nghèo có nhu cầu về ăn mặc, vẫn có người nghèo chưa được đáp ứng về nhu cầu ăn mặc. Đây là những người có hoàn cảnh đặc biệt khó như trong gia đình có người khuyết tật, mắc bệnh, mà các khoản trợ cấp của nhà nước cùng với kinh phí gia đình phải trang trải cho sinh hoạt, chữa bệnh mà nhu cầu tối thiểu không được đáp ứng.

Ngoài ra người nghèo còn những nhu cầu khác như nhu cầu được hỗ trợ giống vật nuôi, cây trồng; nhu cầu được tăng mức hỗ trợ hàng tháng; nhu cầu được cung cấp thông tin chính sách... Từ những nhu cầu của người nghèo, công tác xã hội có được những hoạt động để hỗ trợ người nghèo và xác định được các vai trò trong hỗ trợ người nghèo thoát nghèo, vươn lên khỏi hoàn cảnh khó khăn.

2.1.4.Những khó khăn mà người nghèo gặp phải khi tham gia các hoạt động giảm nghèo

2.1.4.1. Những khó khăn trong đào tạo nghề và giới thiệu việc làm

Biểu đồ 2.2 mô tả chi tiết những khó khăn trong quá trình đào tạo nghề và giới thiệu việc làm. Kết quả cho thấy được khó khăn " Không có thời gian " được người nghèo lựa chọn nhiều nhất chiếm 39,8%, người nghèo "Không có thời gian" đi học đầy đủ các buổi vì còn phải dành thời gian để kiếm tiền mưu sinh. Nếu như người lao động chính trong gia đình là người đi học nghề thì đúng là khó khăn cho những người còn lại trong gia đình vì lao động chính trong gia đình lại đi học nghề thì sẽ không có người kiếm tiền, như thế những người đi học nghề không yên tâm khi đi học vì không ai lo kinh tế cho gia đình, điều đó thấy rằng cán bộ làm CTXH chưa thực hiện được tốt vai trò vận động nguồn lực.



Biểu đồ 2.2: Khó khăn của người nghèo trong quá trình học nghề và kết nối việc làm

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu, 2020)

Đối với khó khăn này, cán bộ có thể vừa vận động đối tượng tiếp tục học nghề, vừa hỗ trợ gia đình ổn định cuộc sống trong thời gian học nghề của lao động chính bằng vận động sự trợ giúp của cộng đồng, chính quyền hay các doanh nghiệp về tài chính, có thể có một khoản tiền đủ để gia đình sinh hoạt, giúp người học nghề yên tâm hoàn thành tốt chương trình học nghề. Tuy nhiên, việc vận động này cũng rất khó, nhưng nếu thực hiện được thì người học nghề yên tâm học mà không lo gián đoạn, việc làm này cũng giúp người nghèo thêm tin tưởng vào những chính sách giảm nghèo của chính quyền.

Người nghèo lựa chọn khó khăn "Không tiếp thu được kiến thức" cũng khá cao chiếm tỷ lệ 34,1%, việc "không tiếp thu được kiến thức" của chương trình học nghề là lý do chủ quan của chính bản thân người nghèo, có thể việc giảng dạy trong học nghề còn có những kiến thức khó hiểu, trong vấn đề này cán bộ CTXH có thể vận động sự giúp đỡ của những người trong xã có chuyên môn về nghề để giảng dạy thêm cho những đối tượng tham gia học nghề, đồng thời liên hệ với giáo viên giảng dạy để có thể có những bài giảng cặn kẽ, dễ hiểu, hoạt động giảng dạy gắn với thực hành phù hợp với trình độ của đối tượng.

"Không đủ kinh tế" để theo học chương trình đào tạo nghề là một khó khăn mà người nghèo gặp phải khi học nghề cho thấy rằng việc vận động về tài chính còn gặp nhiều khó khăn, cán bộ chưa thể làm tốt được điều đó. Điều này được ông T.V.M cán bộ chính sách xã Tề Lỗ chia sẻ: *"Việc vận động nguồn lực thuyết phục các trung tâm dạy nghề hỗ trợ một phần học phí đã là rất khó, chứ chưa kể đến việc hỗ trợ toàn bộ kinh phí học nghề cho đối tượng người nghèo. Vì vậy, ngoài hỗ trợ người nghèo đến học nghề, chúng tôi cũng giới thiệu cho người nghèo con đường làm ăn kinh tế khác như nhân giống vật nuôi, giới thiệu các mô hình làm ăn kinh tế mới để ngoài việc học nghề bà*

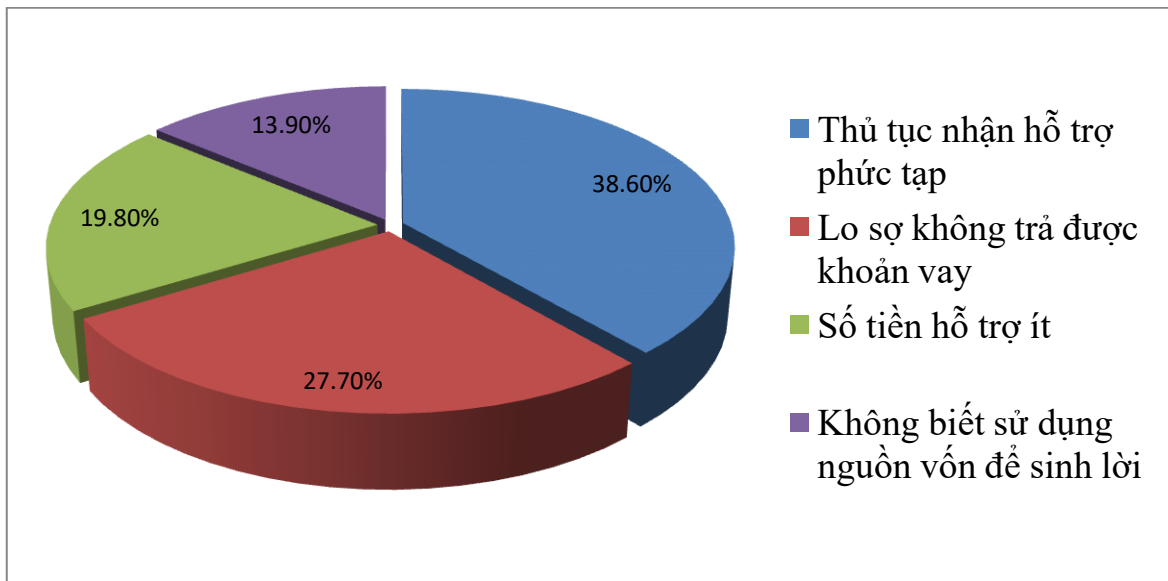
con không đủ kinh phí học nghề thì có thể lựa chọn nuôi trồng các loại nông sản."

Một khó khăn được lựa chọn nữa là "Việc làm không phù hợp" có tỷ lệ 8,7% chiếm tỷ lệ ít, người có việc làm không phù hợp có số lượng ít nhưng cán bộ và NVXH cũng cần chú ý, tìm hiểu xem việc làm đó chưa phù hợp với đối tượng ở nguyên nhân gì, khi tìm ra được nguyên nhân thì cần động viên đối tượng cố gắng hơn, đồng thời liên hệ trao đổi với người sử dụng lao động tạo điều kiện thuận lợi hơn cho đối tượng rút kinh nghiệm dần trong quá trình làm việc, cán bộ cần lưu ý hơn trong vận động nguồn lực việc làm để đối tượng có được công việc phù hợp.

Người trả lời không gặp khó khăn gì trong quá trình học nghề là 8/31 người bởi họ có điều kiện theo học nghề được và từ những gì đã học họ đã có thể tự làm ăn kiếm việc, và cũng bởi đa số họ được kết nối với những công việc đơn giản lại ổn định, phù hợp với đối tượng như: lao công, người giúp việc, trông trẻ, ấp trứng nhân giống vật nuôi.

2.1.4.2. Những khó khăn trong hoạt động hỗ trợ về tài chính:

Khi được hỏi về những khó khăn, vướng mắc còn gặp phải trong nhận hỗ trợ tài chính, người nghèo đã lựa chọn những khó khăn: thủ tục nhận hỗ trợ phức tạp, lo sợ sẽ không trả được khoản vay, số tiền hỗ trợ còn ít, không biết sử dụng nguồn vốn để sinh lời. Qua khảo sát về những khó khăn gặp phải trong quá trình nhận hỗ trợ tài chính đã thu được kết quả sau:



Biểu đồ 2.3: Đánh giá của người nghèo về khó khăn trong hoạt động hỗ trợ tài chính

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu, 2020)

Với những nội dung về khó khăn vướng mắc còn gặp phải trong hoạt động hỗ trợ về tài chính, theo như biểu đồ người nghèo đánh giá khó khăn "Thủ tục hỗ trợ phức tạp" được lựa chọn nhiều 38,6% , có thể thấy được rằng khi người nghèo vay vốn làm các thủ tục còn khá phức tạp rườm rà vì vậy cán bộ chính sách giảm nghèo cần quan tâm hơn nữa đến việc hỗ trợ người nghèo làm thủ tục vay vốn tạo điều kiện để người nghèo có cơ hội vay vốn dễ dàng hơn phục vụ cho hoạt động làm kinh tế.

Khó khăn "lo sợ không trả được khoản vay" chiếm 27,7% cũng được người nghèo lựa chọn nhiều, điều đó có thể thấy được rằng người nghèo vẫn còn tự ty chưa tin tưởng vào khả năng của bản thân bởi người nghèo lo sợ làm ăn thua lỗ nghèo lại càng nghèo hơn nên khi vay một khoản tiền họ cũng đắn đo suy nghĩ, cán bộ xã cần vận động nguồn lực trong chính người nghèo phân tích cho người nghèo những tiềm năng mà họ có và cũng có thể giúp họ thấy được những hạn chế của người nghèo từ đó để người nghèo có được cái nhìn khách quan hơn về năng lực của bản thân.

Theo ông N.K.T (48 tuổi) - người nghèo tại thôn Giã Bàng chia sẻ: *“Ba năm trước gia đình tôi cũng tích cóp được một khoản tiền cùng với đó là vay thêm của anh em họ hàng để mua một đàn lợn 15 con. Tuy nhiên, do dịch bệnh đã làm cho gia đình tôi mất trắng và khiến cho gia đình tôi nợ càng thêm nợ nên tôi vẫn chưa suy nghĩ đến việc vay vốn của nhà nước bởi tôi sợ làm ăn thua lỗ sẽ không trả được”*.

"Số tiền hỗ trợ ít" chiếm 19,8% đây là một khó khăn liên quan đến vai trò vận động nguồn lực của cán bộ xã, cũng do nguồn kinh phí vận động nguồn lực có hạn nên số tiền hỗ trợ cho người nghèo cũng không được nhiều.

Khó khăn "Không biết sử dụng nguồn vốn để sinh lời" chiếm 13,9% tỷ lệ không cao nhưng khó khăn này cho thấy người nghèo còn chưa biết sử dụng nguồn như thế nào, sử dụng vào việc gì để có thể sinh lợi nhuận, hay có những hộ nghèo còn sử dụng nguồn vốn sai mục đích, nếu như mục đích vay vốn để làm kinh tế vươn lên thoát nghèo thì lại có người sử dụng nguồn vốn vào việc cờ bạc rượu chè làm cho tình trạng nghèo lại càng khổ, như vậy khi hộ nghèo đã vay được vốn thì cán bộ chính sách giảm nghèo cũng cần hướng cho họ sử dụng nguồn vốn đúng mục đích và có hiệu quả.

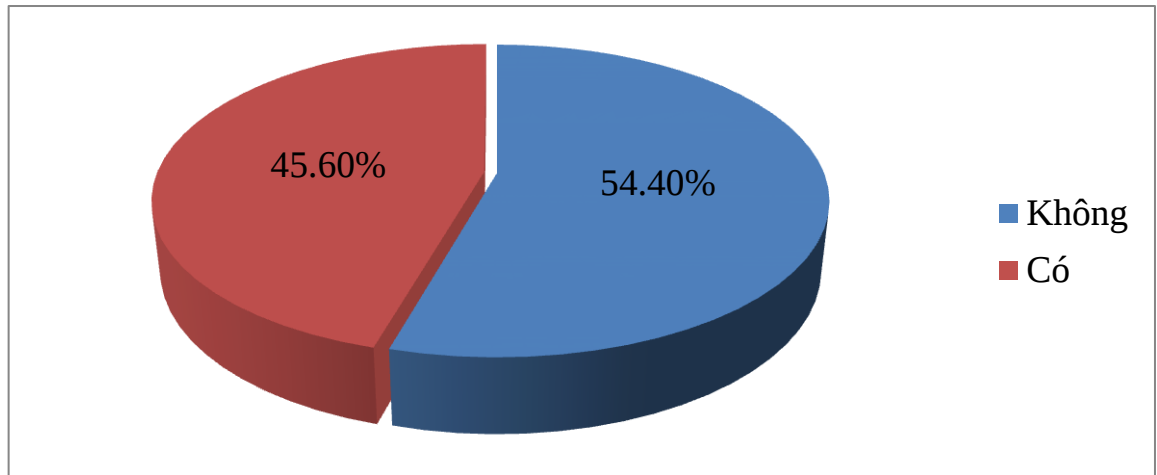
2.2. Đánh giá việc thực hiện vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo tại xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

2.2.1. Thực trạng vai trò kết nối trong việc hỗ trợ người nghèo

Để thực hiện hỗ trợ người nghèo trong hoạt động giảm nghèo thì kết nối có thể coi là vai trò đặc biệt quan trọng. Qua quá trình khảo sát, điều tra bằng bảng hỏi nhận thấy rằng vai trò kết nối góp phần đem lại những hiệu quả nhất định cho hoạt động giảm nghèo của địa phương. Vai trò kết nối trong giảm nghèo được thông qua các hoạt động như hoạt động tuyên truyền, hoạt động kết nối việc làm, dạy nghề, kết nối chính sách ... cho người dân.

2.2.1.1. Vai trò kết nối trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm cho người nghèo

Công tác xã hội thực hiện vai trò kết nối người nghèo với các chương trình hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm, đây là một trong những hoạt động giảm nghèo mang tính bền vững bởi hoạt động này đem lại cho người nghèo không chỉ các kiến thức, kỹ năng về một nghề nhất định mà còn đem lại cho họ cơ hội được làm việc. Khảo sát qua bảng hỏi thu được kết quả về số lượng người nghèo được hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm như sau:



Biểu đồ 2.4: Số lượng người nghèo được đào tạo nghề và kết nối việc làm

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu, 2020)

Biểu đồ 2.4 cho thấy số người được hỗ trợ về đào tạo nghề và kết nối việc làm chiếm 45,6% (tương đương với 41/90 người), còn số người không được hỗ trợ về hoạt động này chiếm 54,4% (tương đương 49/90 người), vậy số lượng người trả lời "không" nhận được hỗ trợ nhiều hơn số người trả lời "có" nhưng không quá nhiều. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc họ không nhận được hỗ trợ như sức khỏe suy yếu không đáp ứng được việc học nghề, gia đình không có khả năng để chi trả một phần học phí, không có nhu cầu học nghề, cán bộ xã không giới thiệu về các chương trình đào tạo nghề, và

nguyên nhân được đưa ra nhiều nhất là gia đình không có người trong độ tuổi lao động.

Theo như ông N.N.T (50 tuổi) - cán bộ phòng Lao động Thương binh Xã hội chia sẻ: *"Việc hỗ trợ, đào tạo nghề cho người nghèo là rất cần thiết và cũng là một biện pháp giảm nghèo mang tính bền vững. Vì vậy mà cán bộ và nhân viên chính sách của xã đã triển khai những hoạt động giới thiệu chương trình đào tạo nghề và kết nối việc làm cho người nghèo đến các trung tâm dạy nghề, giới thiệu các chính sách ưu tiên trong học nghề để người nghèo có cơ hội tiếp cận được với việc làm phù hợp, từ đó giúp họ tiến gần đến cơ hội thoát nghèo. Nhưng đa phần các hộ nghèo của xã ít có người trong độ tuổi lao động, thường là người cao tuổi, những đối tượng thuộc bảo trợ xã hội (người khuyết tật), người có sức khỏe yếu vì vậy mà có ít người nghèo được đào tạo nghề, do họ không đủ điều kiện để được xét duyệt đi học nghề."*

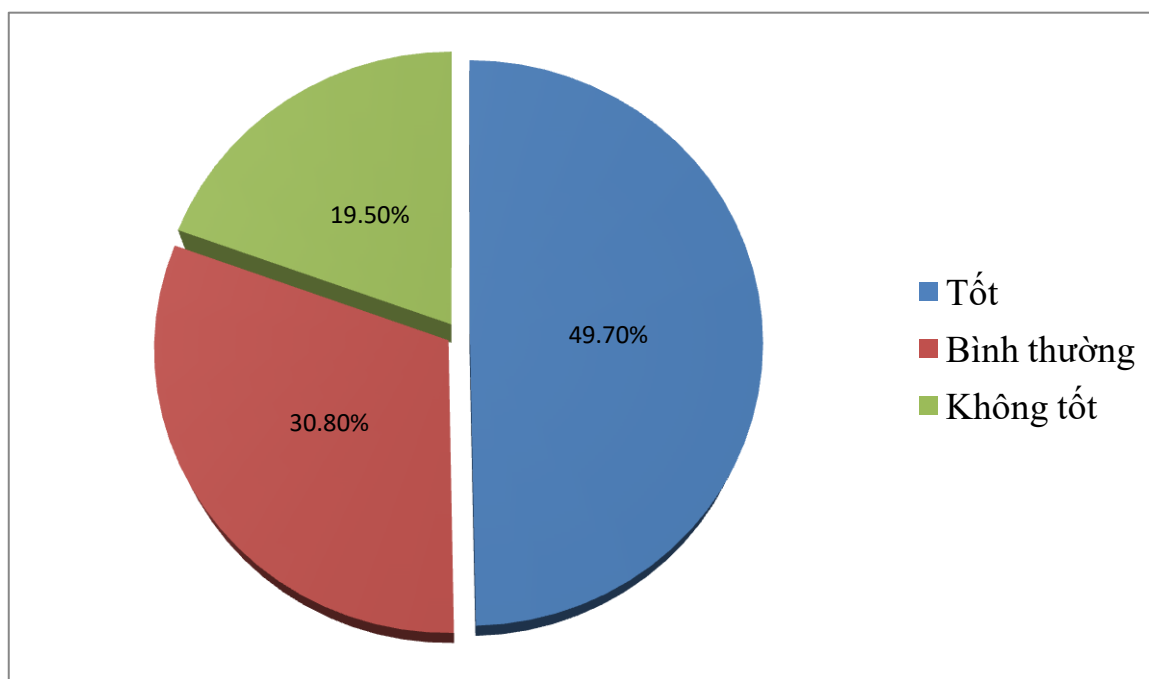
Bà N.N.T (32 tuổi) – người nghèo tại thôn Nhân Lý chia sẻ: *"Trước đây tôi rất thích học nấu ăn, nhưng do hoàn cảnh gia đình không có tiền để đi học nấu ăn, nên tôi phải dẹp sở thích sang một bên đi làm thuê cuốc mướn. Khi được các cán bộ của xã động viên giới thiệu tôi đến vừa học nấu ăn vừa làm ở nhà hàng trên thị trấn, thì tôi thấy cũng hay vào theo học, đến nay tôi đã học được cách làm rất nhiều món và có được khoản thu nhập ổn định cho gia đình."*

Ông T.V.L (52 tuổi)- người nghèo tại thôn Giã Bàng chia sẻ: *"Tôi có cho con trai tôi đi học lớp cơ khí của các anh chị cán bộ xã giới thiệu, cháu nó học hết cấp 2 nhưng không muốn học văn hóa nữa nên tôi cho nó nghỉ học văn hóa đi học nghề luôn. Giờ cháu vẫn đang vừa làm vừa học nghề, theo cái nghề ấy mà cháu lại thấy thích và hứng thú hơn là đi học văn hóa. Tôi thấy rằng cán bộ xã đã làm tốt được công tác hỗ trợ người nghèo chúng tôi giới thiệu và tư vấn cho chúng tôi lựa chọn được nghề để học."*

Bà D.T.T (46 tuổi) – người nghèo tại thôn Trung Hậu chia sẻ: “*Các cán bộ xã có giới thiệu cho tôi đi học nghề may nhưng mà phải học tận dưới huyện mà tôi năm nay cũng 46 tuổi rồi nên tôi ngại đi xa nên tôi không tham gia học, mà giờ học tôi cũng không vào đâu được.*”

Qua lời chia sẻ của cán bộ xã, cũng như phỏng vấn người nghèo tại xã cho thấy vai trò kết nối trong hỗ trợ đào tạo nghề có được thực hiện, một mặt đã kết nối người nghèo đi học học, giới thiệu việc làm phù hợp cho người nghèo; mặt khác vẫn tồn tại những khó khăn như người nghèo không tiếp thu được kiến thức, không có thời gian, không đủ kinh tế, việc làm không ổn định.

Đánh giá vai trò kết nối của cán bộ làm CTXH thực hiện hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm cho người nghèo ta có được biểu đồ sau:



Biểu đồ 2.5.Đánh giá chất lượng vai trò kết nối của cán bộ làm CTXH trong hoạt động đào tạo nghề và kết nối việc làm

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu, 2020)

Kết quả thể hiện người nghèo đánh giá mức độ “tốt” chiếm 49,7% đây là tỷ lệ khá cao, mức độ “bình thường” chiếm 30,8%, mức độ “không tốt” chiếm 19,5%. Điều đó cho thấy hoạt động hỗ trợ đào tạo dạy nghề và kết nối việc làm của cán bộ làm CTXH của xã Tê Lỗ được người nghèo đánh giá cao, đem lại những việc làm phù hợp cho người nghèo, giúp người nghèo gia tăng kinh tế. Tuy nhiên, mức độ “không tốt” vẫn được người nghèo lựa chọn vì còn tồn tại những khó khăn đã nêu trên trong hoạt động đào tạo nghề và kết nối việc làm, và mức độ không tốt là do người nghèo cho rằng một số cán bộ làm CTXH còn chưa nhiệt tình, thiếu trách nhiệm hoặc người nghèo được tiếp cận nhưng chưa thấy được hiệu quả dành cho bản thân mình. Vì vậy, cán bộ làm CTXH cần khắc phục những khó khăn đang tồn tại để đưa hoạt động áp dụng rộng rãi và hiệu quả hơn đến với tất cả người nghèo của toàn xã.

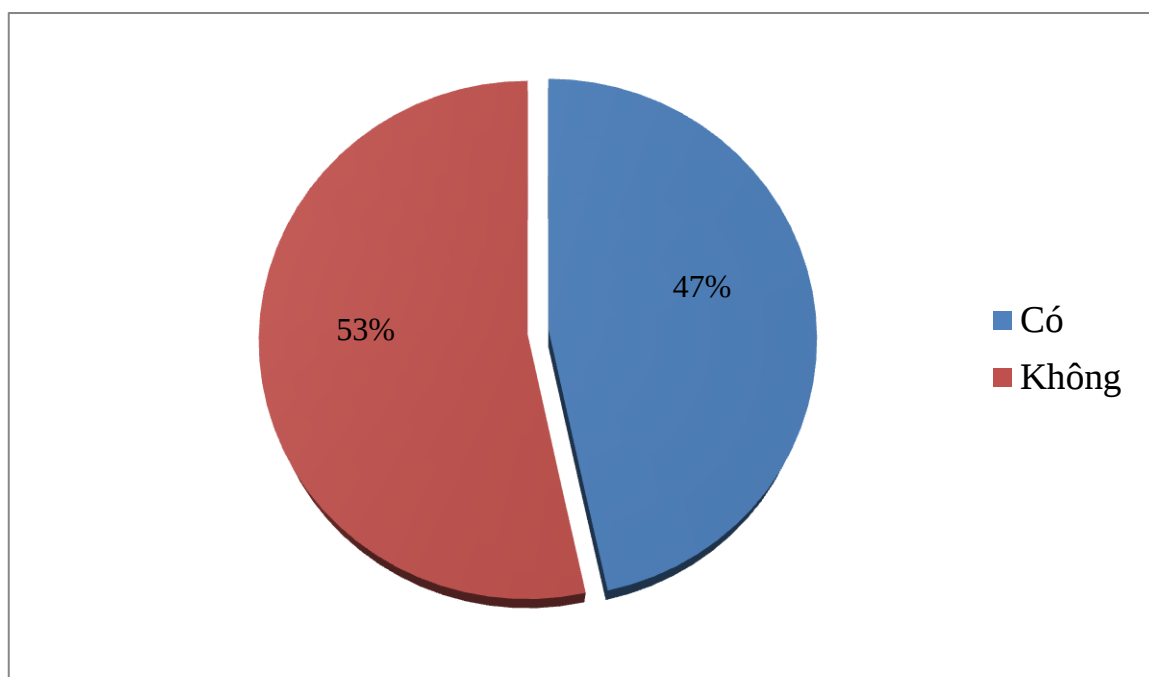
Cán bộ làm CTXH cũng có những hoạt động hỗ trợ người nghèo làm ăn kinh tế như giới thiệu các mô hình kinh tế mới: nhân giống cây trồng vật nuôi phù hợp, các ngành nghề kinh doanh vốn nhỏ, đào tạo nghề cơ khí, thủ công nghiệp để hỗ trợ người nghèo thoát nghèo. Ở xã Tê Lỗ, đã có những hộ thoát nghèo nhờ vào nghề nhân giống vật nuôi ấp trứng, buôn bán vật liệu phế phẩm.

Theo như ông N.N.T (50 tuổi) - cán bộ phòng Lao động Thương binh Xã hội chia sẻ: *“Cán bộ xã đã và đang cố gắng cập nhật kiến thức thông tin về kinh tế, nắm bắt được các loại hình kinh tế phù hợp với người dân của xã để hỗ trợ người dân vươn lên thoát nghèo. Việc kết nối người nghèo để giúp họ học nghề và có được việc làm đã và đang được cán bộ xã thực hiện, tuy nhiên do năng lực kết nối với của cán bộ xã còn hạn chế cùng với đó người nghèo chưa thấy được tầm quan trọng của đào tạo nghề nên người nghèo vẫn còn những khó khăn”*

Từ khảo sát điều tra thấy được là vai trò kết nối trong hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm tại xã Tề Lỗ đã được thực hiện, đem lại những thành công nhất định, nhưng bên cạnh đó còn tồn tại những rào cản khó khăn của người nghèo và còn những hạn chế từ cán bộ làm CTXH.

2.2.1.2. Vai trò kết nối trong hoạt động hỗ trợ tài chính cho người nghèo

Hoạt động hỗ trợ tài chính của cán bộ chính sách bao gồm các hoạt động như là: hỗ trợ vay vốn, tặng sổ tiết kiệm, hỗ trợ tài chính vi mô. Khảo sát số lượng người được hỗ trợ về tài chính của xã đã thu được kết quả như sau:



Biểu đồ 2.6. Số lượng người nghèo được hỗ trợ về tài chính

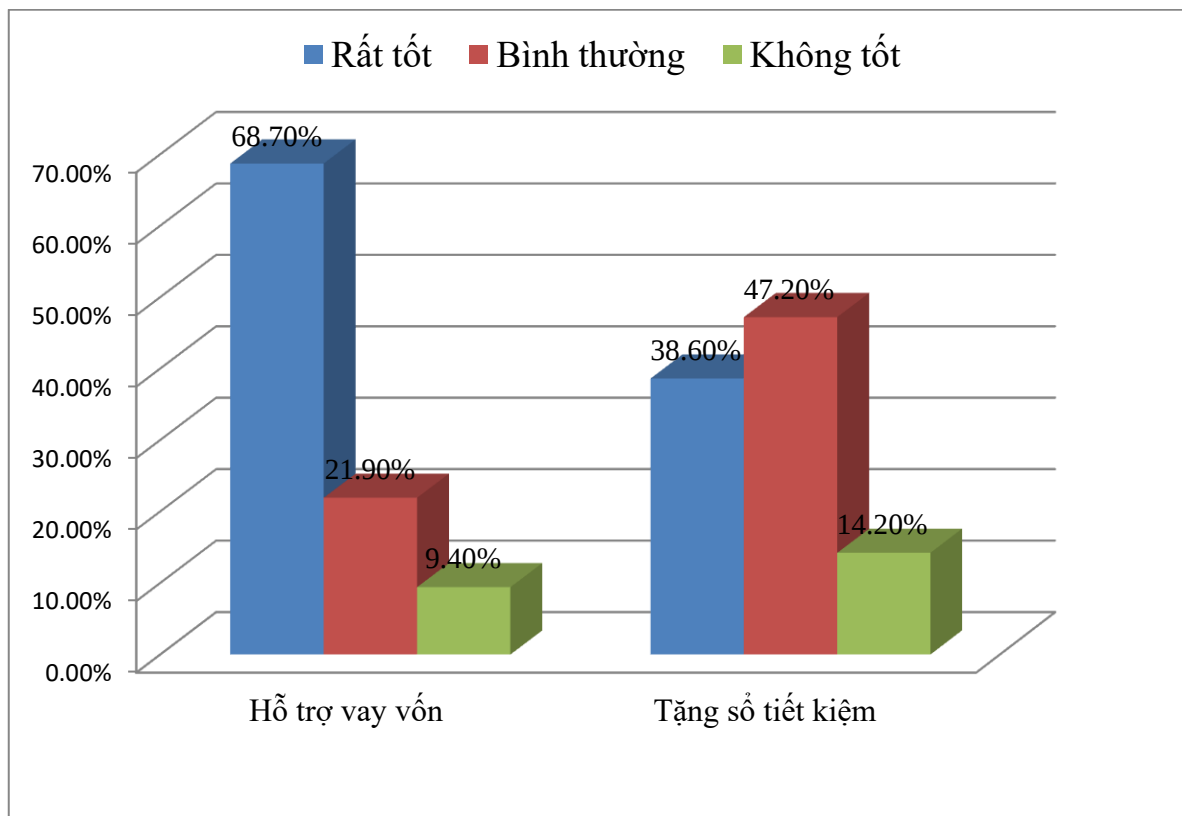
(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu, 2020)

Qua khảo sát thấy rằng có 46,6% tương đương 42/90 người nghèo nhận được hỗ trợ về tài chính, còn 53,4% tương đương 48/90 người nghèo chưa được hỗ trợ về tài chính với các lý do được người nghèo đưa ra là: người nghèo không dám vay vốn vì sợ không trả được; thủ tục vay vốn phức tạp rườm rà; nguồn kinh phí cấp không đủ hết cho các hộ nghèo; các nguồn ngân sách chuyển về cho người nghèo còn chậm trễ không kịp cho các hộ nghèo

mua phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư để sản xuất nông nghiệp; không đủ điều kiện để được nhận hỗ trợ tài chính như lý do không chính đáng ví dụ có người nghèo vay tiền không để làm ăn mà để rượu chè cờ bạc không phục vụ mục đích giảm nghèo; cũng có người nghèo cho rằng tuy họ nghèo nhưng không muốn phụ thuộc vào người khác mà cứ chăm chỉ làm ăn rồi sẽ có.

Hình thức hỗ trợ về tài chính của xã chủ yếu là cho người nghèo vay vốn với lãi suất thấp, tặng sổ tiết kiệm cho người nghèo. Trong số 42 người nghèo được hỗ trợ về tài chính thì có 30 người nhận hỗ trợ tài chính qua hình thức vay vốn, còn 12 người nhận hỗ trợ qua hình thức nhận sổ tiết kiệm. Qua đó thấy được rằng phần lớn người nghèo nhận hỗ trợ bằng hình thức vay vốn, người nghèo của xã đã mạnh dạn vay vốn để tự chủ làm ăn kinh tế, người nghèo muốn tự mình vươn lên làm kinh tế để thoát khỏi nghèo đói, thấy được ý chí thoát nghèo của người dân ngày càng tăng cao. Số người nhận sổ tiết kiệm còn ít và đây cũng là hình thức hỗ trợ bị động trong việc giảm nghèo, để nhận sổ tiết kiệm cần phải qua quyết định xét duyệt của xã, với các tiêu chí xét duyệt từ những hộ khó khăn nhất, có người nghèo khuyết tật hay ốm đau nằm liệt giường cho đến những hộ có hoàn cảnh theo nấc thang xét duyệt đi lên. Không có ai nhận hỗ trợ qua hình thức tài chính vi mô, vì hình thức này còn khá mới mẻ chưa được áp dụng rộng rãi tại xã.

Như vậy hình thức hỗ trợ tài chính của xã đối với người nghèo bao gồm hình thức cho vay vốn, hình thức tặng sổ tiết kiệm. Khảo sát về hiệu quả của hình thức này thu được những số liệu sau:



Biểu đồ 2.7: Đánh giá hiệu quả của hoạt động hỗ trợ tài chính

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu, 2020)

Hỗ trợ tài chính bằng hình thức cho vay vốn được người nghèo đánh giá "rất tốt" chiếm tỷ lệ khá cao 68,7%, đánh giá "bình thường" là 21,9% còn "không tốt" có tỷ lệ ít 9,4%, điều đó cho thấy người nghèo được tiếp cận với hình thức cho vay vốn khá hiệu quả và việc vận động nguồn lực cho hình thức hỗ trợ này của cán bộ chính quyền đã đem lại bước đầu thành công cho người nghèo. Hình thức tặng sổ tiết kiệm nhìn chung được người nghèo đánh giá "bình thường", vì hình thức này cũng không phải là biện pháp hữu ích để giúp người nghèo thoát nghèo bền vững được mà hình thức này như nguồn ủng hộ, động viên cho người nghèo cố gắng vươn lên.

Chia sẻ của ông Đ.Đ.C (48 tuổi)- cán bộ xã về hoạt động hỗ trợ tài chính như sau: "*Hoạt động vay vốn của xã với những thủ tục còn khá phức tạp vì vậy chúng tôi đã hỗ trợ hướng dẫn người nghèo cần có giấy tờ và thủ tục*

như thế nào để người nghèo hiểu được và tránh những sai sót trong quá trình làm thủ tục vay vốn. Để người nghèo có thể vay vốn, chúng tôi đã phải kết nối trao đổi với các ban ngành đoàn thể, vận động nguồn quỹ của hội phụ nữ và các hội cựu chiến binh, hội nông dân, bên cạnh đó cũng đứng ra thuyết phục các ban ngành tin tưởng vào khả năng của người nghèo có thể trả được khoản vay. Ngoài ra, chúng tôi cũng trao đổi với ngân hàng, với quỹ tín dụng của xã cho người nghèo vay theo quy định pháp luật của Nhà nước. Còn về hình thức tặng sổ tiết kiệm cho người nghèo, chúng tôi thường thực hiện vào dịp Tết đến thay cho món quà mà chúng tôi dành cho người nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Khoản tiền của mỗi sổ tiết kiệm chỉ khoản 1.000.000 đồng, nhưng đó là khoản tiền mà chúng tôi đã vận động sự ủng hộ của nhân dân, của các doanh nghiệp trên địa bàn, số tiền tuy không nhiều nhưng đó như tấm lòng là nguồn động viên dành người nghèo của nhân dân, cán bộ, doanh nghiệp."

Qua lời chia sẻ của cán bộ xã đã thấy được rằng các cán bộ đã thực hiện được vai trò kết nối trong hoạt động hỗ trợ tài chính cho người nghèo và đã đạt được những một số thành công như đã kết nối được với các doanh nghiệp, những nhà hảo tâm, các cơ quan nhà nước để hỗ trợ người nghèo. Ngoài ra cán bộ xã cũng đứng ra bảo vệ quyền lợi được vay vốn cho người nghèo được vay vốn từ đó có nguồn kinh phí để làm ăn kinh tế.

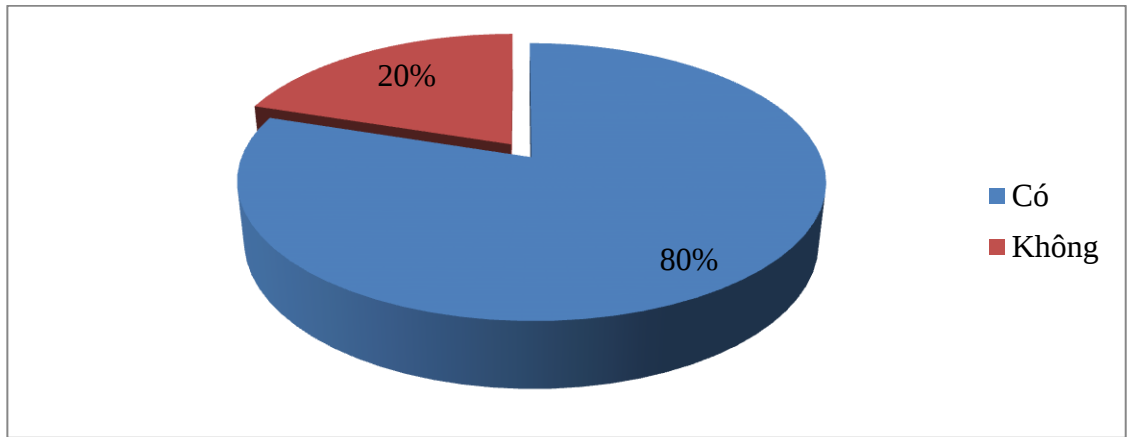
Như vậy, vai trò kết nối của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo tại xã Tề Lỗ đã được thực hiện, tuy nhiên kết quả của vai trò kết nối trong các hoạt động lại khác nhau. Trong hoạt động hỗ trợ đào tạo dạy nghề và kết nối việc làm, vai trò kết nối cũng được thực hiện nhưng đã gặp một số khó khăn, bởi còn tùy thuộc vào điều kiện nhân lực của hộ nghèo có đáp ứng được điều kiện của chương trình đào tạo không, khả năng tiếp thu kiến thức, khả năng đáp ứng công việc và còn có những khó khăn về nguồn lực hỗ trợ. Cũng

tương tự vậy, trong hoạt động thực hiện các chính sách giảm nghèo liên quan đến tài chính, dù cán bộ chính sách có thể thực hiện được vai trò kết nối nhưng hoạt động đó có hiệu quả hay không còn tùy thuộc vào nguồn tài chính vận động được. Dù hiệu quả thực hiện vai trò kết nối của cán bộ chính sách trong các hoạt động thực hiện chính sách giảm nghèo khác nhau nhưng nhìn chung đã có những thành tựu nhất định, đem lại lợi ích cho người nghèo, bên cạnh đó cán bộ chính sách xã cũng cần khắc phục những hạn chế còn tồn tại để vai trò kết nối được thực hiện toàn diện và chất lượng hơn.

2.2.2. Thực trạng vai trò tuyên truyền trong hỗ trợ người nghèo

2.2.2.1. Vai trò tuyên truyền các chính sách, dịch vụ xã hội cho người nghèo

Có thể thấy để thực hiện giảm nghèo hiệu quả thì người nghèo cần phải nắm được những chính sách giảm nghèo của Nhà nước dành cho người nghèo. Tuy nhiên, người nghèo phần lớn có trình độ dân trí thấp lại ít tìm tòi hiểu biết về các chính sách giảm nghèo vì vậy để giúp người nghèo có được sự hiểu biết về các chính sách giảm nghèo mà người nghèo được hưởng thì cần phải có các hoạt động tuyên truyền đến người nghèo. Hoạt động tuyên truyền cũng cần phải được kết hợp bởi nhiều hình thức khác nhau, và kết nối giữa cán bộ - người dân - nhân viên công tác xã hội cùng các nguồn lực khác trong cộng đồng. Qua khảo sát thấy được những kết quả về vai trò tuyên truyền về chính sách giảm nghèo tại xã Tề Lỗ, thông qua những số liệu thống kê sau:



Biểu đồ 2.8: Tỷ lệ hộ nghèo được truyền thông về chính sách giảm nghèo
(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu, 2020)

Theo như biểu đồ 2.8 ta thấy phần lớn người nghèo của xã Tề Lỗ đều được truyền thông về chính sách giảm nghèo của Nhà nước, có 72 trên 90 người nghèo được cung cấp các thông tin về giảm nghèo tương đương với 80% số phiếu hỏi được phát ra. Điều này cho thấy được cán bộ chính sách giảm nghèo địa phương đã làm rất tốt vai trò kết nối người nghèo với những nguồn thông tin về các chính sách giảm nghèo, từ các chính sách hỗ trợ về tài chính như hỗ trợ vay vốn, tặng sổ tiết kiệm cho đến chính sách về cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, chính sách hỗ trợ tiền điện, chính sách miễn giảm học phí và các chính sách về hỗ trợ đào tạo nghề, kết nối việc làm.

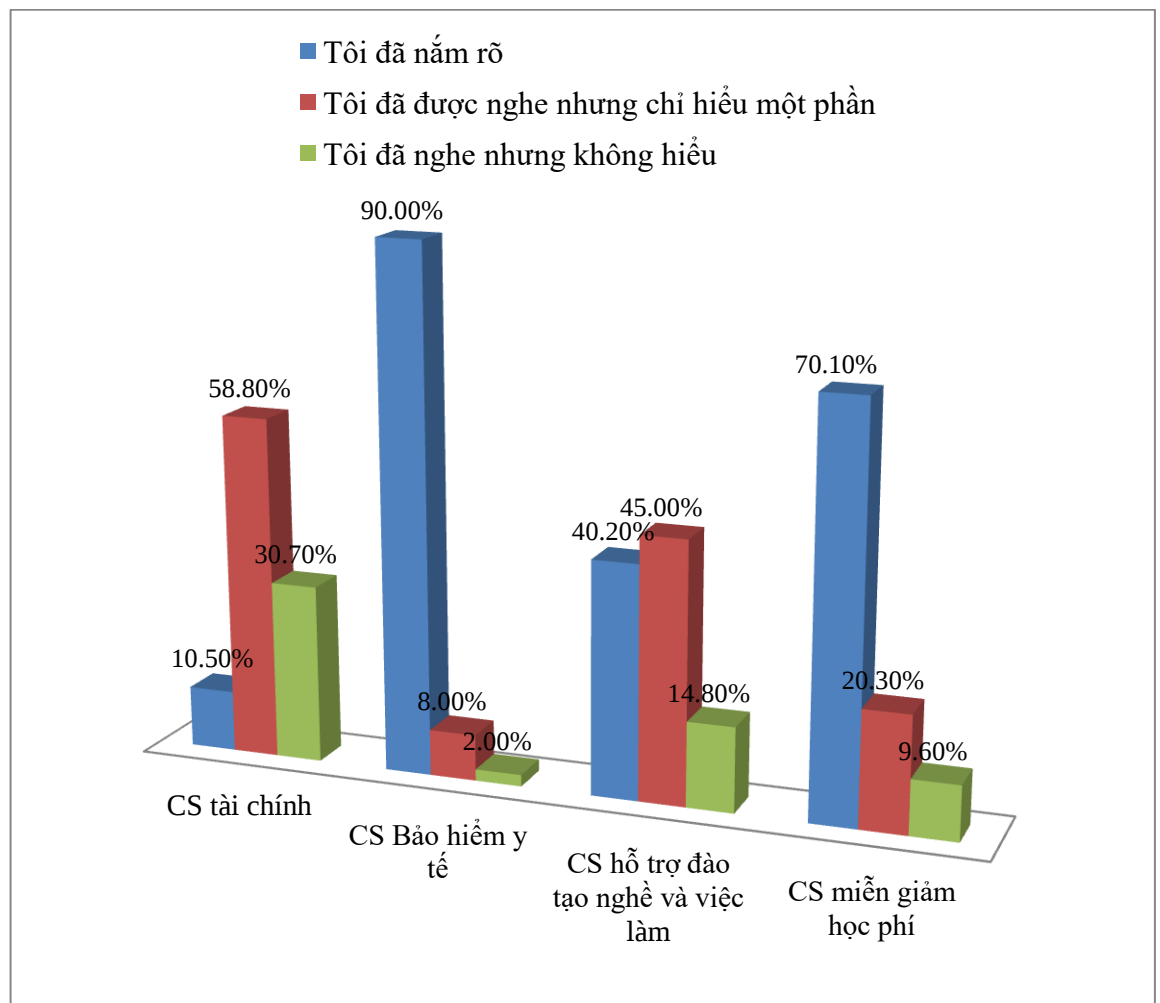
Nhờ việc được truyền thông với đầy đủ các thông tin liên quan đến chính sách giảm nghèo mà người nghèo có thêm thông tin hiểu biết về quyền lợi của họ, về những nguồn lực có thể giúp họ học tập, làm việc để ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo.

Việc vận dụng vai trò kết nối của công tác xã hội vào chính sách giảm nghèo, được chị T.T.X (36 tuổi) - cán bộ chính sách xã chia sẻ như sau: "*Từ khi được học lớp tập huấn về công tác xã hội, tôi như hiểu thêm được về công tác xã hội và có những biện pháp mới hơn. Trước kia đối với việc tuyên truyền về chính sách giảm nghèo đó chỉ là các hoạt động cung cấp các thông*

tin chính sách như miễn giảm học phí, tặng quà tết, hỗ trợ bù giá tiền điện, ... nhưng khi được tập huấn và hiểu rõ hơn về công tác xã hội thì tôi đã vận dụng được rất nhiều thứ và cũng nhờ đó mà đối tượng người nghèo được hưởng lợi hơn nhiều. Tôi đã truyền thông tới người nghèo về chính sách vay vốn, hỗ trợ đào tạo học nghề, việc làm, về y tế như chăm sóc sức khỏe bản thân, sức khỏe sinh sản... và khi được tiếp cận với các nguồn thông tin người nghèo có thêm hiểu biết được mở mang tầm nhìn, có cơ hội được tiếp cận với nguồn lực về tài chính, hỗ trợ họ học nghề, tìm việc có thu nhập ổn định.."

Để tuyên truyền các nguồn thông tin, chính sách cán bộ chính quyền đã sử dụng các phương pháp tuyên truyền chủ yếu là loa phát thanh của xã, theo định kỳ xã sẽ có những buổi phát thanh những thông tin liên quan tới chính sách, đời sống người dân trong đó có những chính sách về giảm nghèo, bên cạnh đó cũng có những phương tiện khác như báo đài, được truyền thông qua các cuộc họp, một phương pháp truyền thông được cho là rất hiệu quả đó là truyền thông tại nhà. Phương thức truyền thông trực tiếp tại nhà là việc cán bộ chính sách kết hợp với nhân viên xã hội và tổ trưởng thôn với các ban ngành đoàn thể đến nhà cung cấp cho đối tượng các thông tin cần thiết để trang bị cho họ những kiến thức cơ bản về chính sách, vận động họ tham gia vào các hoạt động giảm nghèo để cùng chính quyền cải thiện tình trạng nghèo trên địa bàn, phương thức này thể hiện sự nỗ lực của cán bộ chính quyền cùng với nhân viên xã hội trong việc kết nối người nghèo với các nguồn lực và trợ giúp họ có cuộc sống ngày một tốt hơn.

Vai trò truyền truyền về chính sách giảm nghèo đã được cán bộ địa phương thực hiện, tuy nhiên xét đến hiệu quả của vai trò tuyên truyền chính sách đến người nghèo như thế nào sẽ được đánh giá thông qua chất lượng của hoạt động truyền thông trong biểu đồ sau:



Biểu đồ 2.9: Đánh giá hiệu quả hoạt động truyền thông chính sách giảm nghèo

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu, 2020)

Đánh giá của người nghèo về hiệu quả của hoạt động truyền thông còn phụ thuộc vào loại chính sách mà người nghèo được cung cấp thông tin, cụ thể trong chính sách tài chính (bao gồm hỗ trợ vay vốn và tặng sổ tiết kiệm) 58,8% người nghèo nhận định rằng họ có được thông tin về chính sách tài chính nhưng lại chỉ hiểu được một phần; tỷ lệ người nghèo đã nghe nhưng không hiểu chiếm 30,7%, chiếm tỷ lệ khá cao có thể thấy rằng các chính sách về tài chính như vay vốn, làm ăn kinh tế còn khá phức tạp và khó hiểu nên

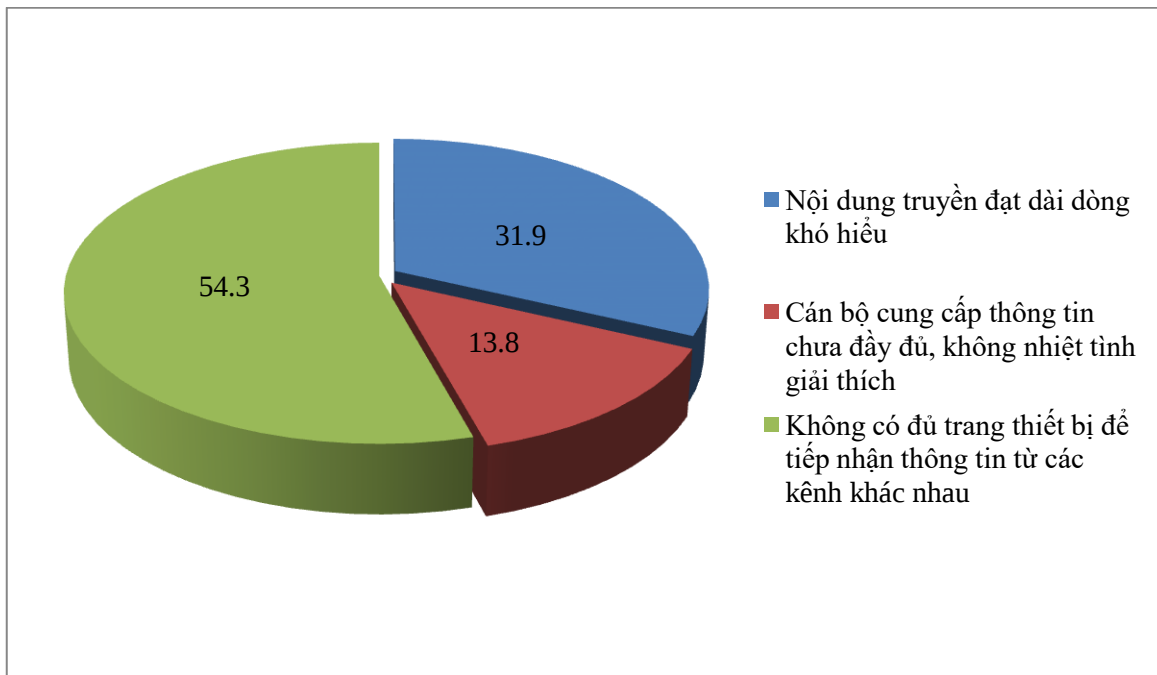
việc tiếp cận và hiểu hết được chính sách tài chính còn gặp khó khăn; vì vậy tỷ lệ "người nghèo đã nắm rõ" còn chiếm tỷ lệ thấp 10,5%.

Về chính sách bảo hiểm y tế "tỷ lệ người nghèo nắm rõ" thông tin và hiểu biết chính sách chiếm tỷ lệ lớn 90%; số "đã được nghe nhưng chỉ hiểu một phần" là 8% và "đã nghe nhưng không hiểu" 2% chiếm tỷ lệ rất ít, bởi chính sách bảo hiểm y tế cho hộ nghèo được cấp miễn phí hàng năm, khá đơn giản dễ hiểu, tuy nhiên do thông tin bảo hiểm đôi khi sai phải sửa lại nhiều lần hoặc việc cấp phát thuốc khiến cho một số ít người nghèo còn chưa rõ về chính sách bảo hiểm y tế.

Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và việc làm có tỷ lệ "người đã nắm rõ" chiếm 40,2%, "người đã nghe nhưng chỉ hiểu một phần" là 45% và "người đã nghe nhưng không hiểu" chiếm 14,8%, chính sách đào tạo nghề và việc làm tuy đã được triển khai cho người dân nhưng vẫn còn những nội dung mà người nghèo chưa thể hiểu được hết nên là người nghèo đã nghe nhưng chỉ hiểu một phần còn chiếm tỷ lệ cao.

Chính sách miễn giảm học phí được đánh giá có tỷ lệ "người đã nắm rõ" 70,10% chiếm tỷ lệ khá cao, "người đã nghe nhưng chỉ hiểu một phần" chiếm 20,3%, và "người đã nghe nhưng không hiểu" chiếm 9,6% bởi chính sách miễn giảm học phí khá đơn giản, các loại giấy tờ để xác nhận miễn giảm học phí lại dễ dàng nên số người hiểu rõ chính sách chiếm tỷ lệ cao.

Các chính sách khác nhau, việc tiếp cận hiểu biết về các chính sách của người nghèo là khác nhau, hiệu quả hoạt động tuyên truyền các chính sách cũng khác nhau.



Biểu đồ 2.10: Khó khăn của hoạt động truyền thông chính sách giảm nghèo

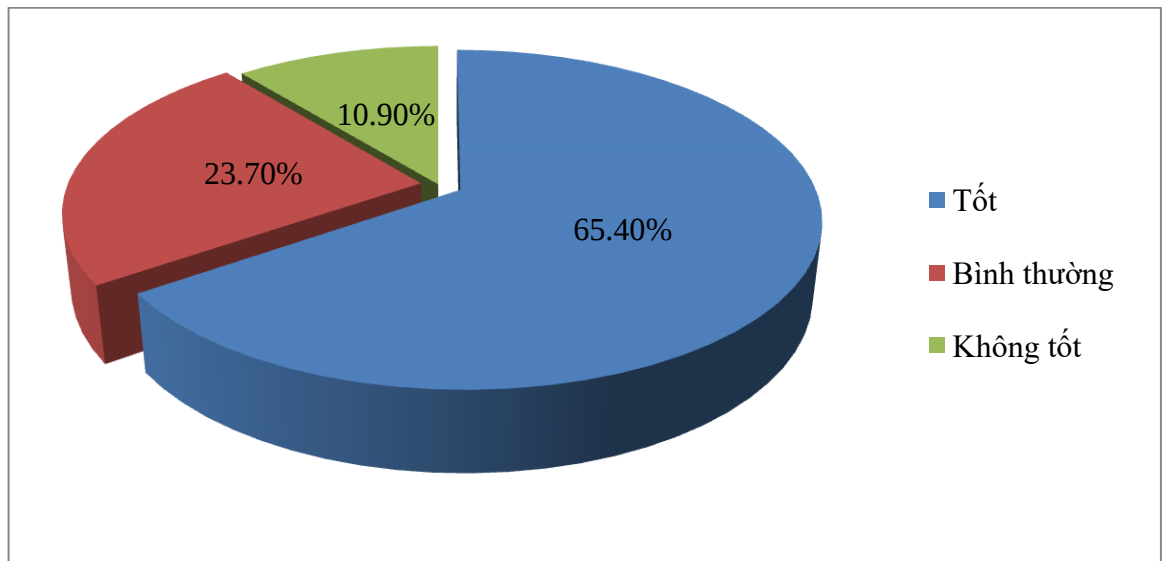
(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu, 2020)

Hình thức tuyên truyền của cán bộ với người nghèo còn những khó khăn vướng mắc như là: "Nội dung thông tin truyền đạt dài dòng khó hiểu" chiếm 31,9%(tương đương 23/72 người), "Cán bộ cung cấp thông tin chưa đầy đủ, không nhiệt tình giải thích" chiếm 13,8% (tương đương 10/72 người), "Không có đủ trang thiết bị để tiếp nhận thông tin từ các kênh khác nhau" chiếm 54,3% (tương đương 45/72 người). Người nghèo không có đầy đủ trang thiết bị để tiếp nhận thông tin từ các kênh khác nhau là khó khăn được đánh giá là cao nhất, bởi người nghèo có những thiếu hụt về trang thiết bị vật tư cơ sở sinh hoạt hàng ngày, nên việc tiếp cận thông tin từ các kênh khác nhau còn hạn chế. Theo đó, vẫn còn những cán bộ truyền đạt thông tin một cách dài dòng khó hiểu và có một số cán bộ còn cung cấp thông tin chưa đầy đủ, không nhiệt tình trong việc giải thích khi cần đã ảnh hưởng đến việc truyền thông chính sách cho người nghèo, những đánh giá này cho thấy cán bộ chính

sách cần thực hiện đổi mới các hình thức truyền thông, nỗ lực kết nối thông tin đến người nghèo để các chính sách giảm nghèo được người dân tiếp cận một cách đơn giản, dễ hiểu.

Ngoài 78/90 phiếu hỏi được phát ra cho rằng được cung cấp thông tin về chính sách cho người nghèo, thì 12 phiếu còn lại được trả lời "không" được truyền thông về các chính sách giảm nghèo vì những lý do sau: không có phương tiện truyền thông để tiếp cận thông tin tin tức như tivi, loa đài của xã tại khu vực họ ở nghe không rõ, cũng có những người chia sẻ rằng họ không quan tâm tới việc được cung cấp truyền thông thông tin về chính sách giảm nghèo. Từ những số liệu và nguyên nhân về những người không được tiếp cận với thông tin về chính sách giảm nghèo cho thấy rằng vai trò tuyên truyền chính sách giảm nghèo tuy đã đạt những kết quả nhất định, nhưng cán bộ chính sách cùng nhân viên làm CTXH cũng không nên chủ quan mà xem nhẹ số ít, bởi mục tiêu là đem thông tin đến cho toàn bộ người nghèo chứ không dừng lại ở số đông, cần quan tâm hơn nữa đến việc tiếp cận thông tin trong người nghèo. Cán bộ chính sách cùng nhân viên xã hội cần tìm hiểu nguyên nhân mà có một số người nghèo không được tiếp cận thông tin, để từ những nguyên nhân đó mà có biện pháp khắc phục để số người nghèo chưa được tiếp cận đó sẽ sớm nắm bắt được các nguồn thông tin cần thiết và đầy đủ.

Đánh giá vai trò tuyên truyền của cán bộ chính sách trong hoạt động truyền thông thu được những kết quả sau:



Biểu đồ 2.11. Đánh giá chất lượng vai trò tuyên truyền chính sách, dịch vụ cho người nghèo

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu, 2020)

- Tỷ lệ đánh giá “tốt” chiếm 65.4% đều có tỷ lệ cao cho thấy vai trò của cán bộ chính sách trong hoạt động truyền thông khá hiệu quả. Cán bộ chính sách đã cung cấp các thông tin cần thiết cho người nghèo, và giải thích những thắc mắc về các chính sách cho người nghèo, giúp người nghèo hiểu rõ hơn về các chính sách, các thông tin mà họ được truyền thông để từ đó NVXH cùng cán bộ chính sách sẽ hỗ trợ giúp người nghèo có thêm thông tin và hiểu biết tiến tới các hoạt động giảm nghèo diễn ra hiệu quả.

- Tỷ lệ đánh giá "bình thường" chiếm 23,7%, mức đánh giá này thể hiện người nghèo tuy đã được cán bộ chính sách truyền thông các thông tin chính sách, nhưng về vấn đề giải thích những thắc mắc của cán bộ chính sách với người nghèo còn chưa được hợp lý, tận tình; cần phải khắc phục tình trạng này, nếu việc truyền thông chỉ quan tâm đến số lượng người được truyền thông, số lượng thông tin được tuyên truyền mà không quan tâm đến việc người dân hiểu được bao nhiêu, hiểu như thế nào thì đôi khi việc truyền đạt thông tin còn khiến người dân có cái hiểu lệch lạc. Vì vậy, truyền thông

tin chính sách cũng cần kết nối với người dân để họ hiểu hết được nội dung thông tin truyền thông. Đặc biệt, cán bộ xã hội cũng cần phải có được những hiểu biết kỹ về các nội dung thông tin chính sách truyền thông để có thể giải đáp kịp thời những thắc mắc của người nghèo khi truyền thông.

- Mức độ đánh giá "không tốt" chiếm 10,9% là chiếm tỷ lệ rất ít, tuy nhiên điều đó cho thấy việc truyền thông thông tin đến người nghèo vẫn còn vướng mắc những hạn chế, khó khăn khiến cho việc tiếp cận thông tin của người nghèo không được đầy đủ. Cán bộ chính sách, NVXH cần khắc phục những hạn chế trong truyền thông thông tin cho người nghèo để việc kết nối trong hoạt động truyền thông chính sách đến người nghèo đạt được kết quả tốt.

Bà N.N.T (32 tuổi) – người nghèo tại thôn Nhân Lý chia sẻ: *“Cán bộ xã đã giới thiệu cho chúng tôi về các chính sách giảm nghèo của nhà nước và giúp chúng tôi hiểu được các chính đó quy định những gì qua những buổi họp, các buổi giao lưu rất vui. Tôi sẽ về bảo mọi người tích cực tham gia các buổi họp của xã.”*

Ông T.V.V (52 tuổi) – người nghèo thôn Giã Bàng chia sẻ: *“Tôi bị bệnh về tăng huyết áp nên thường xuyên phải đi viện trước kia tôi không biết dùng bảo hiểm y tế nên rất tốn kém, sau khi được các cán bộ xã giới thiệu về chính sách bảo hiểm y tế của nhà nước tôi đã hiểu và sử dụng bảo hiểm y tế khi đến khám và lấy thuốc huyết áp hàng tháng mà không mất nhiều tiền.”*

Bà T.T.X (36 tuổi) – cán bộ chính sách xã chia sẻ: *“Cán bộ xã đã nỗ lực thực hiện vai trò tuyên truyền chính sách giảm nghèo đến với từng người nghèo của xã với mong muốn mọi người dân đều được hưởng quyền lợi của mình. Tuy nhiên, việc truyền đạt các thông tin đến bà con vẫn còn gặp hạn chế như dài dòng khó hiểu, không đủ trang thiết bị để tiếp nhận thông tin từ*

các kênh khác nhau, cán bộ xã cần cố gắng khắc phục để đảm bảo nguồn thông tin đầy đủ đến với mọi người dân ”

Như vậy, cán bộ chính quyền đã cố gắng đem đến cho người người nghèo những nguồn thông tin hữu ích liên quan trực tiếp đến vấn đề giảm nghèo tuy nhiên khi truyền đạt giải thích vẫn mắc một số khó khăn.

2.2.2.2.Vai trò tuyên truyền thay đổi nhận thức, nâng cao dân trí cho người nghèo

Hàng năm, Đảng và Nhà nước ta thực hiện hàng loạt những chương trình chính sách để hỗ trợ người nghèo trong sinh hoạt, kinh tế cũng như trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ người nghèo, người lười lao động nảy sinh tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự quan tâm của Đảng và Nhà nước không muốn thoát nghèo. Để giảm nghèo bền vững, các địa phương cần tập trung tuyên truyền giúp người dân xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ nại tránh tình trạng luân phiên hộ nghèo, “tình nguyện” viết đơn xin vào hộ nghèo để hưởng các chính sách hỗ trợ. Khi cán bộ chính sách xã tiến hành khảo sát xét duyệt hộ nghèo, đã có tình trạng khai man hay "xin, chạy" để được là hộ nghèo. Vì sao người dân lại không muốn thoát nghèo? Vì nếu được xét vào diện hộ nghèo, mỗi năm gia đình đó sẽ được hỗ trợ tiền điện, con cái đi học được miễn, giảm và hỗ trợ chi phí học tập, được hỗ trợ về nhà ở, vay vốn ưu đãi phát triển kinh tế... chỉ tính sơ sơ, mỗi năm một hộ nghèo cũng được hỗ trợ riêng tiền điện 30.000 đồng/tháng (giờ đã tăng lên 46.000 đồng/tháng), hộ có người ốm, đau bệnh tật được cấp thẻ BHYT chữa bệnh, con cái đi học không phải đóng tiền học, được hỗ trợ tiền mua giống chăn nuôi, vay vốn ưu đãi... Từ nhận thức hạn chế của một bộ phận người nghèo, cán bộ chính sách giảm nghèo đã tiến hành tăng cường tuyên truyền, giáo dục làm công tác tư tưởng để người dân thay đổi nhận thức ỷ nại trông chờ vào sự giúp đỡ của

chính quyền mà tự lực vươn lên thoát nghèo, để thoát nghèo thành công chỉ có thể dựa vào chính sự cố gắng của người nghèo.

Chia sẻ về việc tuyên truyền thay đổi nhận thức của người nghèo, bà T.T.X (36 tuổi) - cán bộ chính sách xã Tề Lỗ đã cho biết: *"Cứ thời điểm bình xét hộ nghèo là cả trăm mối trăn trở, bởi lẽ bà con có những thích làm hộ nghèo. Hộ này so bì hộ kia, hộ đã thoát nghèo thì tìm đủ mọi lý do để mong muốn được công nhận hộ nghèo; còn hộ nghèo cứ muốn nghèo mãi, cho dù chính quyền địa phương có nỗ lực giải thích tuyên truyền. Chuyện tưởng chừng ngược đời nhưng rất thật ấy có lẽ không chỉ xảy ra ở một xã, mà tư tưởng ấy còn ở không ít bộ phận người dân các xã trên địa bàn tỉnh. Chúng tôi cũng đã cố gắng tuyên truyền, có những buổi họp giáp dục nâng cao nhận thức cho người nghèo về việc cố gắng vươn lên thoát nghèo phải dựa vào chính sức mình không thể ỷ nại mãi vào sự hỗ trợ. Tuy nhiên, cũng có hộ nghèo có ý chí quyết làm kinh tế thoát nghèo thì họ luôn cố gắng làm việc, còn có những người nghèo lười làm ăn lại trông chờ vào sự hỗ trợ thì họ lại không muốn thoát nghèo mặc cho chúng tôi có nói với họ thế nào."*

Theo bà N.T.H (38 tuổi) - cán bộ CTXH chia sẻ về vai trò tuyên truyền trong nâng cao nhận thức người nghèo được các cán bộ của xã thực hiện: *"Để giúp người nghèo nói riêng và người dân toàn xã nói chung nâng cao dân trí hàng ngày chúng tôi có phát thanh những thông tin, chính sách mới qua loa phát thanh của xã, vào những dịp kỷ niệm hay lễ tết chúng tôi cũng có những vở kịch nhằm giáo dục cho người nghèo những tệ nạn, sự mê tín dị đoan, hay điều xấu để người dân có cái nhìn đúng đắn và từ phòng tránh được những điều xấu, hay trong những buổi họp thôn xóm lồng ghép vào đó chúng tôi có đưa ra những nội dung về các tệ nạn, về nếp sống văn minh, về những cải cách trong đà phát triển hiện nay đến người dân để người dân được cập nhật theo kịp sự phát triển của đất nước."*

Qua những lời chia sẻ của các cán bộ xã thấy được vai trò tuyên truyền trong hoạt động thay đổi nhận thức, nâng cao dân trí trong người nghèo đã được thực hiện, tuy nhiên vai trò này vẫn còn gặp phải nhiều khó khăn trong chính nhận thức, suy nghĩ, nếp sống của người dân. Để hỗ trợ thay đổi nhận thức, nâng cao dân trí cho người nghèo thì không thể thực hiện trong ngày một ngày hai mà cần có một khoảng thời gian để người nghèo tự nhận thấy điều gì đúng điều gì sai để mà từ đó thay đổi dần dần, cần có sự hỗ trợ thường xuyên của cán bộ trong hoạt động này.

2.2.3. Vai trò giáo dục trong hỗ trợ người nghèo

2.2.3.1. Vai trò giáo dục trong hoạt động giáo dục bình đẳng giới

Tư tưởng trọng nam khinh nữ ở nông thôn vẫn còn rất nặng nề, gia đình nào cũng rất muốn sinh được con trai, có những gia đình về muốn sinh con trai nên dù đã đông nhưng cũng phải cố đẻ được con trai thì thôi. Một trong những nguyên nhân của nghèo đói cũng là đông con, vì muốn sinh con trai. Tư tưởng có bằng được con trai khiến cho kinh tế của gia nghèo càng thêm nghèo, đông con kinh tế gia đình đi xuống không đảm bảo được mức sống tối thiểu.

Vì vậy, công tác giáo dục bình đẳng giới cần phải được nhân rộng ở khắp nơi trên cả nước, với đội ngũ cán bộ xã có đầy đủ kiến thức, kỹ năng kinh nghiệm trong việc tuyên truyền giáo dục sẽ cung cấp những kiến thức, hiểu biết về bình đẳng giới cho người nghèo cùng cộng đồng dân cư giúp họ có suy nghĩ mới mẻ hơn, giảm bớt tư tưởng coi trọng con trai.

Làm công việc giáo dục về bình đẳng giới, bà N.T.H - cán bộ CTXH chia sẻ một câu chuyện: *"Xã tôi có gia đình nhà anh V.V.L sinh được 4 người con đều là con gái, mà gia đình anh này sinh sát lắm đứa lớn cũng mới được 10 tuổi, nhưng anh L này vẫn muốn sinh nữa để có được con trai, anh ta nói "để cho bao giờ được con trai thì thôi". Cô vợ anh L cũng vất vả, nhà thì*

nghèo điều kiện kinh tế khó khăn, mà anh chồng suốt ngày đi uống rượu, rồi về nhà lại đánh đập vợ con. Mỗi lần đánh đập vợ con anh ta lại chửi vợ là đồ không biết đẻ, đẻ toàn lũ vịt giời, nhìn ngứa mắt nên anh ta đánh. Có những lần chúng tôi đã phải vào can thiệp không cho anh ta đánh chị vợ, khi thấy công an xã đến anh ta mới dừng tay không đánh nữa. Còn về mấy đứa con thì ngoan lắm bé nhưng đã biết phụ giúp mẹ làm việc, nhưng các cháu vẫn chưa đến tuổi lao động nên vẫn không thể làm việc kiếm tiền cho gia đình được. Chúng tôi kết hợp với Hội phụ nữ đã có những buổi nói chuyện với vợ chồng anh L về việc bạo hành của anh L đối với chị vợ, khi không uống rượu thì anh L lại tiếp thu khá nhanh những lời chúng tôi nói, tuy nhiên đến khi say anh L lại tiếp tục những hành vi đẩy, khiến cho chúng tôi phải có những hành động răn đe như mời lên trụ sở công an xã, anh L vốn là người hiền lành và sợ liên quan đến pháp luật nên khi bị mời lên cơ quan công an anh L đã có vẻ biết kiểm soát hành vi hơn. Sau hơn 1 năm hỗ trợ gia đình, anh L đã có những biểu hiện tốt hơn như không uống rượu đến mức say sấn mà tu chí làm ăn, anh L cũng giảm bớt sự nặng nề trong việc mong muốn sinh con trai."

Ông D.M.Q - cán bộ xã cũng có những chia sẻ sau: "Ở xã chúng tôi, độ tuổi kết hôn vẫn còn sớm như 16 tuổi ở nữ đã lấy chồng rồi, tuy ở độ tuổi đấy kết hôn là sai pháp luật nhưng gia đình họ vẫn cho con kết hôn và không đăng ký kết hôn, họ chấp nhận nộp phạt. Vì người dân còn nhận thức con gái thì không cần phải học hành gì nhiều, lớn rồi lấy chồng là xong, con gái thì lo nghĩ được gì. Nhận thấy rằng suy nghĩ của dân về quyền lợi của phụ nữ trong gia đình vẫn còn hạn hẹp như người phụ nữ không có tiếng nói trong gia đình, không có quyền quyết định một việc gì đó mặc dù người phụ nữ cũng lao động như người đàn ông trong gia đình. Chúng tôi cũng ngày càng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới trong nhân dân như đưa ra các vở kịch, qua những buổi họp, lao phát thanh xã. Tuy chưa đạt

được nhiều kết quả nhưng chúng tôi sẽ cố gắng thực hiện để giúp người dân có nhận thức tiến bộ hơn về bình đẳng giới."

Bà D.T.L (45 tuổi) – người nghèo tại thôn Phú Thọ chia sẻ: *"Chúng tôi cũng hay được các cán bộ xã nói về vấn đề bình đẳng giới, thỉnh thoảng còn được xem hài kịch mà các cán bộ đứng ra tổ chức để nói về vấn đề này, tôi nhận thấy rằng nên bỏ cái suy nghĩ trọng nam khinh nữ vì con nào cũng là con nên tôi cũng sẽ truyền đạt lại với mọi người xung quanh về vấn đề này."*

Bà N.T.T (38 tuổi) – người nghèo tại thôn Nhân Lý chia sẻ: *"Chị sinh được 4 cô con gái, đi ăn cỗ vẫn hay bị chê nên thấy rất xấu hổ nhưng từ khi được học về bình đẳng giới thì chị thấy bình thường không việc gì phải xấu hổ."*

Theo như những chia sẻ của các cán bộ làm công tác giảm nghèo và người nghèo tại xã thấy được rằng suy nghĩ về việc trọng nam khinh nữ đã được ăn sâu vào nhận thức người nghèo nói riêng và cộng đồng dân cư nói vì vậy giáo dục bình đẳng giới còn là một hoạt động khó khăn với nhiều thách thức đặt ra cho các cán bộ xã, đòi hỏi cán bộ xã cần tiếp tục vai trò giáo dục này và có những biện pháp sáng tạo hơn để lôi cuốn người dân tham gia tiếp thu nội dung giáo dục. Vai trò này đã góp phần thay đổi dần dần tư tưởng về giới của người dân chứ không thể thay đổi một cách nhanh chóng và ngay lập tức được.

2.2.3.2. Vai trò giáo dục trong chăm sóc sức khỏe cho người nghèo

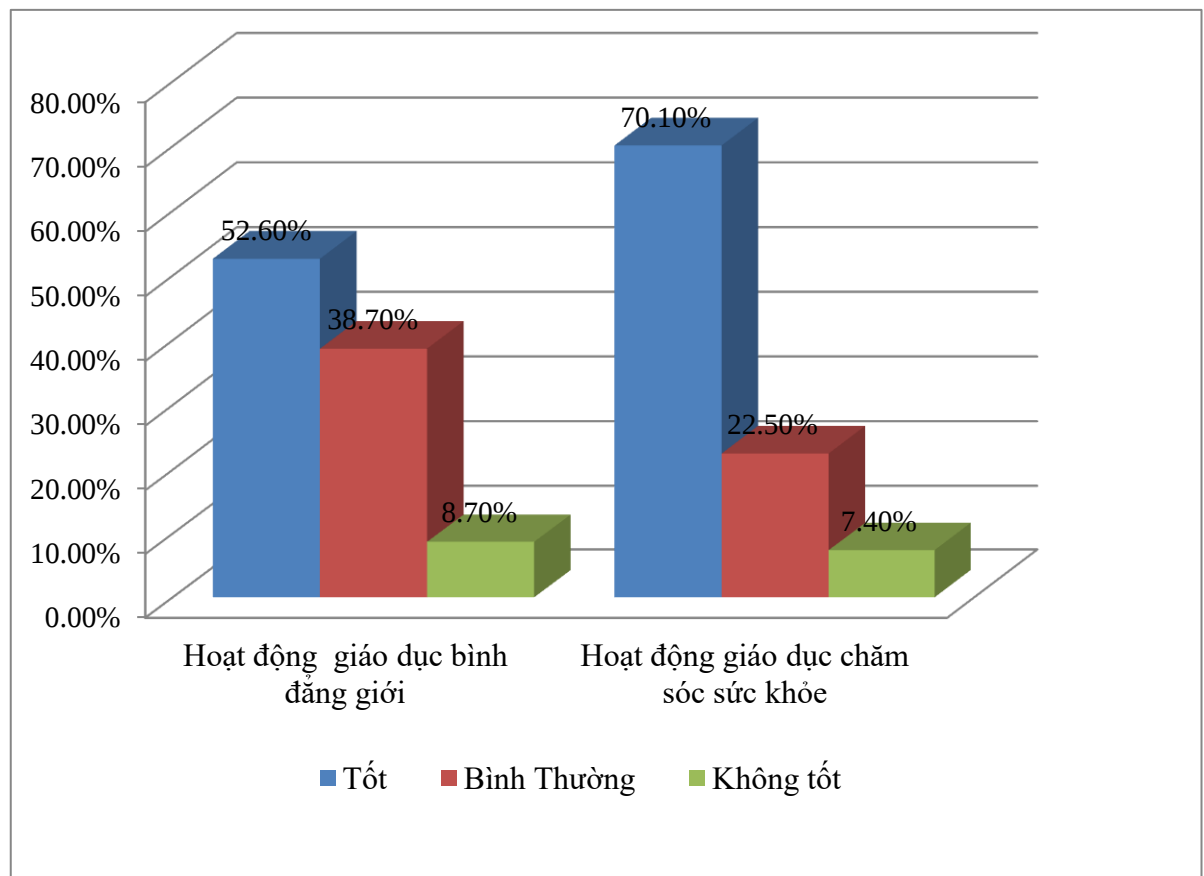
Để hỗ trợ người nghèo có được cơ hội tiếp cận với các chương trình chăm sóc sức khỏe cũng như có những hiểu biết về việc tự chăm sóc sức khỏe bản thân, cán bộ làm CTXH xã đã có những hoạt động giáo dục, kết hợp với trạm y tế xã mở những đợt khám bệnh miễn phí cho người nghèo, tư vấn sức khỏe, hướng dẫn phòng bệnh, tuyên truyền giáo dục sức khỏe và kết hợp thăm, tặng quà cho các gia đình khó khăn. Trong nội dung tuyên truyền về

chăm sóc sức khỏe cho người nghèo, cán bộ thức hiện giảm nghèo của xã đã tuyên truyền về các nội dung như: chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng tránh các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, vệ sinh nhà ở môi trường sống để phòng chống mầm mống bệnh dịch xuất hiện trong nhà như loăng quăng, gián, cách phòng chống các bệnh dịch dễ dàng lây nhiễm, cách cấp cứu khi bản thân hay người xung quanh gặp tai nạn; ngoài ra cán bộ thức hiện giảm nghèo của xã cũng đưa đến cho người nghèo những chính sách hỗ trợ của nhà nước khi người nghèo đi khám bệnh, hay là nhân viên xã hội tư vấn, giúp đỡ, hỗ trợ cho họ tiếp cận chính sách về y tế một cách tốt nhất, từ việc đăng ký được cấp thẻ BHYT đảm bảo đúng tên tuổi, tư vấn trong việc quản lý và sử dụng thẻ BHYT đúng mục đích. Các hình thức giáo dục về chăm sóc sức khỏe người nghèo cũng đa dạng như đưa thông tin qua loa phát thanh, đưa ra những vở kịch, video trong các buổi họp dân, hay đến trực tiếp nhà dân để xem xét môi trường sống đồng thời giáo dục cách phòng chống các bệnh dịch. Sự tham gia của người nghèo trong các hoạt động này cũng rất sôi nổi, và nhận được sự tham gia nhiệt tình từ người dân.

Ông N.N.T - cán bộ ban Lao động Thương binh và Xã hội của xã đã chia sẻ những thông tin về hoạt động này: "*Hàng quý chúng tôi có kết hợp với trạm y tế xã tổ chức các buổi khám bệnh miễn phí cho người nghèo, cùng với đó là việc giáo dục cho người nghèo về việc tự chăm sóc sức khỏe cho bản thân và người thân xung quanh, hàng ngày chúng tôi cũng cho phát thanh qua loa của xã những mẫu tin liên quan đến sức khỏe các căn bệnh thường gặp. Tôi cũng hướng dẫn người nghèo những thông tin cần thiết khi đến làm hồ sơ cấp thẻ bảo hiểm y tế, hay là thẻ BHYT có sai sót tôi cũng giúp đỡ đối tượng cập nhật thông tin một cách chính xác rồi tôi đưa thông tin xuống huyện để làm lại thẻ cho họ. Về phía người nghèo thì tôi nhận thấy họ khá tích cực trong việc tiếp nhận những nội dung trong hoạt động giáo dục về*

chăm sóc sức khỏe." Như vậy, hoạt động giáo dục chăm sóc sức khỏe cho người nghèo được người nghèo đón nhận nhiệt tình, cán bộ xã cũng đã nỗ lực đem thông tin, hiểu biết về chăm sóc sức khỏe các cách phòng tránh bệnh dịch cho người nghèo.

Qua khảo sát về hiệu quả của vai trò giáo dục trong các hoạt động, thì đã thu được kết quả đánh giá của người nghèo như sau:



Biểu đồ 2.12: Đánh giá của người nghèo về hiệu quả của các hoạt động trong vai trò giáo dục

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nghiên cứu, 2020)

Qua biểu đồ 2.12, kết quả đánh giá mức độ “tốt” của hoạt động giáo dục chăm sóc sức khỏe người nghèo được đánh giá rất cao, như đã trình bày ở trên người nghèo rất nhiệt tình tham gia vào các hoạt động giáo dục chăm sóc sức khỏe vì vậy mà việc đánh giá hoạt động này ở rất tốt quả thực rất hợp lý, hoạt động này đã đem lại được những thành công cho cán bộ xã trong vai trò tuyên

truyền. Tuy nhiên vẫn còn một số nhỏ người nghèo đánh giá “không tốt” do người nghèo không quan tâm đến những nội dung chương trình giáo dục này, hoặc họ không tiếp cận được với những nội dung này.

Trong hoạt động giáo dục tuyên truyền bình đẳng giới, tỷ lệ người đánh giá mức độ “tốt” khá cao, điều đó cho thấy rằng hoạt động này đã và đang được cán bộ xã thực hiện ngày một hiệu quả, như chúng ta đã biết suy nghĩ coi trọng đàn ông đã ăn sâu vào người dân từ ngàn đời nay vì vậy việc thay đổi được suy nghĩ đó quả thực là rất khó, không thể thực hiện nhanh chóng vội vàng được mà cần phải có thời gian để người dân thay đổi dần dần.

Bà D.T.B (45 tuổi) – người nghèo tại thôn Phúc Thọ chia sẻ: *“Tôi có tham gia mấy buổi cán bộ nói về sức khỏe tôi cũng biết những thông tin ấy sẽ bổ ích cho mình nhưng tôi cũng không hiểu lắm nên tôi về trước”*.

Vai trò giáo dục của công tác xã hội bước đầu đã được cán bộ xã thực hiện và có được một số kết quả trong giảm nghèo, đưa được kiến thức đến người dân. Tuy nhiên vai trò này vẫn còn gặp những hạn chế do cán bộ còn kỹ năng chuyên môn, chưa đủ khả năng nâng cao nhận thức của nhóm người nghèo, các nội dung chủ đề còn cứng nhắc chưa lôi cuốn được đối tượng, tuy nhiên những việc làm của cán bộ xã như trên cũng được xem là thành công bước đầu của cán bộ xã và sự cố gắng trong việc thực hiện hỗ trợ người nghèo có được kiến thức, hiểu biết đời sống.

2.2.4. Thực trạng vai trò biện hộ trong việc hỗ trợ người nghèo

Qua khảo sát các cán bộ chính sách thực hiện giảm nghèo thì có đến 90% cán bộ được biết đến khái niệm biện hộ, vai trò của biện hộ trong việc hỗ trợ người nghèo thoát nghèo thông qua quá trình đào tạo tại trường học hay các lớp tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ. Phòng vấn chị N.T.H - cán bộ chính sách xã đã qua đào tạo về công tác xã hội và chị cũng đã vận dụng được vai trò biện hộ, chị có chia sẻ: *“Tôi thấy biện hộ còn là khái niệm mới, việc*

vận dụng vai trò biện hộ trong hỗ trợ người nghèo của cán bộ cũng gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên nếu vận dụng tốt vai trò biện hộ sẽ đem đến rất nhiều lợi ích cho người nghèo. Như trong kết nối việc làm, xã có đối tượng V.N.H là người nghèo lại khuyết tật vận động (khuyết tật chân) đi lại rất khó khăn đã 47 tuổi, kinh tế trong gia đình chỉ phụ thuộc vào người vợ đi làm công nhân may. Tuy anh H bị khuyết tật vận động, nhưng anh có đôi tay rất khéo léo có thể đan lát làm các việc thủ công. Thấy được ưu điểm của anh H, tôi cũng đã liên hệ với một doanh nghiệp đang tìm người làm về mây tre đan trên địa bàn, ban đầu họ không nhận nhưng sau một thời gian thuyết phục thì họ cũng đồng ý nhận anh H vào làm việc. Anh H đi làm chăm chỉ, từ đó gia đình có thêm nguồn thu nhập. "

Vai trò biện hộ đã được chị N.T.H vận dụng thành công, song vai trò biện hộ vẫn là một khái niệm mới, nên việc vận dụng vai trò biện hộ của cán bộ xã mới chỉ áp dụng một phần nhỏ như là người thuyết phục, kêu gọi hưởng lợi cho người nghèo với một số đơn vị doanh nghiệp. Tuy nhiên "biện hộ" là một kỹ năng cấp cao, cán bộ chính sách vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện.

Phỏng vấn chị D.T.B - cán bộ chính sách xã đã qua đào tạo về công tác xã hội đã chia sẻ: " Ở xã tôi có trường hợp một chị đã từng có tiền án, bị cải tạo vì trộm cắp. Nhưng hiện giờ chị đã hoàn lương, có sức khỏe, và muốn tham gia lao động nhưng các nơi khi biết được tiểu sử lý lịch của chị không ai nhận, họ muốn tránh né. Tôi cũng đã nhiều lần đến gặp một số đơn vị, lấy danh nghĩa cá nhân để bảo lãnh nhưng có thể do kỹ năng còn hạn chế nên vẫn không thành công. Hiện giờ chị ý đi làm đồng thuê cho những gia đình mỗi khi vụ mùa đến."

Chị D.H.Q - cán bộ chính sách xã cũng đã có những chia sẻ sau: "Khi nhận thấy tiêu chí xét duyệt thủ tục vay vốn của các hộ nghèo còn quá phức

tạp rườm rà vì vậy tôi đã trình bày đề xuất ý kiến với cấp trên thay đổi các tiêu chí xét duyệt hỗ trợ vay vốn trong chính sách hỗ trợ vay vốn của xã, với mong muốn các tiêu chí vay vốn được linh hoạt hơn, giúp có thêm nhiều hộ nghèo được nhận hỗ trợ. Tuy nhiên cấp trên không đồng ý với đề xuất của tôi, và cho rằng nên làm theo những quy chuẩn của chính sách đã đề ra."

Qua sự chia sẻ của cán bộ thực hiện giảm nghèo của xã thì nhận thấy vai trò biện hộ trong hỗ trợ người nghèo bước đầu đã được thực hiện thông qua việc kết nối hỗ trợ việc làm cho người nghèo, lên tiếng bảo vệ quyền lợi cho người nghèo. Tuy nhiên quá trình thực hiện biện hộ vẫn tồn tại nhiều khó khăn, nguyên nhân chủ quan được các cán bộ chia sẻ cũng là do kỹ năng biện hộ của cán bộ còn hạn chế, còn về khách quan là do cơ chế chính sách còn cứng nhắc, cán bộ cấp trên còn có sự "nhạy cảm " trong những đề xuất thay đổi chính sách, khiến các cán bộ thực hiện cảm thấy e dè, dẫn đến việc thực hiện vai trò biện hộ không được hiệu quả.

2.2.5. Thực trạng vai trò vận động nguồn lực trong hỗ trợ nhà ở cho người nghèo

Xã Tề Lỗ đã và đang triển khai chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Chính sách hỗ trợ nhà ở là một trong những chủ trương của nhà nước nhằm xóa bỏ nhà dột nát, nâng cao đời sống hộ nghèo. Chính sách hỗ trợ nhà ở nhận được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân với mục đích người nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, giúp cho các hộ nghèo yên tâm lao động sản xuất, phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo. Qua đó thể hiện tinh thần tương thân tương ái, đoàn kết giúp đỡ trong cộng đồng. Cán bộ xã đã thực hiện trò vận động nguồn lực, hướng dẫn người nghèo tích cực tham gia xây dựng nhà ở cho mình còn tạo cơ hội cho người nghèo có được sự chủ động, tự tin để vươn lên thoát nghèo bền vững.

Cán bộ làm CTXH của xã đã vận động nguồn lực trong cộng đồng như người dân, các doanh nghiệp, cơ quan, đoàn thể trên địa bàn, cũng xin kinh phí từ Ngân hàng chính sách xã hội để có được nguồn kinh phí hỗ trợ, xây dựng sửa chữa nhà ở cho người nghèo. Cán bộ xã cũng đã vận động được chính anh em họ hàng của người nghèo hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ sức lực để xây sửa nhà ở cho người nghèo.

Các đơn vị của xã cũng đã có những đóng góp cho hoạt động hỗ trợ nhà ở cho người dân như Mặt trận tổ quốc xã, Hội phụ nữ xã, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, ban chỉ đạo quỹ “Vì người nghèo”. Chương trình xây dựng nhà ở cho người nghèo tại xã có tên là Nhà Đại đoàn kết, nhà Mái ấm tình thương. Qua khảo sát thu thập thông tin, từ năm 2015 -2019 xã đã hỗ trợ sửa chữa cho 07 nhà trị giá 650 triệu đồng nhà Đại đoàn kết (tương đương số tiền hỗ trợ cho mỗi nhà là 50 triệu đồng), và 01 nhà Mái ấm tình thương hỗ trợ 40 triệu đồng.

Theo như ông D.H.M - cán bộ Mặt trận tổ quốc của xã chia sẻ: *“Hàng năm, cán bộ LĐTĐXH xã có tổ chức kế hoạch rà soát, lập danh sách hộ nghèo có nhà ở dột nát, hư hỏng, rồi báo cáo lại với ban giảm nghèo của xã để xây dựng phương án hỗ trợ. Làm tốt chính sách nhà ở cho người nghèo là đang giúp cho người nghèo có được nơi ở an toàn, đảm bảo được đời sống từ đó người nghèo yên tâm có cơ hội vươn lên thoát nghèo. Để làm tốt chính sách này, cán bộ xã cũng phải nỗ lực thực hiện công tác vận động kết nối với các nguồn lực để đem lại lợi ích tốt nhất cho người dân.”*

Bà N.T.M.Đ (39 tuổi)– người nghèo tại thôn Nhân Trai chia sẻ: *“ Tôi là mẹ đơn thân, nhà này của tôi là đã được các bác cán bộ xã vận động người dân và nguồn kinh phí của xã hỗ trợ để sửa lại đấy chứ tôi làm gì có tiền mà sửa lại nhà. Cán bộ xã rất nhiệt tình hỗ trợ sửa nhà tôi, tôi cảm kích vô cùng.”*

Bà H.T.M (75 tuổi) người nghèo tại thôn Nhân Lý chia sẻ: “ Tôi già cả lắm cảm lại sống một mình không người thân thích nên làm gì có ai giúp đỡ sửa lại nhà, nhưng cũng may nhờ các cán bộ cùng với hàng xóm láng giềng của xã họ thấy tôi hoàn cảnh khó khăn nên đã giúp tôi sửa lại cả sơn lại nhà. Các bác ấy tốt lắm, nhờ các bác ấy mà tôi được ở trong nhà khang trang hơn.”

Qua khảo sát thấy có 08 nhà đã được hỗ trợ sửa chữa, chưa có nhà nào được hỗ trợ xây dựng lại nhà ở. Hình thức hỗ trợ nhà ở của xã chỉ mới là sửa chữa lại nhà ở cho người nghèo, chứ chưa xây dựng được một ngôi nhà mới cho người nghèo. Đó cũng là vì để xây dựng được một ngôi nhà mới cho người nghèo thì cần một khoản tiền lớn mà nguồn kinh phí của xã lại hạn hẹp không đáp ứng được.

Tuy nhiên, qua phỏng vấn khảo sát mức độ hài lòng về vai trò vận động nguồn lực trong hoạt động hỗ trợ người nghèo về nhà ở thì lại được người nghèo đánh giá cao và rất hài lòng về thực hiện hoạt động hỗ trợ này. Người nghèo đánh giá thái nhiệt tình của cán bộ xã trong việc vận động nguồn lực hỗ trợ sửa chữa nhà ở cho người nghèo.

2.3.Những yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo

2.3.1. Yếu tố năng lực, nhận thức của cán bộ chính sách tại địa phương

Yếu tố chuyên môn, năng lực của cán bộ chính sách thực hiện giảm nghèo của địa phương có tác động trực tiếp tới hiệu quả của việc đưa công tác xã hội vào công tác thực hiện giảm nghèo. Cán bộ đã qua đào tạo về CTXH chỉ có rất ít, đa số là cán bộ không qua đào tạo về CTXH, thiếu kiến thức kỹ năng về CTXH, cùng với đó là khối lượng công việc lớn sẽ rất khó để họ thực hiện được tốt vai trò của một nhân viên công tác xã hội. Qua khảo sát làm

việc tại xã Tê Lỗ, nhận định rằng việc thực hiện các vai trò của công tác xã hội vào hỗ trợ người nghèo còn chưa rõ ràng, cán bộ giảm nghèo đã qua đào tạo về CTXH đã và đang ngày càng nỗ lực hơn nữa trong việc thực hiện vai trò CTXH ngày càng rộng rãi hơn nữa đến người nghèo, còn cán bộ chưa qua đào tạo thì đang ngày càng bồi dưỡng kiến thức, nâng cao kỹ năng về CTXH qua các buổi tập huấn để hỗ trợ người nghèo theo nhiều hoạt động và cách làm sáng tạo hiệu quả.

Với cán bộ đã qua đào tạo về CTXH thì họ có kiến thức, kỹ năng về CTXH nên việc thực hiện các vai trò của CTXH vào hỗ trợ người nghèo đối với họ sẽ rất thuận lợi. Tuy nhiên, những cán bộ đã qua đào tạo về CTXH lại có số lượng rất ít, hơn thế nữa khối lượng công việc quá tải nên việc thực hiện vai trò của công tác xã hội vào các hoạt động còn hơi nhát nhòa, xao nhãng.

Đối với những cán bộ chính sách thực hiện giảm nghèo chưa qua đào tạo về CTXH, thì hạn chế về những kiến thức cơ bản của CTXH, sẽ khó nhận ra được giá trị của nghề trong những hoạt động mà mong muốn của các cấp là lồng ghép được công tác xã hội vào thì đôi khi người thực hiện là cán bộ chính sách xã lại chỉ thực hiện nó như một hoạt động triển khai chính sách đơn thuần, thực hiện sai cách và sai mục đích mà công tác xã hội hướng tới.

Khi được hỏi về yếu tố năng lực, nhận thức của cán bộ chính sách tại địa phương có ảnh hưởng như thế nào đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo, cán bộ T.T.X đã chia sẻ: *“Công tác xã hội là một ngành nghề mới, ở địa phương có một số ít cán bộ đã được học chính quy về ngành nghề này, còn lại thì đã được tập huấn về công tác xã hội tại các lớp tập huấn của huyện, vì vậy mà các cán bộ xã hiểu biết kiến thức nhất định về công tác xã hội. Với những kiến thức ấy khi thực hiện các hoạt động giảm nghèo, cán bộ xã cũng đã biết lồng ghép kiến thức vào thực tiễn các hộ nghèo và trường hợp cụ thể, cũng được người dân ủng hộ đón nhận nhiệt tình bước đầu đã có*

những thành công nhất định. Tuy nhiên, vì ngành nghề này mới được cán bộ địa phương tiếp cận nên năng lực về Công tác xã hội cán bộ địa phương vẫn còn hạn chế, chưa áp dụng linh hoạt các kiến thức CTXH, cán bộ xã cũng cần học tập nhiều hơn nữa để nâng cao năng lực về CTXH.”

Theo như chia sẻ, cán bộ chính sách thực hiện giảm nghèo cũng cần nâng cao trình độ kỹ năng để thực hiện các hoạt động hỗ trợ người nghèo có hiệu quả hơn. Cán bộ chính sách xã cũng có những buổi tập huấn kiến thức về CTXH, tuy nhiên có một số cán bộ chưa thực sự lắng nghe, tiếp thu kiến thức được truyền đạt, một số cán bộ có suy nghĩ rằng "buổi tập huấn này không quan trọng, mất thời gian..." Cần cho họ hiểu được tầm quan trọng của công tác xã hội và nghiêm khắc chấn chỉnh những suy nghĩ sai hướng và thiếu trách nhiệm đó để các buổi tập huấn đạt được hiệu quả cao.

Bà N.T.T (38 tuổi) - người nghèo tại thôn Nhân Trai chia sẻ: *“Tôi thấy các cán bộ của xã ngày càng có được sự quan tâm đến người nghèo chúng tôi hơn, có những hoạt động thiết thực cung cấp cho chúng tôi những kiến thức bổ ích. Theo cá nhân tôi nhận định rằng cán bộ xã đã có sự thay đổi, nhiệt tình hơn nhiều.”*

Ông N.N.T - cán bộ ban Lao động Thương binh và Xã hội của xã đã chia sẻ như sau: *“Cán bộ xã tuy năng lực về CTXH còn hạn chế nhưng nhờ có kinh nghiệm làm việc về chương trình chính sách giảm nghèo lâu năm nên họ có rất am hiểu về công tác giảm nghèo tại địa phương, họ nhiệt tình, tận tụy với công việc không quản khó khăn. Hơn ai hết cán bộ xã cũng không muốn ai chịu thiệt, muốn đem đến những chính sách dịch vụ xã hội mà người dân được hưởng, muốn người dân của mình bớt khổ vươn lên thoát nghèo.”*

Yếu tố tâm huyết với nghề được cán bộ xã đề cập đến cũng có ảnh hưởng rất lớn đến vai trò giảm nghèo của cán bộ địa phương cũng như nhân viên xã hội: cán bộ thực hiện xã Tề Lỗ tuy chưa được đào tạo nhiều về công

tác xã hội nhưng thâm niên làm việc lâu năm nên có kinh nghiệm làm công tác hỗ trợ người nghèo, các cán bộ xã thường rất nhiệt tình, tận tâm với việc hỗ trợ người nghèo. Những cán bộ trẻ được đào tạo CTXH cũng rất cần đến sự tâm huyết, nhiệt tình với nghề, lòng yêu nghề giúp cho cán bộ năng động sáng tạo hơn trong các hoạt động hỗ trợ người nghèo.

2.3.2. Yếu tố chính sách và pháp luật

Đảng và Nhà nước ta đã nhận định việc lồng ghép công tác xã hội vào hỗ trợ thực hiện chính sách giảm nghèo có tầm quan trọng đặc biệt, bởi CTXH vốn là hỗ trợ những đối tượng yếu thế. Song công tác xã hội đối với người nghèo chưa có một chính sách cụ thể, chủ yếu lồng ghép vào các hoạt động của ngành LĐ – TBXH; Mặt trận và các đoàn thể; các dịch vụ cung cấp cho người nghèo còn bỏ ngõ dẫn đến các chính sách được thực hiện song hiệu quả mang lại chưa cao, người nghèo thoát nghèo chưa thật sự bền vững. Do đó vấn đề đặt ra là: Cần có những chính sách cụ thể nhằm phát triển nghề công tác xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, cũng như xã Tê Lỗ trong đó có chính sách nhằm phát triển công tác xã hội đối với người nghèo, nhằm giúp họ tăng năng lực, chủ động tự tin thụ hưởng các chính sách của nhà nước một cách tốt nhất; làm cho chính sách của Đảng và nhà nước đến với người nghèo một cách tốt nhất. Mặt khác, cần phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ cho người nghèo; xây dựng đội ngũ nhân viên xã hội tâm huyết với người nghèo và có cơ chế chính sách đãi ngộ phù hợp với nhân viên xã hội.

Đến nay chưa có một quy định về chức năng, nhiệm vụ cụ thể nào được đưa ra để tạo hành lang pháp lý cho những nhân viên xã hội được làm việc tại các cấp cơ sở một cách chính thức. Khi CTXH không có những quy định cụ thể, được công nhận bằng văn bản pháp lý khiến cho chính quyền, cán bộ chính sách sẽ rất khó trong việc thực hiện vai trò của một người nhân viên công tác xã hội. Người dân nói chung, và người nghèo nói riêng sẽ chỉ hiểu

được cán bộ chính sách đang giúp đỡ họ, hỗ trợ họ với vai trò là chính quyền địa phương. Các vai trò của công tác xã hội đem lại lợi ích rất lớn cho người nghèo, đó không chỉ là sự hỗ trợ trước mắt về tài chính, y tế, mà còn giúp người nghèo có được những nguồn lực giúp họ thoát nghèo bền vững, tiếp cận được với những dịch vụ xã hội cần thiết cho sự phát triển của gia đình họ.

Cán bộ N.N.S - cán bộ ban Lao động xã hội UBND xã Tê Lỗ chia sẻ:

“Hiện nay người dân ít người hiểu được công tác xã hội là gì, họ nghĩ đó chỉ là các hoạt động xã hội hoặc là các hoạt động từ thiện. Hơn nữa tại địa phương nhân viên công tác xã hội chưa được thực hiện vai trò đúng nghĩa CTXH đối với người nghèo cũng như các nhóm đối tượng yếu thế khác của xã bởi trên thực tế chưa có một văn bản quy định rõ ràng cụ thể về hoạt động của nghề CTXH tại các xã mà chỉ được triển khai trong các buổi tập huấn của tỉnh. Vì chưa có văn bản pháp lý cụ thể cho nhiệm vụ vai trò của NVCTXH ở cấp xã nên những NVCTXH ở các xã hiện nay vẫn làm những nhiệm vụ đan xen chồng chéo với các cán bộ chính sách của xã nên cần có văn bản pháp luật quy định rõ ràng cho nhiệm vụ của NVCTXH ở các xã để họ thực hiện tốt công việc của mình.”

Để CTXH thực hiện một cách chuyên nghiệp thì cần có hành trang pháp lý, các chính sách cụ thể quy định nhiệm vụ của nhân viên CTXH cấp cơ sở để nhân viên CTXH thực hiện vai trò CTXH một cách chuyên nghiệp. Đưa CTXH đến với các tầng lớp nhân dân, để người dân hiểu được công tác xã hội là gì, công tác xã hội làm những việc gì, phổ biến rộng rãi để mọi người dân biết được nghề công tác xã hội là gì và những lợi ích của CTXH.

2.3.3. Yếu tố nhận thức của người nghèo tại xã Tê Lỗ

Ông N.K.T(31 tuổi) – người nghèo tại thôn Giã Bàng chia sẻ: *“Được các cán bộ xã giới thiệu và qua các thông tin báo đài thì tôi cũng được biết*

đến công tác xã hội, tuy nhiên tôi cũng chưa hiểu rõ về công tác xã hội lắm, tôi chỉ đơn thuần biết đó là các hoạt động trợ giúp người yếu thế”.

Bà P.T.H – người nghèo tại thôn Trung Hậu chia sẻ: *“Tham gia vào các buổi tuyên truyền với giáo dục của xã thì tôi cũng được biết đến CTXH, nhưng mà cán bộ xã nói tôi vẫn chưa hiểu về CTXH làm gì, tôi chỉ biết thỉnh thoảng có cô dạy về sức khỏe, rồi thì hay quyên góp ủng hộ người khó khăn trong xã, thì hiểu đây là CTXH.”*

Theo chị N.T.H – cán bộ Ban Văn hóa UBND xã Tê Lỗ chia sẻ: *“Người nghèo của xã vẫn còn chưa có nhiều hiểu biết về những chính sách giảm nghèo của Nhà nước mà họ coi đó như là những khoản giảm tiền học phí, giảm phí sinh hoạt, người nghèo vẫn còn y lại vào những chính sách của nhà nước mà không muốn thoát nghèo. Hơn nữa người nghèo cũng chưa hiểu hết về công tác xã hội là gì, họ chỉ biết NVCTXH như là những cán bộ thực hiện chính sách của xã. Vì vậy, cần tăng cường hơn nữa về CTXH để người nghèo có hiểu được CTXH là gì và chính NVXH cũng là những người đóng vai trò quan trọng trong hoạt động giảm nghèo bền vững. Từ đó, góp phần thay đổi nhận thức của người nghèo về CTXH và việc vươn lên thoát nghèo.”*

Qua chia sẻ của người nghèo đa số người nghèo chưa biết đến công tác xã hội chuyên nghiệp, họ chỉ biết đến những hỗ trợ giúp đỡ họ đang nhận được là sự hỗ trợ của chính quyền địa phương dưới hình thức cho - nhận đơn thuần. Người nghèo vốn mang tâm lý tự ti, không dám đòi hỏi quyền lợi dẫn đến việc người nghèo không biết được hết những lợi ích mà nếu được tiếp cận họ sẽ có thể thoát nghèo bền vững. Nhận thức của người nghèo vẫn bị bó hẹp trong hai chữ xin - cho mà không biết được rằng họ được quyền tìm hiểu, được hỗ trợ kết nối với những nguồn lực về tài chính, y tế, nghề nghiệp, tâm lý... Điều này khiến cho người nghèo không biết đến việc kết nối được với các nguồn lực mà có thể hỗ trợ họ.

Nhận thức của người nghèo về vấn đề nghèo đói vẫn còn hạn chế, người nghèo chưa ý thức được nguyên nhân nghèo đói của mình từ đâu, hoặc họ không chấp nhận nguyên nhân nghèo từ chính bản thân họ như là: thiếu kiến thức làm ăn kinh tế, đông con, lười lao động, hay do những tệ nạn xã hội, họ thường đổ lỗi cho số phận, cho những yếu tố bên ngoài chứ không phải từ họ. Người nghèo còn tự ti mặc cảm họ chưa tiếp cận được hết với những quyền lợi chính sách họ đang được thụ hưởng, đôi khi họ còn trông chờ ỷ lại vào những chính sách của nhà nước mà không muốn vươn lên thoát nghèo.

2.3.4. Yếu tố nhận thức của cộng đồng xã Tề Lỗ

Ông N.K.H (58 tuổi) – người dân tại thôn Giã Bàng chia sẻ: *“Tôi chả biết công tác xã hội là gì nhưng năm nào tôi cũng phải đóng góp ủng hộ người nghèo mà nhà tôi cũng khá giả gì đâu, suốt ngày ủng hộ.”*

Bà T.T.C (55 tuổi) – người dân tại thôn Phúc Thọ chia sẻ: *“Người nghèo đã được Nhà nước hỗ trợ rồi mà sao chúng tôi vẫn phải giúp đỡ.”*

Theo như khảo sát tại địa phương thấy được rằng cộng đồng dân cư vẫn chưa hiểu được công tác xã hội và những vai trò nhiệm vụ mà CTXH đem lại, những nguồn lực tài chính vận động cho người nghèo, cộng đồng chỉ nghĩ đó là "tiền ủng hộ, đóng góp cho người nghèo". Tuy nhiên, ngoài những đóng góp về tài chính qua các chương trình của địa phương phát động, cộng đồng dân cư vẫn chưa có cái nhìn toàn diện và trách nhiệm hơn về vai trò của cộng đồng với người nghèo. Còn có những người suy nghĩ sai lệch rằng người nghèo là gánh nặng của xã hội, người nghèo không giúp ích được gì, từ những suy nghĩ sai lệch đó cần có những hoạt động tuyên truyền, giáo dục đến toàn người dân hiểu được rằng “nghèo” có thể đến với mỗi người trong tương lai vì lý do rủi ro có thể đến bất chợt như tai nạn, dịch bệnh, thiên tai,... và người nghèo cũng có thể vươn lên thoát nghèo nhờ sự giúp đỡ của cộng đồng, vì vậy

giúp đỡ người nghèo đó là trách nhiệm của cộng đồng, qua đó cũng thể hiện lòng thương người, tính nhân văn sâu sắc.

Ông T.Q.B (48 tuổi) – người dân tại thôn Giã Bàng chia sẻ: *“Thấy hàng xóm láng giềng xung quanh mình thoát nghèo tôi cũng thấy vui lây, tôi cũng thường xuyên giúp đỡ những gia đình hoàn cảnh khó khăn. Tôi hay chia sẻ cho họ về cách ấp trứng, nuôi gà con, vịt con bởi nhà tôi có lò ấp trứng.”*

Trong cộng đồng cũng có những người dân với sự nhận thức tiên bộ, văn minh khi luôn có thái độ vui vẻ nhiệt tình giúp đỡ người nghèo, như giúp người nghèo có việc làm, tạo thu nhập ổn định cho họ, chia sẻ kinh nghiệm làm ăn kinh tế như trồng cây nuôi con giống,... những người như này cần nêu gương tuyên dương trong cộng đồng. Để hỗ trợ người nghèo cần có sự chung tay giúp đỡ của toàn thể cộng đồng một cách tích cực và tránh sự kỳ thị phân biệt người nghèo trong cộng đồng.

Tiểu kết Chương 2

Trong chương 2 tôi đã tìm hiểu thực trạng vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo tại xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Qua nghiên cứu thấy được công tác xã hội đã bắt đầu được áp dụng trong các hoạt động hỗ trợ người nghèo tại xã Tề Lỗ.

Thực trạng nghiên cứu cho thấy, vai trò của công tác xã hội được cán bộ xã vận dụng tùy vào các hoạt động và vai trò mà có những hiệu quả riêng. Vai trò của CTXH trong hoạt động giảm nghèo tại xã Tề Lỗ tập trung chủ yếu ở bốn vai trò: vai trò kết nối, vai trò vận động nguồn lực, vai trò biện hộ. Nhân viên xã hội và cán bộ của xã bước đầu đã lồng ghép CTXH vào trong các hoạt động giảm nghèo và có những hiệu quả nhất định: kết nối người nghèo với các dịch vụ, chính sách giảm nghèo, khai thác được nguồn nhân lực và vật lực từ chính người nghèo và cộng đồng, tuyên truyền nâng cao hiểu biết cho người nghèo, hình thành được vai trò biện hộ đem lại lợi ích cho người nghèo. CTXH đã có những đóng góp không nhỏ trong công tác giảm nghèo tuy nhiên vai trò của CTXH lại không được đánh giá là những hoạt động chuyên nghiệp mà chỉ được thừa nhận là hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao của một cán bộ cấp xã.

Nhìn chung vai trò của công tác xã hội đã được hình thành và phát triển trong việc hỗ trợ người nghèo. Tuy nhiên do những người thực hiện đa phần chưa được đào tạo chuyên nghiệp về công tác xã hội mà mới chỉ là được tập huấn về CTXH nên kỹ năng, kiến thức chuyên môn còn hạn chế. Và để những hoạt động CTXH trong giảm nghèo được cụ thể hơn nữa thì cần có văn bản pháp lý quy định chức năng nhiệm vụ của NHCTXH để họ làm căn cứ thực hiện vai trò của mình hiệu quả hơn. Từ những thực trạng trên, để đưa ra kết luận và đóng góp ý kiến thông qua đề xuất giải pháp nhằm nâng cao vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ NGƯỜI NGHÈO TẠI XÃ TỀ LỖ, HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

3.1. Giải pháp tăng cường hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về giảm nghèo

Trong công tác giảm nghèo bền vững cần chú trọng và đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, nhân dân về giảm nghèo. Cần thay đổi nhận thức của người dân và người nghèo trong việc khơi dậy ý chí chủ động vươn lên thoát nghèo. Vai trò của tuyên truyền viên trong hoạt động giảm nghèo được xem như là rất quan trọng giúp các thành viên hộ nghèo hiểu rõ và nắm bắt được các nội dung chính sách và dịch vụ liên quan đến người nghèo, đồng thời nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của nhân viên CTXH trong cộng đồng. Tuy nhiên đến nay, vai trò tuyên truyền của NVCTXH trong hoạt động giảm nghèo vẫn được xem như các cán bộ chính sách xã, vì vậy có một số giải pháp để người dân hiểu được CTXH và vai trò tuyên truyền của NVCTXH:

Vai trò tuyên truyền viên của cán bộ làm CTXH chưa được quan tâm, nội dung, cách thức tuyên truyền còn mang nặng tính hình thức. Vì vậy, cần xác định rõ mục đích của nội dung tuyên truyền, muốn tuyên truyền điều gì, nội dung tuyên truyền đây giúp người dân biết về điều gì và có tác động như thế nào đến người dân.

Chú trọng tới các nội dung tuyên truyền: nội dung tuyên truyền cần phải đơn giản, dễ hiểu, tránh sử dụng những từ ngữ hoa mỹ, dài dòng khiến người dân khó hiểu gây sự nhầm lẫn; nội dung tuyên truyền cần phản ánh được vào phần chính của các chính sách giảm nghèo tránh sự vòng vo; phản ánh vai trò của CTXH trong việc thực hiện hỗ trợ giảm nghèo.

Phương pháp tuyên truyền cần đổi mới sáng tạo để người dân cảm thấy thích thú khi tham dự các buổi truyền thông như là: tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị trong các buổi sinh hoạt tập thể, hay là tổ chức các buổi giao lưu văn hóa văn nghệ thi tìm hiểu về các chính sách giảm nghèo, chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất... tạo không khí thoải mái cho người đến tham dự và cùng với đó là nâng cao sự hiểu biết của người nghèo.

Các hoạt động tuyên truyền cần tập trung vào nhu cầu vấn đề mà người nghèo quan tâm như các chính sách về y tế, chính sách nhà ở, chính sách tạo việc làm... để người nghèo nắm bắt được thông tin mình quan tâm và có cơ hội tiếp cận với các chính sách giảm nghèo một cách thuận lợi.

Trong các hoạt động giảm nghèo cần lồng ghép tuyên truyền, phổ biến rộng rãi cho người nghèo biết về CTXH, hoạt động CTXH, các loại hình CTXH, các tổ chức cung cấp dịch vụ CTXH để người nghèo có thể dễ dàng tìm hiểu, tiếp cận khi có nhu cầu

Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về chương trình giảm nghèo bền vững và chính sách khuyến khích thoát nghèo. Đào tạo kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông tại cơ sở.

3.2. Giải pháp nâng cao vai trò kết nối trong dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo

Thực hiện được mục tiêu giảm nghèo hiệu quả và bền vững cần phải hỗ trợ dạy nghề tạo việc làm, tăng thu nhập cho hộ nghèo thông qua đào tạo nghề miễn phí, gắn với tạo việc làm cho họ với các hình thức phù hợp.

Cán bộ làm CTXH đóng vai trò là người kết nối giữa nhà tuyển dụng và người lao động thuộc diện hộ nghèo, Cán bộ làm CTXH kết nối với các cơ sở đào tạo dạy nghề để tổ chức các lớp dạy nghề cho người nghèo căn cứ vào

kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. NVXH thường xuyên giám sát nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, xí nghiệp, để thông tin về các ngành nghề đến với người nghèo chưa có việc làm.

Cán bộ làm CTXH tham gia và công tác đề xuất, tham mưu với chính quyền địa phương có chính sách ưu tiên, khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế thu hút lao động nghèo vào làm việc; hoặc khai thác, phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp có đầu ra ổn định, truyền nghề, cấy nghề cho lao động nghèo để tổ chức tạo việc làm liên kết các doanh nghiệp.

Việc đào tạo nghề cần xuất phát từ nhu cầu học nghề của lao động nghèo vì vậy, cán bộ làm CTXH cũng cần quan tâm đến nhu cầu học nghề của người nghèo để người nghèo có những hình thức đào tạo nghề phù hợp và tìm kiếm các cơ sở đào tạo nghề, các doanh nghiệp bảo đảm điều kiện tạo việc làm cho lao động nghèo hoặc nhận lao động nghèo vào làm việc sau khi được đào tạo.

Cán bộ làm CTXH tham gia đề xuất với chính quyền địa phương cần mở rộng các hình thức đào tạo nghề và hỗ trợ sau đào tạo nghề, đào tạo lâu dài cho người nghèo. Liên kết với các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn xã và ngoài địa bàn để phát triển thành một mạng lưới cơ sở đào tạo nghề cho người nghèo trên địa bàn. Từ đó nâng cao được chất lượng giáo dục đào tạo nghề cho người nghèo.

Giáo dục đào tạo nghề cho người nghèo phải bám sát với yêu cầu của thị trường lao động, phù hợp với kỹ thuật, công nghệ mới, trình độ quản lý trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

3.3. Giải pháp nâng cao vai trò giáo dục trong hỗ trợ người nghèo về chăm sóc sức khỏe, bình đẳng giới

3.3.1. Giải pháp trong hỗ trợ chăm sóc sức khỏe:

Cán bộ làm CTXH tư vấn, tham vấn cho người nghèo để trang bị kiến thức kỹ năng về sức khỏe, phòng ngừa dịch bệnh, nâng cao nhận thức cho người nghèo về tầm quan trọng của sức khỏe để tham gia các hoạt động sản xuất giúp gia tăng thu nhập cho gia đình.

Cán bộ làm CTXH tham mưu với chính quyền địa phương cần đầu tư toàn diện cơ sở vật chất cho các trạm y tế; đào tạo đội ngũ y, bác sĩ về làm việc ở tuyến cơ sở. Tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, củng cố mạng lưới y tế cơ sở. Lồng ghép các chương trình y tế quốc gia để chăm sóc sức khỏe cho người nghèo và nhân dân, các hội, đoàn thể tăng cường vận động các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh trong và ngoài tỉnh tổ chức khám, chữa bệnh miễn phí cho người nghèo.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền Luật BHYT, từ đó giúp người dân có đầy đủ thông tin về quyền lợi của mình khi tham gia BHYT cũng như hiểu rõ tầm quan trọng và tính ưu việt khi tham gia BHYT. Nhân viên CTXH cũng cần tư vấn hỗ trợ hướng dẫn người bệnh sử dụng thẻ BHYT khi đi khám tại nơi đăng ký khám chữa bệnh, hoặc có thể thủ tục chuyển tuyến theo như quy định của Luật BHYT.

3.3.2. Giải pháp hỗ trợ trong lĩnh vực bình đẳng giới và kế hoạch hóa gia đình

Cán bộ làm CTXH cần đẩy mạnh giáo dục về bình đẳng giới, đa dạng các hình thức giáo dục về bình đẳng giới thu hút được sự chú ý của người nghèo vào các nội dung tuyên truyền bình đẳng giới.

Giáo dục cho người dân thấy được những mặt trái của việc bất bình đẳng giới, hay như ảnh hưởng của việc đẻ nhiều con. Giáo dục cho người nghèo về kế hoạch hóa gia đình.

Cán bộ làm CTXH tăng cường tuyên truyền, vận động hộ gia đình thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình để thực hiện tốt chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình của nhà nước. Đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho người nghèo.

Truyền thông, cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ nghèo tại cơ sở.

Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cho cán bộ trực tiếp làm dịch vụ KHHGD tại các cơ sở y tế từ huyện xuống cơ sở, nhằm mục đích nâng cao tay nghề, kỹ năng thực hành, đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

Ngoài các dịch vụ cung cấp qua hệ thống y tế, cần cung cấp thêm mạng lưới dịch vụ phi lâm sàng (thuốc tránh thai, bao cao su tránh thai) qua hệ thống cộng tác viên dân số, theo phương thức cung cấp tới tận hộ gia đình, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng.

Tư vấn về các biện pháp tránh thai kể cả những ưu, nhược điểm của các biện pháp để giúp các đối tượng lựa chọn được biện pháp tránh thai phù hợp với điều kiện sức khỏe, tuổi tác, số con hiện có, giảm tối đa tỷ lệ thất bại trong thực hiện KHHGD.

3.4. Giải pháp nâng cao vai trò vận động nguồn lực trong hỗ trợ người nghèo

Từ kết quả nghiên cứu thấy rằng vai trò vận động nguồn lực của công tác xã hội đã được thực hiện nhưng vẫn gặp khó khăn, vì cộng đồng còn hiểu vai trò này như là các hoạt động ủng hộ người nghèo và chỉ được thực hiện khi chính quyền địa phương phát động, cộng đồng chưa nhận thức được việc hỗ trợ người nghèo với những kế hoạch lâu dài, bền vững. Để khắc phục tình trạng này, cán bộ làm CTXH cần truyền thông về ý nghĩa của vai trò vận động nguồn lực trong công tác giảm nghèo để tăng tính lâu dài như vận động

hỗ trợ vay vốn, vận động hỗ trợ nhà ở cho người nghèo, vận động dạy nghề giới thiệu việc làm.

Cán bộ làm CTXH tiếp tục việc đẩy mạnh thực hiện chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ nghèo theo chủ trương của Chính phủ, khơi dậy tính trách nhiệm trong chính bản thân người nghèo trong việc sử dụng nguồn lực trợ giúp.

Kêu gọi sự ủng hộ từ cộng đồng, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, doanh nghiệp hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người nghèo. Toàn Đảng toàn dân chung tay sửa chữa, xây dựng nhà dột nát cho các hộ nghèo để không ai bị bỏ lại phía sau.

Bên cạnh việc vận động những nguồn lực từ bên ngoài, cán bộ chính sách đồng thời khơi dậy ý chí phấn đấu vươn lên thoát nghèo của người nghèo, giúp người nghèo thấy được khả năng tiềm ẩn những điểm mạnh mà người nghèo có được từ đó người nghèo có thêm niềm tin vào bản thân có thể thoát nghèo.

3.5. Giải pháp nâng cao vai trò của người nghèo trong hoạt động tham gia kinh tế vươn lên thoát nghèo

Cán bộ làm CTXH cần có nhiều buổi tuyên truyền, tư vấn giúp người nghèo thay đổi nâng cao nhận thức về nguyên nhân của nghèo bắt nguồn từ đâu, từ đó có các biện pháp giảm nghèo, vươn lên thoát nghèo, và không nên trông chờ ỷ lại vào các chính sách của nhà nước.

Tại các buổi họp dân, sinh hoạt cộng đồng cần lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, xen kẽ thuyết trình về vai trò của CTXH trong hoạt động trợ giúp người nghèo và cá đối tượng yếu thế trong cộng đồng để người dân biết được CTXH không chỉ đơn thuần là các hoạt động từ thiện mà đó là các hoạt động trợ giúp thiết thực cho các đối tượng.

Khuyến khích các thành viên của hộ nghèo tham gia vào các chương trình hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu và tạo việc làm tại các cơ quan doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

Tổ chức các buổi tư vấn nâng cao kiến thức, kỹ thuật canh tác, kinh nghiệm sản xuất, chuyển giao công nghệ để người nghèo có cơ hội tham gia và học hỏi được các kỹ thuật mới áp dụng vào hoạt động sản xuất, qua đó mà các hộ có thể tự mình tìm ra được giải pháp thoát nghèo bền vững phù hợp. Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận với chính sách tín dụng ưu đãi, vay vốn gắn với công tác kiểm tra, giám sát sử dụng nguồn vốn vay.

Nâng cao nhận thức cho người nghèo, giúp họ thay đổi suy nghĩ, cách nhìn nhận vấn đề một cách tích cực hơn, học hỏi, thường xuyên mở mang tiếp cận với các thông tin, cách chương trình chính sách mới cũng giúp cho người nghèo nâng cao trình độ dân trí, có được sự thay đổi về suy nghĩ hành vi.

Đẩy mạnh công tác tư vấn, tham vấn cho người nghèo để họ tự tin hơn, xóa bỏ các rào cản về mặt tâm lý dễ dàng tiếp tiếp cận với hình thức hỗ trợ và cũng có thể người nghèo tự tìm ra hướng giải quyết vấn đề của mình và hướng tới việc vươn lên thoát nghèo bền vững.

Hơn ai hết, để giảm nghèo thành công thì sự cố gắng của người nghèo là nguồn lực chính giúp họ thay đổi cuộc đời mình. Khi người nghèo cố gắng không ngừng cùng với sự hỗ trợ từ các nguồn lực bên ngoài như chính quyền địa phương, các doanh nghiệp,... thì việc thoát nghèo mới có hiệu quả.

3.6. Nâng cao năng lực, nhận thức cho cán bộ chính quyền tại địa phương

Qua kết quả nghiên thấy rằng, người thực hiện vai trò của công tác xã hội tại xã Tề Lỗ hiện nay chỉ có các cán bộ làm về lĩnh vực chính sách đối với các đối tượng, đa phần các cán bộ này chỉ được học hỏi về công tác xã hội qua các buổi tập huấn, hội họp, hay như cũng có cán bộ được đào tạo về

CTXH nhưng phải làm các công việc khác nhau không đúng chuyên môn. Cho nên các cán bộ xã vẫn chưa áp dụng được vai trò CTXH vào hoạt động giảm nghèo.

Không chỉ tập huấn cho các cán bộ làm về giảm nghèo mà cũng cần tổ chức các lớp tập huấn CTXH cho những người công tác làm trong các ban ngành đoàn thể như: trưởng thôn, tổ trưởng các khu xóm, hội viên hội phụ nữ, hội viên hội chữ thập đỏ..., để tạo được mạng lưới CTXH đến với những người làm việc gần nhất với người dân. Tổ chức các lớp tập huấn này sẽ giúp cho việc nắm bắt được tình trạng của đối tượng, nhu cầu của người nghèo thông qua các mạng lưới CTXH nhỏ trong từng thôn xóm để kịp thời trợ giúp người nghèo.

Tổ chức các lớp tập huấn khác nhau phù hợp với trình độ, tầm quan trọng của người được tập huấn trong việc thực hiện vai trò CTXH trong trợ giúp người dân. Cụ thể:

- Tập huấn cho đối tượng là trưởng thôn, tổ trưởng các khu xóm, hội viên hội phụ nữ, hội viên hội chữ thập đỏ ... giúp họ biết được công tác xã hội là gì, vai trò của CTXH, cung cấp cho họ biết đối tượng của CTXH là những ai, cách tiếp cận, xử lý ban đầu khi đối tượng gặp vấn đề như thế nào. Người tập huấn có thể là giảng viên về chuyên ngành CTXH, lãnh đạo của Trung tâm cung cấp dịch vụ CTXH, hay là lãnh đạo các phòng ban chuyên môn của Sở, ban, ngành liên quan đến lĩnh vực tập huấn.

- Tập huấn cho đối tượng là cán bộ giảm nghèo địa phương thì cần có những lớp tập huấn đi sâu vào chuyên môn hơn, cung cấp các kiến thức chuyên sâu về CTXH từ kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp, các tiến trình cụ thể khi thực hiện một ca theo cách chuyên nghiệp. Người tập huấn là những giảng viên về chuyên ngành CTXH có kinh nghiệm về thực hành CTXH trong đời sống thực tế.

Từng bước chuyên nghiệp hóa nghề CTXH cho đội ngũ cán bộ làm CTXH, cộng tác viên CTXH tại cộng đồng theo chức năng nhiệm vụ chuyên môn thông qua tăng các các buổi tập huấn, hội thảo chuyên đề chuyên ngành CTXH.

Cần có những văn bản quy định rõ ràng chức trách, nhiệm vụ cho cán bộ làm về CTXH để cán bộ làm về CTXH được công nhận, có cơ sở pháp lý để thực hiện đúng nhiệm vụ của mình.

Tiểu kết Chương 3

Trên cơ sở phân tích thực trạng vai trò của CTXH trong hoạt động hỗ trợ người nghèo tại xã Tề Lỗ, tôi đã nêu ra một số giải pháp thiết thực nhằm đẩy mạnh vai trò CTXH và nâng cao hiệu quả của các hoạt động CTXH trong hỗ trợ người nghèo tại xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Dựa vào tình hình của xã Tề Lỗ, tôi đã đưa ra những giải pháp như là giải pháp về cơ chế chính sách, giải pháp tăng cường hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về giảm nghèo, giải pháp kết nối dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo, giải pháp nâng cao vai trò của người nghèo trong hoạt động tham gia kinh tế vươn lên thoát nghèo, giải pháp nâng cao năng lực, nhận thức cho cán bộ chính quyền địa phương.

Thực hiện các giải pháp nêu trên sẽ góp phần phát triển CTXH trong hoạt động giảm nghèo tại xã Tề Lỗ từ đó đưa CTXH vào phục vụ đời sống nhân dân và đảm bảo chất lượng cuộc sống con người.

KẾT LUẬN

Giảm nghèo bền vững hiện nay đã và đang là hoạt động trọng tâm của mỗi địa phương và của cả nước trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Trong những năm gần đây, công tác hỗ trợ người nghèo tại xã Tề Lỗ đã nhận được sự đánh giá, nhận định với những dấu hiệu khả quan từ phía các hộ nghèo và cấp uỷ chính quyền xã nhờ có sự cố gắng của cán bộ và bản thân các hộ gia đình nghèo. Tuy nhiên vẫn còn rất nhiều những khó khăn trên con đường phát triển kinh tế xã hội, phấn đấu trở thành một xã giàu mạnh.

Qua quá trình tìm hiểu thực tế công tác hỗ trợ người nghèo tại xã Tề Lỗ và phân tích tình hình của địa phương có thể nhận thấy giữa việc nghiên cứu về lý thuyết liên quan đến CTXH, nghèo, hộ nghèo,..và việc áp dụng lý thuyết đó vào thực tế còn có những khoảng cách nhất định. Trong bài luận văn này, tác giả đã đưa ra được cơ sở lý luận về CTXH, nghèo, vai trò của CTXH trong hỗ trợ người nghèo; tìm hiểu về tình hình nghèo của xã Tề Lỗ, khảo sát về thực trạng thực hiện vai trò của CTXH trong hỗ trợ người nghèo, thực trạng yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo tại xã Tề Lỗ, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm đưa CTXH vào hoạt động giảm nghèo tại xã Tề Lỗ được hiệu quả hơn.

Qua quá trình nghiên cứu thực hiện đề tài: “Vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo tại xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc” tác giả đưa ra kết luận sau:

Các vai trò kết nối, tuyên truyền, giáo dục, vận động nguồn lực, biện hộ được lồng ghép trong các hoạt động hỗ trợ người nghèo của cán bộ giảm nghèo của xã, bước đầu đã có những thành công và nhận được sự đồng tình ủng hộ của người nghèo. Tuy nhiên, việc thực hiện những vai trò này vẫn còn gặp một số khó khăn thuộc về đội ngũ cán bộ, về người nghèo và cộng đồng dân cư.

Cán bộ được đào tạo về CTXH chuyên nghiệp có rất ít, mà đa phần cán bộ chính sách giảm nghèo thực hiện các vai trò của CTXH. Cán bộ làm CTXH của xã cũng đã được tập huấn về CTXH nhưng chưa áp dụng được kiến thức CTXH chuyên nghiệp vào thực hiện giảm nghèo.

Người nghèo chưa được sự trợ giúp chuyên nghiệp của CTXH mà vẫn chỉ đơn thuần rằng họ được chính quyền và cộng đồng giúp đỡ giảm nghèo. Người nghèo nói riêng và cộng đồng còn chưa hiểu, thậm chí là chưa biết về công tác xã hội, chỉ biết đó là các hoạt động ủng hộ quyên góp vì người nghèo bằng tiền mặt. Khi những hiểu biết về công tác xã hội chưa được rõ ràng thì việc thực hiện công tác xã hội trong trợ giúp các đối tượng gặp nhiều khó khăn.

Hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo không phải là trách nhiệm của một cơ quan, một tổ chức hay của riêng một địa phương nào mà là trách nhiệm chung của cả cộng đồng xã hội. Mỗi người nghèo đều có năng lực riêng để cải thiện chất lượng cuộc sống của bản thân họ cũng như chất lượng cuộc sống của các thành viên trong gia đình. Chỉ có điều, họ chưa nhận ra hoặc chưa biết cách phát huy những năng lực, sức mạnh vốn có đó. Vì vậy những người nghèo rất cần sự chung tay hỗ trợ của cộng đồng để giúp họ vươn lên trong cuộc sống.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu trong nước

1. Trần Quế Anh (2017), *Hoạt động công tác xã hội trong giảm nghèo bền vững tại thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định*, Luận văn Thạc sĩ công tác xã hội, Trường Đại học Lao động – Xã hội.
2. Ban chấp hành Đảng bộ xã Tề Lỗ (2015), *Lịch sử Đảng bộ xã Tề Lỗ (1944 - 2015)*.
3. Lê Kiên Cường (2013), *Tài chính vi mô hỗ trợ xóa đói giảm nghèo tại tỉnh Đồng Nai đến năm 2020*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.
4. Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hòa (dịch) (2010), *Từ điển Xã hội học Oxford*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 370 – 373.
5. Giàng Thị Dung (2014), *Phát triển khu kinh tế cửa khẩu với xóa đói giảm nghèo ở tỉnh Lào Cai*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.
6. Bùi Văn Dương (2014), *Vai trò của công tác xã hội trong xóa đói, giảm nghèo*, Luận văn Thạc sĩ Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr92.
8. Nguyễn Hữu Điệp (2016), *Công tác xã hội đối với người nghèo trong giảm nghèo bền vững từ thực tiễn tỉnh Hà Giang*, Luận văn Thạc sĩ Công tác xã hội, Học viện Khoa học Xã hội.

9. Lê Thị Hà (2016), *Công tác xã hội đối với người nghèo từ thực tiễn tỉnh Hà Tĩnh*, Luận văn Thạc sĩ Công tác xã hội, Học viện Khoa học Xã hội.
10. Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Việt Nga, Nguyễn Thanh Phương và cộng sự (2015), *Báo cáo tổng quan các nghiên cứu về giảm nghèo ở Việt Nam*, Báo cáo khoa học, Viện Nghiên cứu và Tư vấn phát triển (RCD).
11. Lê Thị Thu Hằng (2014), *Vai trò của nhân viên công tác xã hội đối với lồng ghép giới trong dự án xóa đói giảm nghèo*, Luận văn Thạc sĩ Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
12. Nguyễn Thị Ánh Hoàn (2019), *Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ nghèo đơn thân tại xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình*, Luận văn Thạc sĩ công tác xã hội, Trường Đại học Lao động – Xã hội.
13. Cao Thị Minh Hương (2018), *Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trợ giúp người nghèo trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ công tác xã hội, Trường Đại học Lao động – Xã hội.
14. Trần Xuân Kỳ (2011), *Công tác xã hội với người nghèo*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, Hà Nội.
15. Lê Quốc Lý (chủ biên) (2012), *Chính sách xóa đói giảm nghèo - Thực trạng và giải pháp*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.
16. Bùi Thị Xuân Mai (2014), *Giáo trình Nhập môn Công tác xã hội*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, Hà Nội.

17. Nguyễn Thị Nhung (2012), *Giải pháp xóa đói giảm nghèo nhằm phát triển kinh tế xã hội ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
18. Nguyễn Thắng và cộng sự (2011), *Giảm nghèo ở Việt Nam: thành tựu và thách thức*, Báo cáo khoa học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.
19. Công Hoàng Thuận (2012), *Công tác xã hội với người nghèo*, Tài liệu hướng dẫn thực hành, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Hà Nội.
20. Nguyễn Thị Thuận và Ngô Thị Minh Hương (2008), *Phương pháp lồng ghép giới trong xóa đói giảm nghèo*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, Hà Nội, Tr.37.
21. Phan Thanh Tùng (2018), *Công tác xã hội cá nhân với phụ nữ nghèo tại xã Quảng Phong, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh*, Luận văn Thạc sĩ công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
22. Đỗ Thị Tuyên (2019), *Dịch vụ công tác xã hội với người nghèo trên địa bàn Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ công tác xã hội, Trường Đại học Lao động – Xã hội.

Các Website

23. Bách khoa toàn thư mở (Wikipedia), *Vai trò xã hội*,
https://vi.wikipedia.org/wiki/Vai_tr%C3%B2_x%C3%A3_h%E1%BB%99i
24. Lê Mơ, *Nâng cao năng lực cán bộ làm công giảm nghèo*,
<http://baovinhphuc.com.vn/xa-hoi/37407/nang-cao-nang-luc-can-bo-lam-cong-tac-giam-ngheo.html>

25. Bích Nguyễn, *Khoảng cách nghèo giữa các nhóm dân tộc vẫn là thách thức lớn*, <http://www.bienphong.com.vn/khoang-cach-ngheo-giua-cac-nhom-dan-toc-van-la-thach-thuc-lon/>
26. Thảo Nguyễn, *Cuối năm 2018, ước tính tỷ lệ hộ nghèo cả nước còn dưới 6%*, <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc-su-kien/cuoi-nam-2018-uoc-tinh-ty-le-ho-ngheo-ca-nuoc-con-duoi-6-549738>,
27. Oxfam (2013), *Mô hình giảm nghèo tại một số cộng đồng điển hình ở Việt Nam*, Nxb. Hà Nội.
28. Phil Bartle, *Năm nhân tố của sự nghèo đói*, <http://cec.vcn.bc.ca/mpfc/modules/emp-povt.htm>
29. Trung tâm Công nghệ thông tin, *Công tác giảm nghèo ở Vĩnh Phúc góp phần bảo đảm an sinh xã hội*, www.daibieunhandan.vn

Tài liệu nước ngoài

30. National Association of Social Workers, *Standards for Social Service Manpower*, New York: NASW, 1983 p.4-5.

PHỤ LỤC

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

(Dành cho đối tượng người nghèo)

Xin kính chào quý ông/ bà!

Để thu thập thông tin phục vụ cho nghiên cứu đề tài luận văn ngành công tác xã hội: “ ***Vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ người nghèo tại xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc***”. Rất mong Ông/bà giúp đỡ bằng cách trả lời bảng khảo sát dưới đây. Việc trả lời những câu hỏi trong phiếu khảo sát sẽ góp phần đánh giá chất lượng vai trò của CTXH trong giảm nghèo của xã Tề Lỗ từ đó nâng cao chất lượng giảm nghèo đảm bảo an sinh xã hội.

Tôi can đoan những thông tin mà Ông/bà cung cấp chỉ để phục vụ cho đề tài và đảm bảo tính khuyết danh.

Xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của Ông/bà!

PHẦN 1: THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ tên (Có thể không điền):.....
2. Tuổi:.....
3. Giới tính: Nam / Nữ
4. Nơi cư trú :.....
5. Dân tộc:.....Tôn giáo:.....
6. Nghề nghiệp:.....
7. Tình trạng hôn nhân:
 - ☐ Kết hôn
 - ☐ Ly hôn
 - ☐ Ly thân
 - ☐ Độc thân
 - ☐ Khác
8. Trình độ học vấn:
 - ☐ Không đi học
 - ☐ Tiểu học

- ☐ THCS
☐ THPT
☐ Đại học
☐ Trên đại học

PHẦN 2: NỘI DUNG CÂU HỎI.

9. Ông/ bà có nhận được hỗ trợ từ địa phương không?
 A. Có B. không
10. Ông/ bà có biết đến công tác xã hội là gì không?
 A. Có B. Không
11. Ông/ bà có nhu cầu gì trong quá trình giảm nghèo?
 A. Ăn mặc
 B. Nhà ở
 C. Hỗ trợ dạy nghề, giới thiệu việc làm
 D. Vay vốn
 E. Khác ...
12. Ông/bà có được hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm không.
 A. Có. B. Không.
 Nếu "không" xin ông/bà cho biết lý do tại sao?

13. Ông/bà được hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm ở lĩnh vực nào sau đây?
 A. Lĩnh vực may mặc.
 B. Lĩnh vực cơ khí – kỹ thuật(sửa chữa xe máy, ô tô, đồ điện dân dụng...)
 C. Lĩnh vực nấu ăn.
 D. Lĩnh vực khác (nếu có).....
14. Ông/bà đánh giá thế nào về hiệu quả của hoạt động đào tạo nghề và hỗ trợ việc làm?

- A. Rất tốt. Tôi đã được đào tạo nghề một cách bài bản và được giới thiệu một công việc phù hợp, mức lương ổn định.
 - B. Bình thường. Tôi đã được đào tạo nghề một cách bài bản nhưng chưa được giới thiệu một công việc nào (hoặc công việc được giới thiệu không phù hợp)
 - C. Không tốt. Chương trình đào tạo nghề không đầy đủ về kiến thức, kỹ năng để hành nghề.
15. Ông/bà vui lòng cho biết những khó khăn vướng mắc trong việc tham gia vào chương trình hỗ trợ về đào tạo nghề và kết nối việc làm (Nếu có)?
- A. Tôi không có thời gian để tham gia đầy đủ các buổi học vì còn phải đi lao động kiếm tiền mưu sinh.
 - B. Tôi không tiếp thu được kiến thức của chương trình đào tạo.
 - C. Tôi không đủ kinh tế để theo học các khóa đào tạo.
 - D. Việc làm được giới thiệu quá khả năng mà tôi có thể đáp ứng.
16. Ông/ bà vui lòng đánh giá vai trò của cán bộ giảm nghèo trong việc hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm.
- A. Rất tốt. Cán bộ giảm nghèo nhiệt tình giới thiệu và vận động được nguồn tài trợ cho tôi đi học nghề.
 - B. Bình thường. Cán bộ giảm nghèo có giới thiệu tôi với trung tâm đào tạo nghề nhưng tôi phải tự đi liên hệ để tìm nơi làm việc.
 - C. Không tốt. Cán bộ giảm nghèo giới thiệu đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo nghề và kết nối việc làm, nhưng không nhiệt tình giúp đỡ tôi tiếp cận với các chương trình đó.
17. Ông/bà có đề xuất gì để nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm?

.....

.....

.....

.....

18. Ông/ bà có được nhận hỗ trợ về tài chính không?

A. Có

B. Không.

Nếu "không" xin ông/bà cho biết lý do tại sao?

.....

19. Ông/ bà được nhận hỗ trợ tài chính qua các hình thức nào dưới đây:

A. Hỗ trợ vay vốn.

B. Tặng sổ tiết kiệm.

C. Hỗ trợ tài chính vi mô.

D. Khác

20. Ông/ bà vui lòng đánh giá hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ tài chính trên:

STT	Hỗ trợ tài chính	Rất tốt	Bình thường	Không tốt
1	Hỗ trợ vay vốn			
2	Tặng sổ tiết kiệm			

21. Ông/ bà vui lòng cho biết những khó khăn, vướng mắc trong việc nhận những hỗ trợ về tài chính:

A. Thủ tục để nhận được nguồn hỗ trợ rất rườm rà, phức tạp.

B. Lo sợ sẽ không có khả năng trả được khoản vốn vay.

C. Số tiền hỗ trợ ít

D. Không biết cách sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả sinh lời.

22. Ông/ bà vui lòng đánh giá vai trò của cán bộ giảm nghèo trong việc hỗ trợ tài chính.

A. Rất tốt. Cán bộ giảm nghèo rất nhiệt tình hướng dẫn tôi làm các thủ tục để nhận hỗ trợ tài chính, bên cạnh đó còn giúp tôi có thêm kiến thức, kinh nghiệm để sử dụng nguồn hỗ trợ hiệu quả

B. Bình thường. Cán bộ giảm nghèo có cung cấp thông tin cho tôi về chương trình hỗ trợ tài chính nhưng tôi gặp khó khăn trong việc hoàn thiện thủ tục, phải đi lại nhiều lần.

C. Không tốt. Cán bộ giảm nghèo tỏ ra hời hợt khi tôi hỏi thông tin về các chương trình hỗ trợ tài chính, không giải đáp được những thắc mắc của tôi và không hỗ trợ tôi hoàn thiện thủ tục.

23. Ông/ bà có đề xuất gì để nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ tài chính.

.....

.....

.....

24. Ông/ bà có được truyền thông về các chính sách giảm nghèo không?

A. Có B. Không

Nếu “Không” Ông/bà vui lòng cho biết lý do vì sao?

.....

.....

25. Ông/bà được cán bộ địa phương giới thiệu giải thích về các chính sách nào dưới đây?

A. Chính sách hỗ trợ vay vốn, tặng sổ tiết kiệm.

B. Chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí.

C. Chính sách đào tạo nghề và kết nối việc làm.

D. Chính sách miễn giảm học phí.

E. Khác.....

26. Ông/ bà được truyền thông về việc thực hiện chính sách giảm nghèo thông qua hình thức nào sau đây?

A. Loa phát thanh xã.

B. Báo đài.

C. Tờ rơi.

D. Qua các cuộc họp.

E. Truyền thông tại nhà.

27. Ông/ bà đánh giá thế nào về hiệu quả của việc truyền thông này?
Ông/bà có nắm được đầy đủ nội dung về các thông tin đã được truyền thông hay không?

STT	Nội dung truyền thông	Tôi đã nắm rõ	Tôi đã được nghe nhưng chỉ hiểu một phần	Tôi đã được nghe nhưng không hiểu
1	Chính sách vay vốn và tặng sổ tiết kiệm			
2	Chính sách bảo hiểm y tế			
3	Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và kết nối việc làm			
4	Chính sách miễn giảm học phí			
5	Nội dung khác (Nêu rõ).....			

28. Ông/ bà vui lòng cho biết những khó khăn trong việc tiếp nhận thông tin truyền thông?

- A. Không có đủ thiết bị để tiếp nhận thông tin từ các kênh khác nhau.
- B. Cán bộ cung cấp thông tin chưa đầy đủ, không nhiệt tình giải thích khi cần
- C. Nội dung thông tin truyền đạt dài dòng, khó hiểu.
- D. Khác(Nêu rõ).....

29. Ông/bà vui lòng cho biết nguyên nhân nào dẫn đến việc ông bà chưa nắm rõ nội dung truyền thông?

.....

.....

.....

30. Ông/bà được cán bộ giảm nghèo giáo dục về nội dung bình đẳng giới không?

- A. Có
- B. Không

Nếu không ông bà cho biết lý do vì sao?

.....

.....

 31. Ông/bà có hiểu được những nội dung đó không?

A. Có

B. Không

32. Ông/bà đánh giá như nào về nội dung giáo dục bình đẳng giới giảm nghèo?

A. Rất tốt.

B. Bình thường.

C. Không tốt.

33. Ông/bà có được giáo dục về nội dung chăm sóc sức khỏe không?

A. Có

B. Không

Nếu không ông bà cho biết lý do vì sao?

.....

 34. Ông/bà đánh giá như nào về giáo dục sức khỏe trong giảm nghèo?

A. Rất tốt,

B. Bình thường.

C. Không tốt.

35. Ông/bà có đề xuất gì để nâng cao hoạt động giáo dục trong giảm nghèo?

.....

Xin cảm ơn ông/bà đã trả lời!

CÂU HỎI PHÒNG VẤN SÂU

(Dành cho các cán bộ)

1. Ông/bà bắt đầu tiếp nhận vị trí cán bộ giảm nghèo (tại xã) từ khi nào? Vị trí làm việc có phù hợp với chuyên ngành đã được đào tạo trước đây của ông/bà không? Nếu không, xin chia sẻ những khó khăn khi phải làm việc trái ngành mình theo học.
2. Thực trạng đói nghèo ở địa phương và hoạt động công tác hỗ trợ người nghèo đang diễn ra như thế nào? Những tác động của hoạt động hỗ trợ đó lên cuộc sống của người nghèo như thế nào?
3. Xin ông/bà vui lòng chia sẻ về quan điểm của chính quyền xã trong việc triển khai đào tạo, tập huấn nâng cao nghiệp vụ về áp dụng công tác xã hội trong việc thực hiện triển khai hỗ trợ người nghèo?
4. Xin ông/bà vui lòng cho biết tại xã anh/ chị có thực hiện các vai trò của công tác xã hội vào trong csac hoạt động hỗ trợ người nghèo giảm nghèo không?
5. Nếu “có” ông/bà đã vận dụng các vai trò sau đây như thế nào trong công việc hiện tại tại cơ sở:
 - Vai trò kết nối
 - Vai trò vận động nguồn lực
 - Vai trò biện hộ
 - Vai trò giáo dục
6. Ông/bà đã vận dụng vai trò đó như thế nào trong việc giảm nghèo và thực hiện những hoạt động nào?
7. Ông/bà đánh giá sao về hiệu quả của việc áp dụng các vai trò CTXH vào trong hoạt động giảm nghèo tại xã?
8. Ông/bà có gặp những khó khăn, vướng mắc gì trong quá trình thực hiện các vai trò của công tác xã hội vào việc thực hiện hỗ trợ giảm nghèo?

9. Ông/bà có những đề xuất khuyến nghị gì để tăng cường vai trò của công tác xã hội và nhân viên công tác xã hội trong việc giảm nghèo?
10. Ông/bà có đề xuất gì về việc tăng cường hiệu quả của việc áp dụng công tác xã hội trong việc giảm nghèo tại địa phương?

Xin cảm ơn ông/bà đã trả lời!

CÂU HỎI PHÒNG VẤN SÂU

(Dành cho người nghèo)

1. Ông/bà có nhu cầu gì trong hoạt động giảm nghèo? Nếu được hỗ trợ đáp ứng nhu cầu thì ông/ bà sẽ dự định làm gì với hỗ trợ đó?
2. Ông/bà được cán bộ xã hỗ trợ kết nối dạy nghề và đào tạo việc làm như thế nào? Hỗ trợ dạy nghề và đào tạo việc làm giúp gì cho ông/ bà và gia đình ông/ bà?
3. Vai trò giáo dục về bình đẳng giới có ảnh hưởng như thế nào đến tư tưởng suy nghĩ của ông/ bà và những người xung quanh ông/bà?
4. Giáo dục chăm sóc sức khỏe đã giúp ông/ bà có được những kiến thức gì? Những kiến thức ấy có giúp được gì cho ông/ bà trong cuộc sống hàng ngày?
5. Ông/ bà đã được cán bộ xã hỗ trợ về nhà ở như thế nào? Ông/ bà có nhận định gì về năng lực, thái độ của cán bộ xã khi thực hiện hỗ trợ về nhà ở?
6. Ngoài ra ông/ bà có nhận được những hỗ trợ gì khác từ nhà nước và chính quyền địa phương? Những hỗ trợ đó giúp gì cho cuộc sống của ông/bà và gia đình ông/bà?
7. Theo ông/ bà, yếu tố nào ảnh hưởng đến vai trò của các bộ xã trong việc thực hiện hỗ trợ giảm nghèo? Xin ông bà nói rõ thêm về có yếu tố ấy:
 - Yếu tố năng lực, nhận thức của cán bộ làm CTXH của xã
 - Yếu tố chính sách, pháp luật
 - Yếu tố nhận thức của người nghèo
 - Yếu tố nhận thức của cộng đồng xã.

Xin cảm ơn ông/bà đã trả lời!